

Số: 06 /2014/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Quảng Trị;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐBĐVN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG
TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH QUẢNG TRỊ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06 /2014/TT-BTNMT
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Trị được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Trị được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa. Địa danh có kèm theo ký hiệu dấu “*” là địa danh thuộc vùng tranh chấp.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”, TX. là chữ viết tắt của “thị xã”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH QUẢNG TRỊ

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Trị gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Đông Hà	3
2	Thị xã Quảng Trị	12
3	Huyện Cam Lộ	16
4	Huyện Đa Krông	29
5	Huyện Gio Linh	47
6	Huyện Hải Lăng	63
7	Huyện Hướng Hóa	78
8	Huyện Triệu Phong	105
9	Huyện Vĩnh Linh	122

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu phố 1	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 23"	107° 05' 52"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 25"	107° 05' 42"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 18"	107° 05' 31"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 04"	107° 05' 22"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 48' 47"	107° 05' 34"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 03"	107° 05' 39"					E-48-83-A-c
khu phố 7	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 48' 56"	107° 05' 50"					E-48-83-A-c
khu phố 8	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 05"	107° 05' 59"					E-48-83-A-c
khu phố 9	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 12"	107° 06' 05"					E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 49' 07"	107° 05' 04"	E-48-83-A-c
chợ Đông Hà	KX	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 15"	107° 05' 25"					E-48-83-A-c
đường Hàm Nghi	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 49' 07"	107° 05' 44"	16° 48' 08"	107° 06' 03"	E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. 1	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 05"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c
đường Hùng Vương	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 49' 17"	107° 05' 47"	16° 48' 54"	107° 05' 57"	E-48-83-A-c
đường Lê Duẩn	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Lược	TV	P. 1	TP. Đông Hà			16° 48' 50"	107° 04' 41"	16° 49' 37"	107° 05' 30"	E-48-83-A-c
đường Nguyễn Huệ	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 49' 10"	107° 05' 50"	16° 49' 17"	107° 05' 18"	E-48-83-A-c
đường Nguyễn Trãi	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 49' 13"	107° 06' 13"	16° 48' 57"	107° 05' 10"	E-48-83-A-c
khu phố Tây Trĩ	DC	P. 1	TP. Đông Hà	16° 49' 29"	107° 05' 22"					E-48-83-A-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 1	TP. Đông Hà			16° 54' 24"	107° 11' 33"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c
khu phố 1	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 45"	107° 06' 19"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 40"	107° 06' 13"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 37"	107° 06' 09"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 32"	107° 06' 07"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 28"	107° 06' 02"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 25"	107° 06' 08"					E-48-83-A-c
khu phố 7	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 21"	107° 06' 12"					E-48-83-A-c
khu phố 8	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 20"	107° 06' 19"					E-48-83-A-c
khu phố 9	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 14"	107° 06' 22"					E-48-83-A-c
khu phố 10	DC	P. 2	TP. Đông Hà	16° 49' 09"	107° 06' 22"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. 2	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 05"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường Lê Duẩn	KX	P. 2	TP. Đông Hà			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
khu phố 1	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 49' 30"	107° 04' 55"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 49' 45"	107° 05' 09"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 49' 11"	107° 04' 31"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 49' 02"	107° 04' 17"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 48' 56"	107° 04' 37"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 49' 08"	107° 05' 05"					E-48-83-A-c
khu phố 7	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 48' 49"	107° 05' 05"					E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	P. 3	TP. Đông Hà			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. 3	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 05"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c
khu phố Khe Lấp	DC	P. 3	TP. Đông Hà	16° 46' 31"	107° 02' 46"					E-48-83-A-c
hồ Khe Mây	TV	P. 3	TP. Đông Hà	16° 48' 36"	107° 04' 39"					E-48-83-A-c
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	P. 3	TP. Đông Hà	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Lược	TV	P. 3	TP. Đông Hà			16° 48' 50"	107° 04' 41"	16° 49' 37"	107° 05' 30"	E-48-83-A-c
Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị	KX	P. 3	TP. Đông Hà	16° 48' 47"	107° 04' 27"					E-48-83-A-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 3	TP. Đông Hà			16° 49' 30"	107° 05' 56"	16° 49' 07"	107° 05' 04"	E-48-83-A-c
sông Vĩnh Phước	TV	P. 3	TP. Đông Hà			16° 45' 21"	107° 00' 45"	16° 48' 29"	107° 08' 40"	E-48-83-A-c
Động Vóc	SV	P. 3	TP. Đông Hà	16° 45' 09"	107° 02' 30"					E-48-83-A-c E-48-83-C
khu phố 1	DC	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 22"	107° 03' 04"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 16"	107° 03' 11"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 28"	107° 03' 12"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 44"	107° 03' 39"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 56"	107° 03' 51"					E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	P. 4	TP. Đông Hà			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c
Nghĩa trang Liệt sỹ Quốc gia Đường 9	KX	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 33"	107° 03' 29"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. 4	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 05"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c
Xí nghiệp X334	KX	P. 4	TP. Đông Hà	16° 48' 48"	107° 03' 58"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu phố 1	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 53"	107° 06' 21"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 32"	107° 06' 17"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 47"	107° 06' 08"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 42"	107° 05' 59"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 43"	107° 05' 40"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 35"	107° 05' 43"					E-48-83-A-c
khu phố 7	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 07"	107° 05' 30"					E-48-83-A-c
khu phố 8	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 11"	107° 05' 22"					E-48-83-A-c
khu phố 9	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 19"	107° 05' 46"					E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c
khu phố 10	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 18"	107° 05' 59"					E-48-83-A-c
khu phố 11	DC	P. 5	TP. Đông Hà	16° 48' 35"	107° 05' 24"					E-48-83-A-c
đường Hàm Nghi	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 49' 07"	107° 05' 44"	16° 48' 08"	107° 06' 03"	E-48-83-A-c
đường Lê Lợi	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 48' 59"	107° 06' 08"	16° 48' 16"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 48' 25"	107° 06' 59"	16° 48' 05"	107° 05' 27"	E-48-83-A-c
đường Ngô Quyền	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 48' 54"	107° 06' 12"	16° 48' 43"	107° 05' 47"	E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường Nguyễn Du	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 48' 33"	107° 05' 36"	16° 48' 05"	107° 05' 27"	E-48-83-A-c
đường Tôn Thất Thuyết	KX	P. 5	TP. Đông Hà			16° 48' 53"	107° 06' 13"	16° 48' 40"	107° 05' 38"	E-48-83-A-c
khu phố 1	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 49' 45"	107° 05' 47"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 49' 58"	107° 05' 53"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 07"	107° 06' 09"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 45"	107° 05' 54"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 46"	107° 06' 14"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 38"	107° 06' 27"					E-48-83-A-c
khu phố 7	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 33"	107° 06' 35"					E-48-83-A-c
khu phố 8	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 37"	107° 06' 59"					E-48-83-A-c
khu phố 9	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 50' 18"	107° 06' 53"					E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	P. Đông Giang	TP. Đông Hà			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-c
khu phố 10	DC	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 51' 35"	107° 06' 17"					E-48-83-A-c
cồn An Lạc	TV	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 49' 36"	107° 05' 41"					E-48-83-A-c
cầu Bến Lội	KX	P. Đông Giang	TP. Đông Hà	16° 51' 24"	107° 06' 22"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. Đông Giang	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 05"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường Lê Duẩn	KX	P. Đông Giang	TP. Đông Hà			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
Hói Sông	TV	P. Đông Giang	TP. Đông Hà			16° 50' 56"	107° 04' 26"	16° 50' 11"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c
sông Thạch Hãn	TV	P. Đông Giang	TP. Đông Hà			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
sông Trúc Khê	TV	P. Đông Giang	TP. Đông Hà			16° 52' 38"	107° 03' 47"	16° 50' 52"	107° 07' 23"	E-48-83-A-c
khu phố 1A	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 49' 08"	107° 06' 29"					E-48-83-A-c
khu phố 1B	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 48' 58"	107° 06' 38"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 49' 58"	107° 05' 53"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 48' 45"	107° 06' 46"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 50' 45"	107° 05' 54"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 50' 46"	107° 06' 14"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 49' 37"	107° 07' 31"					E-48-83-A-d
khu phố 7	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 49' 39"	107° 07' 10"					E-48-83-A-c
khu phố 8	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 50' 00"	107° 07' 09"					E-48-83-A-c
khu phố 9	DC	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 48' 19"	107° 06' 29"					E-48-83-A-c
ga Đông Hà	KX	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 48' 43"	107° 06' 44"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 04"	16° 50' 29"	107° 07' 21"	E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường Lê Duẩn	KX	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
đường Lê Lợi	KX	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà			16° 48' 59"	107° 06' 08"	16° 48' 16"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà			16° 48' 25"	107° 06' 59"	16° 48' 05"	107° 05' 27"	E-48-83-A-c
sông Thạch Hãn	TV	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d E-48-83-A-c
hồ Trung Chĩ	TV	P. Đông Lễ	TP. Đông Hà	16° 47' 45"	107° 05' 44"					E-48-83-A-c
khu phố 1	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 48' 11"	107° 06' 41"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 48' 21"	107° 06' 49"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 47' 57"	107° 06' 51"					E-48-83-A-c
khu phố Đại Áng	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 48' 15"	107° 07' 22"					E-48-83-A-d
chùa Hải Sơn	KX	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 46' 53"	107° 05' 18"					E-48-83-A-c
khu phố Lai Phước	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 47' 06"	107° 07' 18"					E-48-83-A-c
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-83-A-c
đường Lê Duẩn	KX	P. Đông Lương	TP. Đông Hà			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
đường Lê Lợi	KX	P. Đông Lương	TP. Đông Hà			16° 48' 59"	107° 06' 08"	16° 48' 16"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Đông Lương	TP. Đông Hà			16° 48' 25"	107° 06' 59"	16° 48' 05"	107° 05' 27"	E-48-83-A-c
khu công nghiệp Nam Đông Hà	KX	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 47' 54"	107° 07' 05"					E-48-83-A-c
khu phố Tân Vĩnh	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 46' 33"	107° 06' 26"					E-48-83-A-c
sông Thạch Hãn	TV	P. Đông Lương	TP. Đông Hà			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
khu phố Trung Chỉ	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 48' 25"	107° 07' 08"					E-48-83-A-c
khu phố Vĩnh Phước	DC	P. Đông Lương	TP. Đông Hà	16° 48' 08"	107° 08' 13"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Phước	TV	P. Đông Lương	TP. Đông Hà			16° 45' 21"	107° 00' 45"	16° 48' 29"	107° 08' 40"	E-48-83-A-c
khu phố 1	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 56"	107° 05' 30"					E-48-83-A-c
khu phố 2	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 48' 21"	107° 06' 49"					E-48-83-A-c
khu phố 3	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 54"	107° 04' 59"					E-48-83-A-c
khu phố 4	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 46"	107° 04' 47"					E-48-83-A-c
khu phố 5	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 37"	107° 04' 37"					E-48-83-A-c
khu phố 6	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 32"	107° 04' 27"					E-48-83-A-c
khu phố 7	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 21"	107° 04' 18"					E-48-83-A-c
khu phố 8	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 10"	107° 04' 02"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu phố 9	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 09"	107° 03' 52"					E-48-83-A-c
khu phố 10	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 53"	107° 03' 39"					E-48-83-A-c
khu phố 11	DC	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 55"	107° 04' 15"					E-48-83-A-c
đồi Bò Chao	SV	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà	16° 49' 51"	107° 03' 35"					E-48-83-A-c
Hói Cạn	TV	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà			16° 49' 22"	107° 03' 04"	16° 49' 24"	107° 04' 27"	E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà			16° 48' 43"	106° 57' 05"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c
đường Lê Duẩn	KX	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
Hói Sông	TV	P. Đông Thanh	TP. Đông Hà			16° 50' 56"	107° 04' 26"	16° 50' 11"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c
khu phố 1	DC	P. 1	TX. Quảng Trị	16° 44' 21"	107° 10' 55"					E-48-83-A-d
khu phố 2	DC	P. 1	TX. Quảng Trị	16° 44' 20"	107° 11' 15"					E-48-83-A-d
khu phố 3	DC	P. 1	TX. Quảng Trị	16° 43' 59"	107° 11' 16"					E-48-83-A-d
khu phố 4	DC	P. 1	TX. Quảng Trị	16° 44' 38"	107° 11' 15"					E-48-83-A-d
đường Hai Bà Trưng	KX	P. 1	TX. Quảng Trị			16° 44' 28"	107° 11' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-C
đường Lê Duẩn	KX	P. 1	TX. Quảng Trị			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-C
kênh N2A	TV	P. 1	TX. Quảng Trị			16° 43' 36"	107° 11' 19"	16° 38' 39"	107° 17' 28"	E-48-83-C
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	P. 1	TX. Quảng Trị			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Thạch Hãn	TV	P. 1	TX. Quảng Trị			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-C
hồ Tích Tường	TV	P. 1	TX. Quảng Trị	16° 43' 52"	107° 11' 03"					E-48-83-C
khu phố 1	DC	P. 2	TX. Quảng Trị	16° 45' 05"	107° 10' 59"					E-48-83-A-d
khu phố 2	DC	P. 2	TX. Quảng Trị	16° 45' 31"	107° 11' 07"					E-48-83-A-d
khu phố 3	DC	P. 2	TX. Quảng Trị	16° 45' 07"	107° 11' 10"					E-48-83-A-d
khu phố 4	DC	P. 2	TX. Quảng Trị	16° 45' 32"	107° 11' 21"					E-48-83-A-d
khu phố 5	DC	P. 2	TX. Quảng Trị	16° 45' 25"	107° 11' 38"					E-48-83-A-d
kênh N4	TV	P. 2	TX. Quảng Trị			16° 45' 58"	107° 12' 12"	16° 42' 06"	107° 18' 50"	E-48-83-A-d E-48-83-C
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	P. 2	TX. Quảng Trị			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-A-d
đường Nguyễn Thị Lý	KX	P. 2	TX. Quảng Trị			16° 44' 28"	107° 11' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-A-d
Thành cổ Quảng Trị	KX	P. 2	TX. Quảng Trị	16° 45' 18"	107° 11' 16"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	P. 2	TX. Quảng Trị			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-C E-48-83-A-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 2	TX. Quảng Trị			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-C E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	P. 2	TX. Quảng Trị			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
khu phố 1	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 44' 53"	107° 10' 57"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu phố 2	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 45' 01"	107° 11' 53"					E-48-83-C
khu phố 3	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 44' 44"	107° 10' 59"					E-48-83-C
khu phố 4	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 45' 03"	107° 11' 34"					E-48-83-C
khu phố 5	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 44' 46"	107° 11' 16"					E-48-83-C
khu phố 6	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 45' 02"	107° 11' 11"					E-48-83-C
khu phố 7	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 44' 56"	107° 11' 09"					E-48-83-C
khu phố 8	DC	P. 3	TX. Quảng Trị	16° 44' 48"	107° 11' 41"					E-48-83-C
đường Hai Bà Trưng	KX	P. 3	TX. Quảng Trị			16° 44' 28"	107° 11' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-C
đường Lê Duẩn	KX	P. 3	TX. Quảng Trị			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-C
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	P. 3	TX. Quảng Trị			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-C E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	P. 3	TX. Quảng Trị			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-C E-48-83-A-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 3	TX. Quảng Trị			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-C
khu phố 1	DC	P. An Đôn	TX. Quảng Trị	16° 43' 55"	107° 10' 07"					E-48-83-C E-48-83-A-d
khu phố 2	DC	P. An Đôn	TX. Quảng Trị	16° 44' 05"	107° 10' 31"					E-48-83-C
khu phố 3	DC	P. An Đôn	TX. Quảng Trị	16° 44' 45"	107° 10' 39"					E-48-83-C E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu phố 4	DC	P. An Đôn	TX. Quảng Trị	16° 44' 55"	107° 10' 37"					E-48-83-C E-48-83-A-d
khu phố 5	DC	P. An Đôn	TX. Quảng Trị	16° 45' 20"	107° 10' 46"					E-48-83-C E-48-83-A-d
đường Lê Duẩn	KX	P. An Đôn	TX. Quảng Trị			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-C E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	P. An Đôn	TX. Quảng Trị			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-C E-48-83-A-d
Bàu Vịt	TV	P. An Đôn	TX. Quảng Trị			16° 45' 22"	107° 10' 32"	16° 44' 10"	107° 10' 24"	E-48-83-C E-48-83-A-d
hồ Đập Trám	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 41' 18"	107° 08' 38"					E-48-83-C
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Triệu Hải	KX	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 38' 51"	107° 08' 45"					E-48-83-C
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-C
thôn Như Lệ	DC	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 42' 18"	107° 09' 34"					E-48-83-C
khe Như Lệ	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị			16° 41' 46"	107° 09' 18"	16° 43' 00"	107° 10' 00"	E-48-83-C
thôn Phước Môn	DC	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 41' 58"	107° 10' 11"					E-48-83-C
hồ Phước Môn	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 40' 35"	107° 09' 42"					E-48-83-C
thôn Tân Lệ	DC	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 41' 46"	107° 09' 03"					E-48-83-C
thôn Tân Mỹ	DC	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 40' 38"	107° 08' 34"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Thạch Hãn	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-C
thôn Tích Tường	DC	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 43' 14"	107° 10' 50"					E-48-83-C
Khe Trái	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị			16° 36' 28"	107° 06' 56"	16° 40' 20"	107° 07' 00"	E-48-83-C
Bàu Trong	TV	xã Hải Lệ	TX. Quảng Trị	16° 43' 28"	107° 11' 08"					E-48-83-C
khu phố 1	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 25"	106° 59' 21"					E-48-82-B
khu phố 2	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 34"	106° 59' 47"					E-48-82-B
khu phố 3	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 39"	107° 00' 00"					E-48-82-B
khu phố 4	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 33"	107° 00' 17"					E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-B E-48-83-A-c
khu phố An Hưng	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 39"	106° 59' 13"					E-48-82-B
khu phố Đông Định	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 49' 01"	107° 00' 21"					E-48-83-A-c
Cầu Đuôi	KX	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 49' 15"	107° 00' 38"					E-48-83-A-c
khu phố Hậu Viên	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 45"	107° 00' 11"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ			16° 48' 43"	106° 57' 04"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-82-B E-48-83-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 33"	107° 00' 17"	E-48-83-A-c
khu phố Nam Hùng	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 47' 49"	106° 59' 48"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu phố Nghĩa Hy	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 47' 47"	107° 00' 20"					E-48-82-B
hồ Nghĩa Hy	TV	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 47' 08"	107° 00' 05"					E-48-82-B E-48-83-A-c
khe Tân Trụ	TV	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ			16° 47' 28"	107° 00' 24"	16° 49' 11"	107° 00' 45"	E-48-83-A-c
khu phố Tây Hoà	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 47"	106° 59' 27"					E-48-82-B
khu phố Thiết Tràng	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 05"	107° 00' 30"					E-48-83-A-c
khu phố Thượng Nguyên	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 49' 02"	107° 00' 33"					E-48-83-A-c
khu phố Thượng Viên	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 46"	106° 59' 50"					E-48-82-B
khu phố Trung Viên	DC	TT. Cam Lộ	H. Cam Lộ	16° 48' 56"	107° 00' 10"					E-48-83-A-c
quốc lộ 1A	KX	xã Cam An	H. Cam Lộ			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	xã Cam An	H. Cam Lộ			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-c
đường tỉnh 578	KX	xã Cam An	H. Cam Lộ			16° 52' 23"	107° 04' 54"	16° 53' 13"	106° 59' 27"	E-48-83-A-c
thôn An Xuân	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 50' 47"	107° 05' 06"					E-48-83-A-c
thôn Cẩm Thạch	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 50' 51"	107° 05' 14"					E-48-83-A-c
Bàu Đá	TV	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 51' 00"	107° 05' 02"					E-48-82-A-c
thôn Kim Đâu	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 51' 07"	107° 05' 19"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Mỹ Hoà	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 51' 40"	107° 03' 53"					E-48-83-A-c
thôn Phi Thừa	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 50' 58"	107° 05' 47"					E-48-83-A-c
thôn Phổ Lại	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 50' 25"	107° 04' 52"					E-48-83-A-c
thôn Phổ Lại Phường	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 50' 40"	107° 05' 23"					E-48-83-A-c
thôn Phú Hậu	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 51' 16"	107° 04' 50"					E-48-83-A-c
Hỏi Sông	TV	xã Cam An	H. Cam Lộ			16° 50' 56"	107° 04' 26"	16° 50' 11"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c
thôn Trúc Khê	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 52' 09"	107° 04' 53"					E-48-83-A-c
sông Trúc Khê	TV	xã Cam An	H. Cam Lộ			16° 52' 38"	107° 03' 47"	16° 50' 52"	107° 07' 22"	E-48-83-A-a E-48-83-A-c
thôn Trúc Kinh	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 52' 03"	107° 05' 26"					E-48-83-A-c
hồ Trúc Kinh	TV	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 52' 46"	107° 03' 22"					E-48-83-A-a E-48-83-A-c
kênh Trúc Kinh	TV	xã Cam An	H. Cam Lộ			16° 52' 51"	107° 03' 43"	16° 53' 38"	107° 07' 53"	E-48-83-A-c
thôn Xuân Khê	DC	xã Cam An	H. Cam Lộ	16° 51' 57"	107° 04' 08"					E-48-83-A-c
đường tỉnh 585	KX	xã Cam Chính	H. Cam Lộ			16° 48' 03"	106° 58' 47"	16° 44' 56"	106° 56' 02"	E-48-82-B
thôn Cồn Trung	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 43"	106° 57' 24"					E-48-82-D
suối Đá Bàn	TV	xã Cam Chính	H. Cam Lộ			16° 43' 55"	106° 59' 40"	16° 45' 21"	107° 00' 45"	E-48-82-D E-48-83-C
thôn Đốc Kinh	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 53"	106° 57' 45"					E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-82-B E-48-82-D E-48-83-A-c
thôn Lộc An	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 03"	106° 57' 18"					E-48-82-D
thôn Mai Đàn	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 43' 54"	106° 57' 52"					E-48-82-D
thôn Mai Lộc 1	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 22"	106° 58' 27"					E-48-82-D
thôn Mai Lộc 2	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 29"	106° 57' 56"					E-48-82-D
thôn Mai Lộc 3	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 13"	106° 58' 02"					E-48-82-D
thôn Minh Hương	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 45' 44"	106° 58' 29"					E-48-82-B
Trại giam Nghĩa An	KX	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 42' 29"	106° 57' 51"					E-48-82-D
thôn Sơn Nam	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 45' 06"	106° 59' 05"					E-48-82-B
thôn Tân Chính	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 45' 27"	106° 58' 00"					E-48-82-D
thôn Thanh Nam	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 45' 20"	106° 59' 38"					E-48-82-B
thôn Thiết Xá	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 43' 35"	106° 58' 10"					E-48-82-D
thôn Thượng Nghĩa	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 43' 15"	106° 58' 21"					E-48-82-D
khe Trộ Đố	TV	xã Cam Chính	H. Cam Lộ			16° 45' 31"	106° 56' 49"	16° 45' 21"	107° 00' 45"	E-48-82-B E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Trung Chĩ	DC	xã Cam Chính	H. Cam Lộ	16° 44' 00"	106° 58' 39"					E-48-82-D
Rào Vịnh	TV	xã Cam Chính	H. Cam Lộ			16° 43' 45"	106° 53' 56"	16° 43' 55"	106° 59' 40"	E-48-82-D
quốc lộ 9	KX	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c
thôn Bích Giang	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 49' 12"	107° 02' 11"					E-48-83-A-c
Hỏi Cạn	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 49' 22"	107° 03' 04"	16° 49' 24"	107° 04' 27"	E-48-83-A-c
Khe Chua	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 47' 50"	107° 01' 13"	16° 48' 27"	107° 02' 34"	E-48-83-A-c
suối Đá Bàn	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 43' 55"	106° 59' 40"	16° 45' 21"	107° 00' 45"	E-48-82-D E-48-83-C
thôn Định Xá	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 44"	107° 02' 28"					E-48-83-A-c
thôn Đường 9	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 23"	107° 02' 01"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 48' 43"	106° 57' 04"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-82-B E-48-83-A-c
hồ Hiếu Nam	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 47' 42"	107° 02' 27"					E-48-83-A-c
Trung tâm Khoa học Kỹ thuật Sản xuất Lâm nghiệp Bắc Trung Bộ	KX	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-83-A-c
thôn Mộc Đức	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 36"	107° 03' 03"					E-48-83-A-c
thôn Tân Hiếu	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 17"	107° 02' 38"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khe Tân Trụ	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 47' 28"	107° 00' 24"	16° 49' 11"	107° 00' 45"	E-48-83-A-c
thôn Tân Trúc	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 15"	107° 01' 07"					E-48-83-A-c
thôn Thạch Đầu	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 49' 21"	107° 01' 19"					E-48-83-A-c
khe Trộ Đó	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 45' 31"	106° 56' 49"	16° 45' 21"	107° 00' 45"	E-48-82-B E-48-83-A-c
thôn Trương Xá	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 52"	107° 03' 19"					E-48-83-A-c
thôn Vĩnh An	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 49' 06"	107° 00' 49"					E-48-83-A-c
thôn Vĩnh Đại	DC	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ	16° 48' 23"	107° 02' 17"					E-48-83-A-c
sông Vĩnh Phước	TV	xã Cam Hiếu	H. Cam Lộ			16° 45' 21"	107° 00' 45"	16° 48' 29"	107° 08' 40"	E-48-83-A-c E-48-83-C
đường tỉnh 585	KX	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ			16° 48' 03"	106° 58' 47"	16° 44' 56"	106° 56' 02"	E-48-82-B
núi Ba Hồ	SV	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 03"	106° 52' 36"					E-48-82-B
thôn Bằng Sơn 1	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 37"	106° 57' 21"					E-48-82-B
thôn Bằng Sơn 2	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 21"	106° 57' 23"					E-48-82-B
thôn Bằng Sơn 3	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 54"	106° 57' 18"					E-48-82-D
thôn Cam Lộ Phường	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 43"	106° 57' 38"					E-48-82-B
thôn Cu Hoan	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 43"	106° 56' 15"					E-48-82-D
thôn Định Sơn	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 22"	106° 56' 18"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đông Lai	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 30"	106° 56' 58"					E-48-82-B
đập Động Lòi	KX	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 49"	106° 55' 58"					E-48-82-B
Khe Gió	TV	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ			16° 45' 25"	106° 53' 46"	16° 47' 02"	106° 53' 44"	E-48-82-B
thôn Hoàn Cát	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 59"	106° 54' 44"					E-48-82-D
đập Khe Măng	KX	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 58"	106° 55' 53"					E-48-82-D
Núi Kiếm	SV	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 46' 58"	106° 56' 22"					E-48-82-B
thôn Nghĩa Phong	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 58"	106° 56' 14"					E-48-82-D
Công ty Cổ phần Nông sản Tân Lâm	KX	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 36"	106° 56' 52"					E-48-82-B E-48-82-D
thôn Phương An 1	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 42"	106° 57' 03"					E-48-82-D
thôn Phương An 2	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	17° 44' 43"	106° 56' 43"					E-48-82-D
thôn Quật Xá	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 45' 14"	106° 55' 25"					E-48-82-D
thôn Tân Sơn	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 46' 18"	106° 57' 04"					E-48-82-B
thôn Thượng Nghĩa	DC	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 44' 49"	106° 55' 39"					E-48-82-D
Động Toàn	SV	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ	16° 42' 05"	106° 53' 36"					E-48-82-D
khe Trộ Đỏ	TV	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ			16° 45' 31"	106° 56' 49"	16° 45' 21"	107° 00' 45"	E-48-82-B E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Rào Vịnh	TV	xã Cam Nghĩa	H. Cam Lộ			16° 43' 45"	106° 53' 56"	16° 43' 55"	106° 59' 40"	E-48-82-D
quốc lộ 1A	KX	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ			16° 50' 37"	107° 04' 55"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-c
thôn An Bình	DC	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 50' 30"	107° 04' 27"					E-48-83-A-c
Xóm Ấp	DC	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 51' 21"	107° 04' 14"					E-48-83-A-c
cầu Bàu Đá	KX	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 50' 59"	107° 04' 39"					E-48-83-A-c
thôn Cam Lộ	DC	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 50' 12"	107° 04' 29"					E-48-83-A-c
Bàu Đá	TV	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 51' 00"	107° 05' 02"					E-48-83-A-c
Cầu Dừa	KX	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 50' 18"	107° 03' 52"					E-48-83-A-c
thôn Phú Ngạn	DC	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 50' 17"	107° 03' 25"					E-48-83-A-c
Hói Sông	TV	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ			16° 50' 56"	107° 04' 26"	16° 50' 11"	107° 06' 44"	E-48-83-A-c
hồ Trúc Kinh	TV	xã Cam Thanh	H. Cam Lộ	16° 52' 46"	107° 03' 22"					E-48-83-A-a E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	xã Cam Thành	H. Cam Lộ			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-83-A-c
đường tỉnh 585	KX	xã Cam Thành	H. Cam Lộ			16° 48' 03"	106° 58' 47"	16° 44' 56"	106° 56' 02"	E-48-82-B
núi Ba Hồ	SV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 45' 03"	106° 52' 36"					E-48-82-B E-48-82-D
núi Bà Tum	SV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 17"	106° 53' 20"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Cam Lộ	TV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ			16° 50' 23"	106° 38' 30"	16° 48' 43"	106° 57' 04"	E-48-82-B
thôn Cam Phú 1	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 14"	106° 55' 02"					E-48-82-B
thôn Cam Phú 2	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 04"	106° 54' 33"					E-48-82-B
thôn Cam Phú 3	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 58"	106° 54' 18"					E-48-82-B
cầu Đầu Mầu	KX	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 00"	106° 53' 43"					E-48-82-B
Khe Gió	TV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ			16° 45' 25"	106° 53' 46"	16° 47' 02"	106° 53' 44"	E-48-82-B
Sông Hiếu	TV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ			16° 48' 43"	106° 57' 04"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-82-B
Núi Kiềm	SV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 58"	106° 56' 22"					E-48-82-B
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-82-B E-48-82-D
thôn Ngô Đồng	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 48' 19"	106° 59' 09"					E-48-82-B
Công ty Cổ phần Nông sản Tân Lâm	KX	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 45' 36"	106° 56' 52"					E-48-82-B
thôn Phan Xá	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 46"	106° 59' 04"					E-48-82-B
hồ Phan Xá	TV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 01"	106° 58' 46"					E-48-82-B
thôn Phước Tuyền	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 48' 25"	106° 58' 50"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Phường Cội	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 36"	106° 58' 39"					E-48-82-B
thôn Quật Xá	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 48' 37"	106° 57' 43"					E-48-82-B
thôn Tân Định	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 48' 20"	106° 58' 56"					E-48-82-B
đèo Tân Lâm	SV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 17"	106° 51' 30"					E-48-82-B
thôn Tân Mỹ	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 48' 25"	106° 58' 15"					E-48-82-B
thôn Tân Phú	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 51"	106° 54' 34"					E-48-82-B
thôn Tân Trang	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 54"	106° 58' 36"					E-48-82-B
thôn Tân Trường	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 41"	106° 57' 49"					E-48-82-B
thôn Tân Xuân 1	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 22"	106° 55' 54"					E-48-82-B
thôn Tân Xuân 2	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 47' 28"	106° 56' 19"					E-48-82-B
thôn Thượng Lâm	DC	xã Cam Thành	H. Cam Lộ	16° 46' 59"	106° 52' 01"					E-48-82-B
sông Trịnh Hìn	TV	xã Cam Thành	H. Cam Lộ			16° 47' 47"	106° 45' 00"	16° 47' 26"	106° 52' 00"	E-48-82-B
quốc lộ 9	KX	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-c
đồi Bồ Chao	SV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 51"	107° 03' 35"					E-48-83-A-c
thôn Cam Vũ 1	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 50"	107° 02' 22"					E-48-83-A-c
thôn Cam Vũ 2	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 59"	107° 02' 36"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Cam Vũ 3	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 53"	107° 02' 55"					E-48-83-A-c
Hỏi Cạn	TV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ			16° 49' 22"	107° 03' 04"	16° 49' 24"	107° 04' 27"	E-48-83-A-c
Bầu Cúc	TV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 48"	107° 02' 15"					E-48-83-A-c
Bầu Cụt	TV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 06"	107° 02' 41"					E-48-83-A-c
hồ Đá Lã	TV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 50' 28"	107° 00' 58"					E-48-83-A-c
Cầu Đuôi	KX	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 15"	107° 00' 38"					E-48-83-A-c
Sông Hiếu	TV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ			16° 48' 43"	106° 57' 04"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-83-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 33"	107° 00' 17"	E-48-83-A-c
thôn Lâm Lang 1	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 18"	107° 02' 29"					E-48-83-A-c
thôn Lâm Lang 2	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 35"	107° 01' 47"					E-48-83-A-c
thôn Lâm Lang 3	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 50' 07"	107° 01' 25"					E-48-83-A-c
thôn Nhật Lệ	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 34"	107° 03' 11"					E-48-83-A-c
thôn Tam Hiệp	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 49' 33"	107° 00' 58"					E-48-83-A-c
thôn Tân Xuân	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 50' 59"	107° 00' 51"					E-48-83-A-c
thôn Thiện Chánh	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 51' 07"	107° 01' 26"					E-48-83-A-c
thôn Thọ Xuân	DC	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 50' 11"	107° 02' 53"					E-48-83-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ Trúc Kinh	TV	xã Cam Thủy	H. Cam Lộ	16° 52' 46"	107° 03' 22"					E-48-83-A-a E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-c
thôn An Mỹ	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 40"	107° 00' 40"					E-48-83-A-c
thôn An Thái	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 34"	106° 59' 54"					E-48-82-B
thôn Ba Thung	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 00"	106° 59' 00"					E-48-82-B
thôn Bắc Bình	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 05"	106° 59' 39"					E-48-82-B
thôn Bản Chùa	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 58"	106° 55' 45"					E-48-82-B
sông Cam Lộ	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 50' 23"	106° 38' 30"	16° 48' 43"	106° 57' 04"	E-48-82-B
Khe Chùa	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 48' 56"	106° 53' 13"	16° 49' 47"	106° 56' 40"	E-48-82-B
xóm Cu Đình	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 51' 49"	106° 54' 40"					E-48-82-B
núi Đá Bạc	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 50' 51"	106° 57' 51"					E-48-82-B
khe Đá Bông	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 50' 33"	106° 56' 57"	16° 49' 16"	106° 58' 07"	E-48-82-B
hồ Đá Lã	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 50' 28"	107° 00' 58"					E-48-83-A-c
hồ Đá Mài	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 16"	106° 55' 08"					E-48-82-B
khe Đá Mài	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 48' 35"	106° 53' 56"	16° 48' 51"	106° 58' 37"	E-48-82-B
thôn Đâu Bình 1	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 48' 59"	106° 58' 05"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đầu Binh 2	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 43"	106° 57' 29"					E-48-82-B
Sông Hiếu	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 48' 43"	106° 57' 04"	16° 50' 33"	107° 07' 27"	E-48-82-B E-48-83-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 33"	107° 00' 17"	E-48-83-A-c
núi Hồ Khê	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 51' 19"	106° 58' 01"					E-48-82-B
núi Kì Ơ	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 48' 42"	106° 56' 05"					E-48-82-B
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-82-B
núi Lèn Đồi	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 48' 07"	106° 50' 03"					E-48-82-B
Núi Mỏ	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 48' 08"	106° 55' 03"					E-48-82-B
Núi Mọt	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 46' 52"	106° 51' 06"					E-48-82-B
Khe Mướp	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 52' 48"	106° 55' 25"	16° 56' 05"	106° 56' 42"	E-48-82-B
Sông Ngân	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 50' 09"	106° 51' 23"	16° 52' 48"	106° 55' 25"	E-48-82-B
Công ty Cổ phần Nông sản Tân Lâm	KX	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 45' 36"	106° 56' 52"					E-48-82-B
núi Phu Lơ	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 48' 42"	106° 53' 21"					E-48-82-B
thôn Tân Hiệp	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 48' 58"	106° 58' 28"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân Hoà	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 07"	106° 57' 08"					E-48-82-B
hồ Tân Kim	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 51"	106° 58' 10"					E-48-82-B
thôn Tân Lập	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 56"	106° 59' 59"					E-48-83-A-c
thôn Tân Quang	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 58"	106° 56' 25"					E-48-82-B
xóm Trảng Rộng	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 52' 39"	106° 56' 04"					E-48-82-B
sông Trịnh Hin	TV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ			16° 47' 47"	106° 45' 00"	16° 47' 26"	106° 52' 00"	E-48-82-B
núi Trọt Môn	SV	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 50' 26"	106° 58' 27"					E-48-82-B
thôn Xuân Mỹ	DC	xã Cam Tuyền	H. Cam Lộ	16° 49' 44"	106° 58' 57"					E-48-82-B
khóm 1	DC	TT. Krông Klang	H. Đa Krông	16° 41' 10"	106° 52' 54"					E-48-82-B
khóm 2	DC	TT. Krông Klang	H. Đa Krông	16° 41' 24"	106° 52' 59"					E-48-82-B
quốc lộ 9	KX	TT. Krông Klang	H. Đa Krông			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-D
khóm A Rỗng	DC	TT. Krông Klang	H. Đa Krông	16° 42' 32"	106° 52' 32"					E-48-82-D
sông Ba Lòng	TV	TT. Krông Klang	H. Đa Krông			16° 41' 02"	106° 52' 16"	16° 38' 50"	107° 04' 08"	E-48-82-D
núi Động Toàn	SV	TT. Krông Klang	H. Đa Krông	16° 43' 08"	106° 53' 39"					E-48-82-D
khóm Khe Xong	DC	TT. Krông Klang	H. Đa Krông	16° 42' 02"	106° 52' 37"					E-48-82-B
khóm Làng Cát	DC	TT. Krông Klang	H. Đa Krông	16° 41' 13"	106° 53' 33"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Mèo	TV	TT. Krông Klang	H. Đa Krông			16° 43' 33"	106° 52' 45"	16° 42' 00"	106° 52' 27"	E-48-82-D
khe Săn Ruồi	TV	TT. Krông Klang	H. Đa Krông			16° 43' 35"	106° 50' 46"	16° 41' 05"	106° 53' 05"	E-48-82-D
Khe Sôm	TV	TT. Krông Klang	H. Đa Krông			16° 42' 19"	106° 50' 43"	16° 41' 04"	106° 52' 16"	E-48-82-D
thôn 4*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 22' 43"	107° 02' 42"					E-48-95-A
thôn 5*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 22' 28"	107° 02' 31"					E-48-95-A
thôn 6*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 22' 00"	107° 01' 28"					E-48-95-A
thôn 7*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 37"	107° 01' 23"					E-48-95-A
thôn A Bung*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 08"	107° 02' 59"					E-48-95-A
cầu A Bung	KX	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 47"	107° 04' 06"					E-48-95-A
núi A Chê	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 35"	107° 04' 14"					E-48-95-A
núi Á Doa	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 50"	107° 08' 48"					E-48-95-A
thôn A Luông	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 02"	107° 03' 12"					E-48-95-A
khe A Sôóc	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 24' 05"	107° 03' 51"	16° 23' 44"	107° 04' 00"	E-48-95-A
suối An Cheng	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 19' 19"	107° 01' 13"	16° 21' 43"	107° 00' 52"	E-48-95-A
khe Ba Lê	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 26' 53"	107° 04' 18"	16° 30' 23"	106° 59' 59"	E-48-95-A
núi Ca Rông	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 20' 31"	107° 02' 17"					E-48-95-A
núi Cay Đrút	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 24' 00"	107° 06' 53"					E-48-95-A
thôn Cu Tài 1	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 22' 46"	107° 02' 27"					E-48-95-A
thôn Cu Tài 2	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 22' 23"	107° 01' 54"					E-48-95-A
sông Đa Krông	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 39' 33"	106° 48' 52"	16° 23' 47"	107° 06' 01"	E-48-95-A
thôn Kê*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 35"	107° 03' 37"					E-48-95-A
thôn Kê 1*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 24' 35"	107° 05' 10"					E-48-95-A
Thôn Kứp	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 49"	107° 03' 00"					E-48-95-A
thôn La Hót	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 37"	107° 00' 37"					E-48-95-A
suối La Hót	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 19' 19"	106° 58' 45"	16° 21' 45"	107° 00' 44"	E-48-95-A
núi Lây Xa Ri	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 19' 19"	107° 01' 47"					E-48-95-A
thôn Li Leng*	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 57"	107° 04' 43"					E-48-95-A
cầu Li Leng	KX	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 58"	107° 04' 45"					E-48-95-A
suối Li Leng	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 21' 58"	107° 04' 45"	16° 22' 34"	107° 02' 28"	E-48-95-A
Làng Ngà	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 18"	107° 03' 28"					E-48-95-A
suối Pa Ngao	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 23' 25"	107° 06' 34"	16° 24' 37"	107° 05' 44"	E-48-95-A
suối Pa Ra Ấy	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 20' 07"	107° 03' 40"	16° 22' 00"	107° 01' 22"	E-48-95-A
núi Pa Ra Hiệt	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 21' 55"	107° 02' 05"					E-48-95-A
suối Pa Rộc	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 18' 59"	107° 02' 13"	16° 21' 29"	107° 02' 11"	E-48-95-A
núi Plăng	SV	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 27' 00"	107° 05' 15"					E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Tà Rụt	KX	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 23' 51"	107° 04' 26"					E-48-95-A
suối Tân Tung	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 22' 37"	107° 04' 22"	16° 23' 11"	107° 03' 26"	E-48-95-A
Suối Trù	TV	xã A Bung	H. Đa Krông			16° 26' 37"	107° 05' 49"	16° 24' 41"	107° 05' 21"	E-48-95-A
thôn Ty Nê	DC	xã A Bung	H. Đa Krông	16° 22' 44"	107° 02' 32"					E-48-95-A
thôn A Đang	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 22' 29"	107° 00' 16"					E-48-95-A
thôn A Đeng	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 22' 00"	107° 00' 43"					E-48-95-A
thôn A La	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 09"	106° 59' 44"					E-48-94-B
xóm A La Rây	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 22' 50"	106° 59' 54"					E-48-95-A
thôn A Ngo	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 28"	106° 59' 17"					E-48-95-A
thôn A Rông dưới	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 22' 35"	107° 00' 09"					E-48-95-A
thôn A Rông trên	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 21' 56"	107° 00' 59"					E-48-95-A
cầu A Rông trên	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 21' 43"	107° 00' 50"					E-48-95-A
phu A Sau	SV	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 18' 11"	106° 58' 04"					E-48-94-B
thôn Ấng Công	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 15"	106° 58' 30"					E-48-95-A
suối Ấng Công	TV	xã A Ngo	H. Đa Krông			16° 22' 23"	106° 56' 39"	16° 23' 10"	106° 57' 30"	E-48-94-B
Cầu Bản	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 20' 51"	106° 59' 08"					E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Cà Nưư	SV	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 22' 03"	106° 58' 12"					E-48-94-B
núi Ca Va	SV	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 06"	107° 01' 06"					E-48-95-A
Núi Chẻ	SV	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 20' 59"	106° 57' 55"					E-48-94-B
Cụm Cơ Động 4	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 22' 13"	107° 00' 48"					E-48-95-A
sông Đa Krông	TV	xã A Ngo	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-94-B
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông			16° 39' 33"	106° 48' 52"	16° 23' 47"	107° 06' 01"	E-48-94-B E-48-95-A
núi Kì Soong	SV	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 24' 28"	106° 57' 50"					E-48-94-B
xóm Kỳ Chuông	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 30"	106° 58' 58"					E-48-95-A
thôn Kỳ Ne	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 24"	106° 58' 41"					E-48-94-B
Trạm kiểm soát Biên phòng Kỳ Ne	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 23' 11"	106° 57' 36"					E-48-95-A
cầu La Hót	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 21' 49"	107° 00' 33"					E-48-94-B
suối La Hót	TV	xã A Ngo	H. Đa Krông			16° 19' 19"	106° 58' 45"	16° 21' 45"	107° 00' 44"	E-48-94-B
thôn La Lay	DC	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 20' 31"	106° 59' 10"					E-48-95-A
Cửa khẩu La Lay	KX	xã A Ngo	H. Đa Krông	16° 19' 10"	106° 58' 39"					E-48-94-B
suối Pa Linh	TV	xã A Ngo	H. Đa Krông			16° 26' 27"	106° 55' 15"	16° 23' 35"	106° 58' 45"	E-48-94-B
suối Pi Rào	TV	xã A Ngo	H. Đa Krông			16° 23' 28"	107° 01' 17"	16° 23' 19"	106° 59' 47"	E-48-95-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
phủ A Pật	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 27' 11"	106° 53' 13"					E-48-94-B
thôn A Sau	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 26' 51"	106° 54' 36"					E-48-94-B
núi A Tăng	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 23' 35"	106° 54' 21"					E-48-94-B
thôn A Vao	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 23' 31"	106° 56' 35"					E-48-94-B
súoi Ầm Bắg	TV	xã A Vao	H. Đa Krông			16° 26' 40"	106° 52' 47"	16° 23' 35"	106° 56' 49"	E-48-94-B
súoi Ầg Công	TV	xã A Vao	H. Đa Krông			16° 22' 23"	106° 56' 39"	16° 23' 10"	106° 57' 30"	E-48-94-B
Núi Cọ	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 26' 16"	106° 53' 13"					E-48-94-B
Xóm Đang	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 25' 51"	106° 53' 12"					E-48-94-B
Núi Đang	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 25' 09"	106° 55' 55"					E-48-94-B
núi Kỉ Soong	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 24' 28"	106° 57' 50"					E-48-94-B
bản Kỳ Nỏi	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 27' 21"	106° 54' 15"					E-48-94-B
bản Pa Lin	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 27' 32"	106° 54' 28"					E-48-94-B
súoi Pa Lin	TV	xã A Vao	H. Đa Krông			16° 27' 31"	106° 54' 50"	16° 26' 27"	106° 55' 15"	E-48-94-B
súoi Pa Linh	TV	xã A Vao	H. Đa Krông			16° 26' 27"	106° 55' 15"	16° 23' 35"	106° 58' 45"	E-48-94-B
núi Pa Sừm	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 25' 06"	106° 58' 03"					E-48-94-B
Núi Phó	SV	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 23' 06"	106° 56' 01"					E-48-94-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Ro Ró 1	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 22' 40"	106° 56' 22"					E-48-94-B
thôn Ro Ró 2	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 23' 17"	106° 56' 57"					E-48-94-B
thôn Tân Đi 1	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 24' 23"	106° 56' 53"					E-48-94-B
thôn Tân Đi 2	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 23' 56"	106° 55' 39"					E-48-94-B
thôn Tân Đi 3	DC	xã A Vao	H. Đa Krông	16° 24' 59"	106° 57' 00"					E-48-94-B
sông Ái Tử	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 40' 14"	107° 01' 23"	16° 48' 11"	107° 08' 26"	E-48-83-A-d E-48-83-C
Trạm kiểm lâm Ba Lòng	KX	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 15"	107° 03' 00"					E-48-83-C
khe Ba Lòng	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 37' 19"	107° 02' 29"	16° 38' 13"	107° 02' 48"	E-48-83-C
sông Ba Lòng	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 41' 02"	106° 52' 16"	16° 38' 50"	107° 04' 08"	E-48-82-D E-48-83-C
Xóm Bơng	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 34"	107° 04' 02"					E-48-83-C
thôn Cây Chanh	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 27"	106° 59' 42"					E-48-83-C
núi Đá Bàn	SV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 37' 23"	106° 58' 34"					E-48-82-D
thôn Đá Nổi	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 19"	107° 01' 00"					E-48-83-C
Khe Đầu	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 37' 15"	107° 01' 04"	16° 38' 27"	107° 01' 12"	E-48-83-C
thôn Hà Vụng	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 12"	107° 00' 35"					E-48-83-C
xóm Hải Quy	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 37' 53"	107° 02' 37"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Khe Cau	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 55"	106° 58' 28"					E-48-82-D
thôn Lương Hạ	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 17"	107° 00' 04"					E-48-83-C
thôn Mai Sơn	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 42"	106° 59' 22"					E-48-83-C
thôn Tân Trà	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 37' 42"	107° 01' 53"					E-48-83-C
sông Thạch Hãn	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-82-D E-48-83-C
thôn Thạch Xá	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 07"	107° 01' 20"					E-48-83-C
khe Thụ Lự	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 36' 30"	107° 00' 08"	16° 38' 23"	107° 00' 47"	E-48-83-C
thôn Vạn Đá Nổi	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 38' 22"	107° 01' 02"					E-48-82-D
thôn Văn Vận	DC	xã Ba Lòng	H. Đa Krông	16° 37' 55"	107° 01' 42"					E-48-83-C
Rào Vịnh	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 43' 45"	106° 53' 56"	16° 43' 55"	106° 59' 40"	E-48-82-D
Khe Vò	TV	xã Ba Lòng	H. Đa Krông			16° 37' 29"	107° 00' 00"	16° 38' 31"	107° 00' 26"	E-48-83-C
đường tỉnh 587	KX	xã Ba Nang	H. Đa Krông			16° 37' 39"	106° 44' 07"	16° 34' 33"	106° 50' 14"	E-48-82-C E-48-82-D
Đồn Biên phòng 621	KX	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 34' 38"	106° 49' 28"					E-48-82-D
thôn A La	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 35' 44"	106° 52' 16"					E-48-82-D
thôn Ba Nang	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 35' 14"	106° 51' 32"					E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Bù	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 31' 45"	106° 53' 17"					E-48-83-A-d E-48-83-C
núi Co Pát	SV	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 33' 00"	106° 49' 44"					E-48-82-D
Thôn Cóc	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 33' 28"	106° 50' 36"					E-48-82-D
Suối Cóc	TV	xã Ba Nang	H. Đa Krông			16° 33' 10"	106° 50' 11"	16° 34' 08"	106° 50' 38"	E-48-82-D
thôn Đá Băn	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 34' 33"	106° 49' 40"					E-48-82-D
bản Đá Đỏ	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 36' 02"	106° 52' 13"					E-48-82-D
sông Đa Krông	TV	xã Ba Nang	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-82-D
núi Giang Gió	SV	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 32' 08"	106° 54' 52"					E-48-82-D
Bản Hồ	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 32' 01"	106° 53' 32"					E-48-82-D E-48-83-C
suối Nà Tấp	TV	xã Ba Nang	H. Đa Krông			16° 34' 08"	106° 50' 38"	16° 35' 11"	106° 51' 47"	E-48-82-D
suối Rơ Lây	TV	xã Ba Nang	H. Đa Krông			16° 35' 11"	106° 51' 47"	16° 35' 44"	106° 52' 23"	E-48-82-D
thôn Tà Mên	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 32' 30"	106° 53' 04"					E-48-82-D E-48-83-C
suối Tà Mên	TV	xã Ba Nang	H. Đa Krông			16° 33' 17"	106° 53' 37"	16° 32' 52"	106° 52' 44"	E-48-82-D
thôn Ta Rọc	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 35' 02"	106° 51' 49"					E-48-82-D
Thôn Trầm	DC	xã Ba Nang	H. Đa Krông	16° 33' 17"	106° 51' 31"					E-48-82-D E-48-83-C
Quốc lộ 9	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Ba Ngào	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 40' 22"	106° 51' 14"					E-48-82-D
khe Ba Ngào	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 41' 17"	106° 50' 14"	16° 40' 07"	106° 50' 50"	E-48-82-D
thôn Ba Tầng	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 38' 32"	106° 50' 31"					E-48-82-D
khe Ca Lẻ	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 37' 10"	106° 49' 19"	16° 37' 57"	106° 47' 15"	E-48-82-D
thôn Chân Rò	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 40' 05"	106° 51' 36"					E-48-82-D
suối Cu Giồng	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 35' 33"	106° 47' 50"	16° 37' 53"	106° 46' 46"	E-48-82-D
thôn Cu Pua	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 38' 21"	106° 48' 11"					E-48-82-D
cầu Đa Krông	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 30"	106° 48' 53"					E-48-82-D
sông Đa Krông	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-82-D
khe Động Chè	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 39' 11"	106° 52' 21"	16° 40' 46"	106° 52' 02"	E-48-82-D
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 39' 33"	106° 48' 52"	16° 23' 47"	107° 06' 01"	E-48-82-D
thôn Khe Ngải	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 40' 23"	106° 52' 15"					E-48-82-D
xóm Khe Trọng	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 50"	106° 52' 16"					E-48-82-D
Thôn Klu	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 37"	106° 48' 57"					E-48-82-D
Cầu Klu	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 34"	106° 48' 56"					E-48-82-D
Khe Klu	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 40' 24"	106° 48' 52"	16° 39' 33"	106° 48' 57"	E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Làng Cát	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 38' 12"	106° 47' 14"					E-48-82-D
xóm Làng Cát Trên	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 37' 56"	106° 46' 42"					E-48-82-D
Khe Nghi	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 42' 13"	106° 46' 22"	16° 39' 15"	106° 47' 55"	E-48-82-D
cầu Rào Quán	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 38' 29"	106° 47' 17"					E-48-82-D
sông Rào Quán	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 46' 21"	106° 39' 47"	16° 38' 27"	106° 48' 01"	E-48-82-D
suối Ta Cún	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 38' 05"	106° 46' 06"	16° 37' 53"	106° 46' 46"	E-48-82-D
thôn Ta Lêng	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 37' 39"	106° 51' 33"					E-48-82-D
Cầu Trua	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 11"	106° 47' 35"					E-48-82-D
Khe Trua	TV	xã Đa Krông	H. Đa Krông			16° 39' 36"	106° 46' 41"	16° 39' 10"	106° 47' 38"	E-48-82-D
thôn Vùng Kho	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 19"	106° 47' 36"					E-48-82-D
cầu Vùng Kho	KX	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 23"	106° 47' 42"					E-48-82-D
thôn Xa Lãng	DC	xã Đa Krông	H. Đa Krông	16° 39' 13"	106° 49' 00"					E-48-82-D
thôn 5	DC	xã Hải Phúc	H. Đa Krông	16° 37' 01"	107° 02' 17"					E-48-83-C
khe Ba Giang	TV	xã Hải Phúc	H. Đa Krông			16° 35' 56"	107° 05' 02"	16° 37' 19"	107° 02' 29"	E-48-83-C
khe Ba Lòng	TV	xã Hải Phúc	H. Đa Krông			16° 37' 19"	107° 02' 29"	16° 38' 13"	107° 02' 48"	E-48-83-C
Khe Đâu	TV	xã Hải Phúc	H. Đa Krông			16° 37' 15"	107° 01' 04"	16° 38' 27"	107° 01' 12"	E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khe Giếng Giếng	TV	xã Hải Phúc	H. Đa Krông			16° 37' 23"	107° 01' 33"	16° 37' 54"	107° 02' 12"	E-48-83-C
Lâm trường Hải Lâm	KX	xã Hải Phúc	H. Đa Krông	16° 35' 30"	107° 03' 53"					E-48-83-C
Sông Nhùng	TV	xã Hải Phúc	H. Đa Krông			16° 33' 49"	107° 05' 32"	16° 45' 51"	107° 13' 27"	E-48-83-C
thôn Tà Lang	DC	xã Hải Phúc	H. Đa Krông	16° 37' 53"	107° 00' 57"					E-48-83-C
khe Thụ Lự	TV	xã Hải Phúc	H. Đa Krông			16° 36' 30"	107° 00' 08"	16° 38' 23"	107° 00' 47"	E-48-83-C
thôn Văn Vện	DC	xã Hải Phúc	H. Đa Krông	16° 37' 50"	107° 02' 42"					E-48-83-C
thôn 37	DC	xã Húc Nghi	H. Đa Krông	16° 30' 20"	106° 59' 08"					E-48-94-B
cầu A Cho	KX	xã Húc Nghi	H. Đa Krông	16° 30' 22"	106° 58' 54"					E-48-82-D
khe A Cho	TV	xã Húc Nghi	H. Đa Krông			16° 28' 26"	107° 07' 14"	16° 30' 24"	106° 58' 52"	E-48-95-A E-48-82-D
núi A Siếp	SV	xã Húc Nghi	H. Đa Krông	16° 30' 19"	107° 05' 36"					E-48-83-C E-48-95-A
khe Ba Lê	TV	xã Húc Nghi	H. Đa Krông			16° 26' 53"	107° 04' 18"	16° 30' 23"	106° 59' 59"	E-48-95-A E-48-82-D
núi Ca Cút	SV	xã Húc Nghi	H. Đa Krông	16° 27' 04"	107° 07' 39"					E-48-95-A
sông Đa Krông	TV	xã Húc Nghi	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-94-B
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Húc Nghi	H. Đa Krông			16° 39' 33"	106° 48' 52"	16° 23' 47"	107° 06' 01"	E-48-82-D E-48-94-B
thôn Húc Nghi	DC	xã Húc Nghi	H. Đa Krông	16° 31' 08"	106° 58' 53"					E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Kúrp	DC	xã Húc Nghi	H. Đa Krông	16° 27' 49"	107° 01' 48"					E-48-94-B
khe La Sam	TV	xã Húc Nghi	H. Đa Krông			16° 27' 00"	107° 02' 24"	16° 30' 02"	107° 00' 28"	E-48-95-A E-48-83-C
thôn La Tó	DC	xã Húc Nghi	H. Đa Krông	16° 30' 32"	106° 59' 56"					E-48-82-D
Dốc Miếu	SV	xã Húc Nghi	H. Đa Krông	16° 31' 19"	107° 03' 00"					E-48-83-C
núi Plăng	SV	xã Húc Nghi	H. Đa Krông	16° 27' 00"	107° 05' 15"					E-48-95-A
Núi Pung	SV	xã Húc Nghi	H. Đa Krông	16° 31' 06"	107° 03' 31"					E-48-83-C
quốc lộ 9	KX	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-B E-48-82-D
khe Ca Kưm	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 45' 08"	106° 51' 17"	16° 46' 10"	106° 50' 57"	E-48-82-B
khe Ca Lu	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 42' 19"	106° 50' 43"	16° 41' 04"	106° 52' 16"	E-48-82-D
sông Cam Lộ	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 50' 23"	106° 38' 30"	16° 48' 43"	106° 57' 05"	E-48-82-A E-48-82-B
súoi Cầu Mười	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 45' 01"	106° 50' 37"	16° 45' 25"	106° 51' 14"	E-48-82-B
sông Chín Hìn	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 48' 03"	106° 43' 52"	16° 47' 26"	106° 52' 00"	E-48-82-A E-48-82-B
bản Đá Ngồi	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 44' 36"	106° 46' 19"					E-48-82-D
núi Đồng Tiên	SV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 48' 31"	106° 46' 42"					E-48-82-B
khe Giang Toan	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 44' 51"	106° 46' 53"	16° 45' 02"	106° 47' 50"	E-48-82-B E-48-82-D
thôn Hà Bạc	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 46' 14"	106° 50' 45"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Hiền	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 48' 09"	106° 46' 40"	16° 46' 36"	106° 50' 07"	E-48-82-B
thôn Khe Hiền	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 47' 02"	106° 49' 04"					E-48-82-B
thôn Khe Van	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 46' 02"	106° 51' 07"					E-48-82-B
thôn Kreng	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 45' 40"	106° 49' 07"					E-48-82-D
núi Lèn Đồi	SV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 48' 07"	106° 50' 03"					E-48-82-B
núi Lèn Một	SV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 46' 53"	106° 51' 06"					E-48-82-B
núi Pa Ho	SV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 45' 03"	106° 52' 36"					E-48-82-B
thôn Pa Loang	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 45' 06"	106° 48' 24"					E-48-82-B
thôn Phú An	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 43' 20"	106° 51' 44"					E-48-82-D
thôn Ra Lu	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 44' 54"	106° 51' 10"					E-48-82-D
súoi Ra Nghi	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 42' 45"	106° 48' 22"	16° 46' 15"	106° 50' 56"	E-48-82-B E-48-82-D
Thôn Ruộng	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 44' 45"	106° 51' 02"					E-48-82-D
thôn Sa Rúc	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 43' 48"	106° 51' 31"					E-48-82-B
thôn Sa Vi	DC	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 44' 14"	106° 51' 11"					E-48-82-B
khe Săn Ruôi	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 43' 35"	106° 50' 46"	16° 41' 05"	106° 53' 05"	E-48-82-D
khe Ta Bung	TV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông			16° 42' 07"	106° 49' 57"	16° 45' 01"	106° 50' 37"	E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Tong Bong	SV	xã Hướng Hiệp	H. Đa Krông	16° 45' 48"	106° 46' 11"					E-48-82-A E-48-82-B
sông Ba Lòng	TV	xã Mò Ó	H. Đa Krông			16° 41' 02"	106° 52' 16"	16° 38' 50"	107° 04' 08"	E-48-82-D
thôn Ba Rầu	DC	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 39' 58"	106° 55' 01"					E-48-82-D
Núi Chè	SV	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 39' 20"	106° 54' 00"					E-48-82-D
thôn Khe Lặn	DC	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 40' 44"	106° 54' 22"					E-48-82-D
thôn Khe Luồi	DC	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 40' 44"	106° 53' 23"					E-48-82-D
Suối Luồi	TV	xã Mò Ó	H. Đa Krông			16° 39' 01"	106° 53' 52"	16° 40' 26"	106° 53' 56"	E-48-82-D
suối Ô Ô	TV	xã Mò Ó	H. Đa Krông			16° 40' 18"	106° 55' 46"	16° 39' 54"	106° 55' 43"	E-48-82-D
thôn Phú Thành	DC	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 40' 40"	106° 54' 06"					E-48-82-D
thôn Phú Thiềng	DC	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 41' 04"	106° 53' 59"					E-48-82-D
dãy Trường Sơn	SV	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-82-D
Ban quản lý Rừng phòng hộ Hướng Hoá/Đa Krông	KX	xã Mò Ó	H. Đa Krông	16° 39' 16"	106° 54' 28"					E-48-82-D
thôn A Đu	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 30' 40"	106° 56' 05"					E-48-82-D
phụ A Ho	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 28' 45"	106° 52' 39"					E-48-94-B
bản A Lô	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 30' 29"	106° 54' 37"					E-48-82-D
thôn Ba Ngày	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 30' 27"	106° 55' 16"					E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Ba Ngày	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 31' 59"	106° 54' 39"	16° 30' 38"	106° 56' 47"	E-48-82-D
suối Cà Ruông	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 28' 55"	106° 54' 37"	16° 30' 52"	106° 57' 29"	E-48-94-B
bản Cài Chang	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 30' 09"	106° 55' 00"					E-48-82-D
Thôn Chai	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 33' 35"	106° 54' 44"					E-48-82-D
Núi Che	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 36' 30"	106° 56' 44"					E-48-82-D
Suối Cheng	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 29' 48"	106° 53' 14"	16° 30' 20"	106° 55' 14"	E-48-94-B
núi Co A Pát	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 30' 44"	106° 53' 20"					E-48-82-D
núi Da Ban	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 34' 38"	107° 00' 11"					E-48-83-C
sông Đa Krông	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-82-D
núi Đông Đếch	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 29' 22"	106° 52' 55"					E-48-94-B
núi Giang Gió	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 32' 08"	106° 54' 52"					E-48-82-D
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 39' 33"	106° 48' 52"	16° 23' 47"	107° 06' 01"	E-48-82-D
Thôn Kè	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 36' 11"	106° 54' 11"					E-48-82-D
núi Kroong	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 31' 05"	106° 55' 32"					E-48-82-D
thôn Ly Tôn	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 31' 58"	106° 57' 42"					E-48-82-D
Thôn Ngược	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 30' 49"	106° 54' 46"					E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Pa Hi	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 34' 27"	106° 57' 35"					E-48-82-D
suối Sa Pa	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 33' 33"	106° 55' 45"	16° 32' 04"	106° 57' 29"	E-48-82-D
thôn Sa Ta	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 32' 59"	106° 56' 05"					E-48-82-D
Thôn Ta	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 31' 12"	106° 56' 07"					E-48-82-D
Suối Ta	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 31' 18"	106° 55' 46"	16° 30' 43"	106° 56' 58"	E-48-82-D
thôn Tà Lao	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 34' 05"	106° 59' 37"					E-48-82-D
cầu Tà Lao	KX	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 34' 27"	106° 57' 30"					E-48-82-D
núi Tà Lao	SV	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 36' 44"	106° 57' 36"					E-48-82-D
suối Tà Lao	TV	xã Tà Long	H. Đa Krông			16° 32' 28"	107° 03' 03"	16° 34' 23"	106° 57' 57"	E-48-82-D E-48-83-B
Thôn Vôi	DC	xã Tà Long	H. Đa Krông	16° 35' 38"	106° 55' 14"					E-48-82-D
thôn A Đăng	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 25' 19"	106° 59' 11"					E-48-94-B
thôn A Liêng	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 26' 34"	106° 58' 41"					E-48-94-B
thôn A Pun	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 24' 15"	106° 59' 39"					E-48-94-B
thôn A Vương	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 26' 41"	106° 58' 46"					E-48-94-B
thôn Ca Hẹp	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 24' 26"	106° 59' 42"					E-48-94-B
sông Đa Krông	TV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông			16° 24' 37"	107° 05' 44"	16° 41' 02"	106° 52' 16"	E-48-94-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Tà Rụt	H. Đa Krông			16° 39' 33"	106° 48' 52"	16° 23' 47"	107° 06' 01"	E-48-94-B
núi Kl Soong	SV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 24' 28"	106° 57' 50"					E-48-94-B
khe La Sam	TV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông			16° 27' 00"	107° 02' 24"	16° 30' 02"	107° 00' 28"	E-48-95-A E-48-83-C
núi Pa Surn	SV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 25' 06"	106° 58' 03"					E-48-94-B
khe Pi Rào	TV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông			16° 23' 28"	107° 01' 17"	16° 23' 19"	106° 59' 47"	E-48-94-B E-48-95-A
Núi Sỏi	SV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 27' 10"	107° 01' 14"					E-48-95-A
thôn Tà Rụt 1	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 23' 39"	106° 59' 05"					E-48-94-B
thôn Tà Rụt 2	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 23' 35"	106° 59' 02"					E-48-94-B
thôn Tà Rụt 3	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 23' 32"	106° 59' 28"					E-48-94-B
khe U Sau	TV	xã Tà Rụt	H. Đa Krông			16° 24' 43"	107° 00' 28"	16° 24' 01"	106° 59' 21"	E-48-94-B E-48-95-A
thôn Vực Leng	DC	xã Tà Rụt	H. Đa Krông	16° 25' 33"	106° 58' 55"					E-48-94-B
sông Ba Lòng	TV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông			16° 41' 02"	106° 52' 16"	16° 38' 50"	107° 04' 08"	E-48-82-D
Núi Che	SV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 36' 30"	106° 56' 44"					E-48-82-D
Khe Khế	TV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông			16° 36' 41"	106° 57' 09"	16° 38' 46"	106° 56' 16"	E-48-82-D
khe Làng An	TV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông			16° 37' 01"	106° 55' 35"	16° 39' 32"	106° 56' 17"	E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Na Năm	DC	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 39' 31"	106° 57' 32"					E-48-82-D
Động Ngón	SV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 40' 22"	106° 56' 55"					E-48-82-D
khe Ô Ô	TV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông			16° 40' 18"	106° 55' 46"	16° 39' 54"	106° 55' 43"	E-48-82-D
núi Tà Lao	SV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 36' 44"	106° 57' 36"					E-48-82-D
dãy Trường Sơn	SV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-82-D
thôn Vạn Na Năm	DC	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 39' 09"	106° 57' 22"					E-48-82-D
Rào Vịnh	TV	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông			16° 43' 45"	106° 53' 56"	16° 43' 55"	106° 59' 40"	E-48-82-D
thôn Xuân Lâm	DC	xã Triệu Nguyên	H. Đa Krông	16° 39' 38"	106° 56' 54"					E-48-82-D
khu phố 1	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 53' 48"	107° 10' 03"					E-48-83-A-b
khu phố 2	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 02"	107° 10' 20"					E-48-83-A-b
khu phố 3	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 12"	107° 10' 26"					E-48-83-A-b
khu phố 4	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 17"	107° 10' 41"					E-48-83-A-b
khu phố 5	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 26"	107° 10' 44"					E-48-83-A-b
khu phố 6	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 28"	107° 11' 04"					E-48-83-A-b
khu phố 7	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 51"	107° 10' 38"					E-48-83-A-b
khu phố 8	DC	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 49"	107° 10' 07"					E-48-83-A-b
quốc lộ 9	KX	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Cái	TV	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh			16° 54' 13"	107° 10' 43"	16° 54' 39"	107° 10' 26"	E-48-83-A-b
Cảng vụ Cửa Việt	KX	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh	16° 54' 19"	107° 11' 16"					E-48-83-A-b
sông Thạch Hãn	TV	TT. Cửa Việt	H. Gio Linh			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-b
khu phố 1	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 56' 10"	107° 04' 19"					E-48-83-A-a
quốc lộ 1A	KX	TT. Gio Linh	H. Gio Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-a
khu phố 2	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 55"	107° 04' 21"					E-48-83-A-a
khu phố 3	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 56' 09"	107° 04' 40"					E-48-83-A-a
khu phố 4	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 42"	107° 04' 29"					E-48-83-A-a
khu phố 5	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 33"	107° 04' 51"					E-48-83-A-a
khu phố 6	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 35"	107° 05' 28"					E-48-83-A-a
khu phố 7	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 05"	107° 04' 49"					E-48-83-A-a
khu phố 8	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 24"	107° 04' 55"					E-48-83-A-a
khu phố 9	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 16"	107° 04' 55"					E-48-83-A-a
khu phố 10	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 41"	107° 04' 48"					E-48-83-A-a
khu phố 11	DC	TT. Gio Linh	H. Gio Linh	16° 55' 48"	107° 04' 49"					E-48-83-A-a
đường tỉnh 575A	KX	TT. Gio Linh	H. Gio Linh			16° 55' 24"	107° 04' 31"	16° 53' 23"	107° 09' 14"	E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 575B	KX	TT. Gio Linh	H. Gio Linh			16° 55' 54"	107° 04' 23"	16° 54' 49"	106° 57' 48"	E-48-83-A-a
Sông Đào	TV	TT. Gio Linh	H. Gio Linh			16° 55' 49"	107° 04' 56"	16° 57' 35"	107° 05' 03"	E-48-83-A-a
kênh chính Hà Thượng	TV	TT. Gio Linh	H. Gio Linh			16° 54' 37"	107° 03' 06"	16° 55' 44"	107° 05' 19"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 576	KX	xã Gio An	H. Gio Linh			16° 53' 25"	107° 00' 37"	16° 58' 57"	107° 03' 23"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 575B	KX	xã Gio An	H. Gio Linh			16° 55' 54"	104° 07' 23"	16° 54' 49"	106° 57' 48"	E-48-82-B E-48-83-A-a
thôn An Bình	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 38"	106° 59' 53"					E-48-82-B
thôn An Hường	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 41"	106° 58' 53"					E-48-82-B
thôn An Nha	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 47"	106° 59' 21"					E-48-82-B
đồi Cồn Tiên	SV	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 54' 33"	106° 58' 51"					E-48-82-B
thôn Gia Bình	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 38"	107° 00' 16"					E-48-83-A-a
hồ Hà Thượng	TV	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 01"	107° 02' 30"					E-48-83-A-a
thôn Hào Sơn	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 21"	107° 00' 37"					E-48-83-A-a
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Gio An	H. Gio Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 33"	107° 00' 17"	E-48-83-A-a
hồ Kinh Môn	TV	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 56' 44"	107° 00' 12"					E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bàu Léc	TV	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 45"	107° 01' 17"					E-48-83-A-a
thôn Long Sơn	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 36"	107° 00' 18"					E-48-83-A-a
Khe Mướp	TV	xã Gio An	H. Gio Linh			16° 52' 50"	106° 55' 20"	16° 56' 00"	106° 56' 40"	E-48-82-B
thôn Tân Văn	DC	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 28"	107° 01' 04"					E-48-83-A-a
Nông trường Trường Sơn	KX	xã Gio An	H. Gio Linh	16° 55' 12"	106° 58' 59"					E48-82-B
đường tỉnh 576	KX	xã Gio Bình	H. Gio Linh			16° 53' 25"	107° 00' 37"	16° 58' 57"	107° 03' 23"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 575B	KX	xã Gio Bình	H. Gio Linh			16° 55' 54"	107° 04' 23"	16° 54' 49"	106° 57' 48"	E-48-83-A-a
thôn Bình Hải	DC	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 56' 37"	107° 01' 12"					E-48-83-A-a
thôn Bình Long	DC	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 56' 00"	107° 00' 57"					E-48-83-A-a
thôn Bình Mai	DC	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 56' 19"	107° 00' 54"					E-48-83-A-a
thôn Bình Minh	DC	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 55' 56"	107° 01' 38"					E-48-83-A-a
hồ Kinh Môn	TV	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 56' 44"	107° 00' 12"					E-48-83-A-a
thôn Tân Lịch	DC	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 55' 49"	107° 03' 03"					E-48-83-A-a
thôn Tiến Kim	DC	xã Gio Bình	H. Gio Linh	16° 56' 06"	107° 00' 33"					E-48-83-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Gio Châu	H. Gio Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 577	KX	xã Gio Châu	H. Gio Linh			16° 54' 14"	107° 04' 39"	16° 53' 46"	106° 59' 20"	E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 575B	KX	xã Gio Châu	H. Gio Linh			16° 55' 54"	107° 04' 23"	16° 54' 49"	106° 57' 48"	E-48-83-A-a
thôn Bích La	DC	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 55' 43"	107° 03' 09"					E-48-83-A-a
chùa Bình Trung	KX	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 54' 41"	107° 04' 33"					E-48-83-A-a
Nông trường Dốc Miếu	KX	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 55' 59"	107° 02' 09"					E-48-83-A-a
thôn Hà Thanh	DC	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 54' 20"	107° 04' 33"					E-48-83-A-a
ga Hà Thanh	KX	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 54' 32"	107° 04' 32"					E-48-83-A-a
thôn Hà Thượng	DC	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 55' 33"	107° 04' 08"					E-48-83-A-a
hồ Hà Thượng	TV	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 55' 01"	107° 02' 30"					E-48-83-A-a
kênh chính Hà Thượng	TV	xã Gio Châu	H. Gio Linh			16° 54' 37"	107° 03' 06"	16° 55' 44"	107° 05' 19"	E-48-83-A-a
thôn Hà Trung	DC	xã Gio Châu	H. Gio Linh	16° 54' 54"	107° 04' 07"					E-48-83-A-a
thôn Diêm Hà	DC	xã Gio Hải	H. Gio Linh	16° 56' 23"	107° 09' 28"					E-48-83-A-b
thôn Diêm Hà Hạ	DC	xã Gio Hải	H. Gio Linh	16° 55' 34"	107° 10' 03"					E-48-83-A-b
thôn Diêm Hà Thượng	DC	xã Gio Hải	H. Gio Linh	16° 57' 08"	107° 08' 53"					E-48-83-A-b
thôn Diêm Hà Trung	DC	xã Gio Hải	H. Gio Linh	16° 56' 04"	107° 09' 37"					E-48-83-A-b
thôn Hà Lợi Tây	DC	xã Gio Hải	H. Gio Linh	16° 56' 39"	107° 09' 09"					E-48-83-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Hà Lợi Thượng	DC	xã Gio Hải	H. Gio Linh	16° 55' 15"	107° 10' 27"					E-48-83-A-b
đường tỉnh 577	KX	xã Gio Hoà	H. Gio Linh			16° 54' 14"	107° 04' 39"	16° 53' 46"	106° 59' 20"	E-48-83-A-a
thôn Đại Tân	DC	xã Gio Hoà	H. Gio Linh	16° 54' 26"	107° 02' 34"					E-48-83-A-a
thôn Đồng Hoà	DC	xã Gio Hoà	H. Gio Linh	16° 54' 17"	107° 02' 47"					E-48-83-A-a
hồ Hà Thượng	TV	xã Gio Hoà	H. Gio Linh	16° 55' 01"	107° 02' 30"					E-48-83-A-a
thôn Nhất Hoà	DC	xã Gio Hoà	H. Gio Linh	16° 54' 19"	107° 02' 14"					E-48-83-A-a
thôn Tiến Hoà	DC	xã Gio Hoà	H. Gio Linh	16° 54' 28"	107° 01' 15"					E-48-83-A-a
thôn Trí Hoà	DC	xã Gio Hoà	H. Gio Linh	16° 54' 30"	107° 01' 41"					E-48-83-A-a
quốc lộ 9	KX	xã Gio Mai	H. Gio Linh			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
đường tỉnh 575A	KX	xã Gio Mai	H. Gio Linh			16° 55' 24"	107° 04' 31"	16° 53' 23"	107° 09' 14"	E-48-83-A-a
sông Cánh Hòm	TV	xã Gio Mai	H. Gio Linh			16° 52' 40"	107° 08' 21"	16° 54' 32"	107° 07' 27"	E-48-83-A-a E-48-83-A-b
Bàu Đông	TV	xã Gio Mai	H. Gio Linh	16° 52' 28"	107° 07' 42"					E-48-83-A-b E-48-83-A-d
Xóm Kênh	DC	xã Gio Mai	H. Gio Linh	16° 53' 04"	107° 08' 23"					E-48-83-A-b
thôn Lâm Xuân	DC	xã Gio Mai	H. Gio Linh	16° 53' 53"	107° 07' 49"					E-48-83-A-a
thôn Mai Thị	DC	xã Gio Mai	H. Gio Linh	16° 52' 50"	107° 08' 23"					E-48-83-A-b
thôn Mai Xá	DC	xã Gio Mai	H. Gio Linh	16° 52' 44"	107° 07' 52"					E-48-83-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh N12	TV	xã Gio Mai	H. Gio Linh			16° 53' 50"	107° 08' 08"	16° 53' 03"	107° 08' 49"	E-48-83-A-b
Xóm Soi	DC	xã Gio Mai	H. Gio Linh	16° 52' 08"	107° 08' 03"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	xã Gio Mai	H. Gio Linh			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
kênh Trúc Kinh	TV	xã Gio Mai	H. Gio Linh			16° 52' 51"	107° 03' 43"	16° 53' 38"	107° 07' 53"	E-48-83-A-b E-48-83-A-c
đường tỉnh 575A	KX	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh			16° 55' 24"	107° 04' 31"	16° 53' 23"	107° 09' 14"	E-48-83-A-a
thôn An Mỹ	DC	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 57' 12"	107° 06' 39"					E-48-83-A-a
thôn Cẩm Phô	DC	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 57' 56"	107° 06' 19"					E-48-83-A-a
sông Cánh Hòm	TV	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh			16° 56' 43"	107° 06' 13"	16° 58' 59"	107° 04' 56"	E-48-83-A-a
Sông Đào	TV	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh			16° 55' 49"	107° 04' 56"	16° 57' 35"	107° 05' 03"	E-48-83-A-a
Hồ Hoi	TV	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 58' 27"	107° 06' 06"					E-48-83-A-a
thôn Lại An	DC	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 55' 45"	107° 06' 10"					E-48-83-A-a
thôn Nhĩ Thượng	DC	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 56' 29"	107° 07' 03"					E-48-83-A-a
thôn Phước Thị	DC	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 56' 15"	107° 05' 56"					E-48-83-A-a
Khe Roọng	TV	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh			16° 58' 30"	107° 07' 02"	16° 58' 37"	107° 07' 52"	E-48-83-A-a E-48-83-A-b
thôn Thủy Khê	DC	xã Gio Mỹ	H. Gio Linh	16° 58' 46"	107° 05' 40"					E-48-83-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Gio Phong	H. Gio Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 575B	KX	xã Gio Phong	H. Gio Linh			16° 55' 54"	107° 04' 23"	16° 54' 49"	106° 57' 48"	E-48-83-A-a
sông Cánh Hòm	TV	xã Gio Phong	H. Gio Linh			16° 56' 43"	107° 06' 13"	16° 58' 59"	107° 04' 56"	E-48-83-A-a
cầu Cao Xá	KX	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 57' 41"	107° 03' 56"					E-48-83-A-a
Sông Đào	TV	xã Gio Phong	H. Gio Linh			16° 55' 49"	107° 04' 56"	16° 57' 35"	107° 05' 03"	E-48-83-A-a
Nông trường Dốc Miếu	KX	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 55' 59"	107° 02' 09"					E-48-83-A-a
thôn Gia Môn	DC	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 57' 07"	107° 04' 37"					E-48-83-A-a
thôn Lan Đình	DC	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 56' 51"	107° 05' 01"					E-48-83-A-a
thôn Lễ Môn	DC	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 56' 46"	107° 03' 29"					E-48-83-A-a
bàu Lễ Môn	TV	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 56' 34"	107° 03' 43"					E-48-83-A-a
Dốc Miếu	SV	xã Gio Phong	H. Gio Linh	16° 56' 28"	107° 04' 14"					E-48-83-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Gio Quang	H. Gio Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-a E-48-83-A-c
quốc lộ 9	KX	xã Gio Quang	H. Gio Linh			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-a E-48-83-A-c
đường tỉnh 578	KX	xã Gio Quang	H. Gio Linh			16° 52' 23"	107° 04' 54"	16° 53' 13"	106° 59' 27"	E-48-83-A-a E-48-83-A-c
cầu Bến Lợi	KX	xã Gio Quang	H. Gio Linh	16° 51' 24"	107° 06' 22"					E-48-83-A-c
thôn Kỳ Lâm	DC	xã Gio Quang	H. Gio Linh	16° 52' 43"	107° 06' 04"					E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Kỳ Trúc	DC	xã Gio Quang	H. Gio Linh	16° 52' 08"	107° 06' 30"					E-48-83-A-c
kênh N8	TV	xã Gio Quang	H. Gio Linh			16° 51' 10"	107° 07' 17"	16° 52' 05"	107° 07' 14"	E-48-83-A-c
sông Thạch Hãn	TV	xã Gio Quang	H. Gio Linh			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-c E-48-83-A-d
sông Trúc Khê	TV	xã Gio Quang	H. Gio Linh			16° 52' 38"	107° 03' 47"	16° 50' 52"	107° 07' 23"	E-48-83-A-a E-48-83-A-c
kênh Trúc Kinh	TV	xã Gio Quang	H. Gio Linh			16° 52' 51"	107° 03' 43"	16° 53' 38"	107° 07' 53"	E-48-83-A-a E-48-83-A-c
thôn Trúc Lâm	DC	xã Gio Quang	H. Gio Linh	16° 53' 11"	107° 04' 43"					E-48-83-A-c
thôn Vinh Quang Hạ	DC	xã Gio Quang	H. Gio Linh	16° 52' 12"	107° 07' 20"					E-48-83-A-a
thôn Vinh Quang Thượng	DC	xã Gio Quang	H. Gio Linh	16° 52' 10"	107° 06' 59"					E-48-83-A-c
Nông trường 74	KX	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 54' 07"	107° 00' 00"					E-48-83-A-a
đường tỉnh 576	KX	xã Gio Sơn	H. Gio Linh			16° 53' 25"	107° 00' 37"	16° 58' 57"	107° 03' 23"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 577	KX	xã Gio Sơn	H. Gio Linh			16° 54' 14"	107° 04' 39"	16° 53' 46"	106° 59' 20"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 578	KX	xã Gio Sơn	H. Gio Linh			16° 52' 23"	107° 04' 54"	16° 53' 13"	106° 59' 27"	E-48-82-B E-48-83-A-a
thôn An Khê	DC	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 53' 42"	106° 59' 31"					E-48-82-B
đồi Cồn Tiên	SV	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 54' 33"	106° 58' 51"					E-48-82-B
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Gio Sơn	H. Gio Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 33"	107° 00' 17"	E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Lạc Sơn	DC	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 54' 10"	107° 00' 31"					E-48-83-A-a
thôn Nam Đông	DC	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 53' 58"	107° 00' 22"					E-48-83-A-a
thôn Nam Tân	DC	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 53' 52"	106° 59' 51"					E-48-82-B
hồ Phú Dụng	TV	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 53' 44"	107° 00' 08"					E-48-83-A-a
thôn Phú Ốc	DC	xã Gio Sơn	H. Gio Linh	16° 54' 04"	107° 00' 08"					E-48-83-A-a
đường tỉnh 575A	KX	xã Gio Thành	H. Gio Linh			16° 55' 24"	107° 04' 31"	16° 53' 23"	107° 09' 14"	E-48-83-A-a
sông Cánh Hòm	TV	xã Gio Thành	H. Gio Linh			16° 54' 32"	107° 07' 27"	16° 56' 35"	107° 06' 28"	E-48-83-A-a
thôn Nhĩ Hạ	DC	xã Gio Thành	H. Gio Linh	16° 54' 46"	107° 08' 15"					E-48-83-A-b
thôn Nhĩ Trung	DC	xã Gio Thành	H. Gio Linh	16° 55' 38"	107° 07' 38"					E-48-83-A-b
thôn Tân Minh	DC	xã Gio Thành	H. Gio Linh	16° 55' 05"	107° 06' 27"					E-48-83-A-a
quốc lộ 9	KX	xã Gio Việt	H. Gio Linh			16° 54' 24"	107° 11' 13"	16° 49' 22"	107° 00' 39"	E-48-83-A-b
đường tỉnh 575A	KX	xã Gio Việt	H. Gio Linh			16° 55' 24"	107° 04' 31"	16° 53' 23"	107° 09' 14"	E-48-83-A-b
thôn Hoàng Hà	DC	xã Gio Việt	H. Gio Linh	16° 53' 34"	107° 09' 11"					E-48-83-A-b
thôn Tân Xuân	DC	xã Gio Việt	H. Gio Linh	16° 53' 19"	107° 09' 32"					E-48-83-A-b
sông Thạch Hãn	TV	xã Gio Việt	H. Gio Linh			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-b
thôn Xuân Lộc	DC	xã Gio Việt	H. Gio Linh	16° 53' 33"	107° 09' 48"					E-48-83-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Xuân Ngọc	DC	xã Gio Việt	H. Gio Linh	16° 53' 28"	107° 09' 37"					E-48-83-A-b
thôn Xuân Tiến	DC	xã Gio Việt	H. Gio Linh	16° 53' 43"	107° 09' 44"					E-48-83-A-b
đường tỉnh 578	KX	xã Hải Thái	H. Gio Linh			16° 52' 23"	107° 04' 54"	16° 53' 13"	106° 59' 27"	E-48-82-B
thôn 1B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 52' 43"	106° 59' 13"					E-48-82-B
thôn 2A	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 07"	106° 58' 27"					E-48-82-B
thôn 2B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 25' 17"	106° 58' 56"					E-48-82-B
thôn 3A	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 44"	106° 57' 27"					E-48-82-B
thôn 3B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 52' 02"	106° 59' 21"					E-48-82-B
thôn 4B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 52' 29"	106° 58' 34"					E-48-82-B
thôn 5B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 10"	106° 58' 53"					E-48-82-B
thôn 6B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 52' 54"	106° 58' 48"					E-48-82-B
thôn 7B	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	46° 52' 44"	106° 58' 16"					E-48-82-B
Nông trường Cồn Tiên	KX	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 10"	106° 59' 01"					E-48-82-B
Khe Lòn	TV	xã Hải Thái	H. Gio Linh			16° 52' 09"	106° 58' 50"	16° 53' 07"	107° 01' 22"	E-48-82-B
Khe Mướp	TV	xã Hải Thái	H. Gio Linh			16° 52' 50"	106° 55' 20"	16° 56' 00"	106° 56' 40"	E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Phú Ân	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 09"	106° 59' 24"					E-48-82-B
Khe Trai	TV	xã Hải Thái	H. Gio Linh			16° 52' 27"	106° 56' 56"	16° 53' 29"	106° 57' 07"	E-48-82-B
thôn Trắng Rộng	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 02"	106° 56' 43"					E-48-82-B
thôn Trung Ân	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 53' 17"	106° 59' 19"					E-48-82-B
thôn Xuân Hoà	DC	xã Hải Thái	H. Gio Linh	16° 54' 59"	106° 57' 39"					E-48-82-B
Nông trường 74	KX	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 54' 07"	107° 00' 00"					E-48-82-B E-48-83-A-a
đường tỉnh 576	KX	xã Linh Hải	H. Gio Linh			16° 53' 25"	107° 00' 37"	16° 58' 57"	107° 03' 23"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 577	KX	xã Linh Hải	H. Gio Linh			16° 54' 14"	107° 04' 39"	16° 53' 46"	106° 59' 20"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 578	KX	xã Linh Hải	H. Gio Linh			16° 52' 23"	107° 04' 54"	16° 53' 13"	106° 59' 27"	E-48-82-B E-48-83-A-a
Nông trường Cồn Tiên	KX	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 10"	106° 59' 01"					E-48-82-B
thôn Hải Ba	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 07"	107° 03' 36"					E-48-83-A-a
thôn Hải Hoà	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 29"	107° 03' 10"					E-48-83-A-a
thôn Hải Lam	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 52"	107° 01' 52"					E-48-83-A-a
hồ Hải Lam	TV	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 47"	107° 01' 56"					E-48-83-A-a
thôn Hải Quế	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 20"	107° 03' 08"					E-48-83-A-a
thôn Hải Tân	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 37"	107° 02' 42"					E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ Hải Tân	TV	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 30"	107° 02' 26"					E-48-83-A-a
thôn Hải Thi	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 46"	107° 02' 56"					E-48-83-A-a
Khe Lòn	TV	xã Linh Hải	H. Gio Linh			16° 52' 09"	106° 58' 50"	16° 53' 07"	107° 01' 22"	E-48-82-B E-48-83-A-a
thôn Thành An	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 52' 56"	106° 59' 52"					E-48-82-B
thôn Thiện Đức	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 22"	107° 00' 46"					E-48-83-A-a
thôn Thiện Nhân	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 19"	107° 00' 33"					E-48-83-A-a
thôn Thượng Đồng	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 38"	107° 01' 25"					E-48-83-A-a
hồ Trúc Kinh	TV	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 52' 46"	107° 03' 22"					E-48-83-A-a
thôn Xuân Đông	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 53' 35"	107° 01' 04"					E-48-83-A-a
thôn Xuân Tây	DC	xã Linh Hải	H. Gio Linh	16° 54' 08"	107° 01' 13"					E-48-83-A-a
thôn Ba De	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 55' 40"	106° 57' 48"					E-48-82-B
thôn Bãi Hà	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 55' 18"	106° 57' 46"					E-48-82-B
núi Be Lao	SV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 53' 33"	106° 53' 14"					E-48-82-B
sông Bến Hải	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-82-B
thôn Bến Mộc 1	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 55' 34"	106° 57' 50"					E-48-82-B
thôn Bến Mộc 2	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 55' 15"	106° 57' 39"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Cam Lộ	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 50' 23"	106° 38' 30"	16° 48' 43"	106° 57' 04"	E-48-82-B
Khe Chùa	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 48' 56"	106° 53' 13"	16° 49' 50"	106° 56' 40"	E-48-82-B
núi Co Chiêng	SV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 53' 04"	106° 41' 24"					E-48-82-A
thôn Cu Đình	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 55' 20"	106° 57' 53"					E-48-82-B
thôn Đồng Dôn	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 56' 36"	106° 57' 17"					E-48-82-B
thôn Khe Me	DC	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 53' 37"	106° 56' 40"					E-48-82-B
Núi Khĩ	SV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 52' 09"	106° 48' 29"					E-48-82-B
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-82-B
Khe Mướp	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 52' 50"	106° 55' 20"	16° 56' 00"	106° 56' 40"	E-48-82-B
Sông Ngân	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 50' 09"	106° 51' 23"	16° 52' 48"	106° 55' 25"	E-48-82-B
Khe Nhi	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 53' 00"	106° 50' 24"	16° 54' 00"	106° 52' 34"	E-48-82-B
núi Ông Cây	SV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 54' 16"	106° 51' 53"					E-48-82-B
Rào Thanh	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 54' 03"	106° 44' 40"	16° 54' 17"	106° 52' 51"	E-48-82-B
Suối Thúc	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 52' 46"	106° 46' 26"	16° 53' 32"	106° 47' 40"	E-48-82-B
Núi Tiêu	SV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh	16° 50' 17"	106° 47' 51"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Tre Nai	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 51' 51"	106° 51' 35"	16° 54' 17"	106° 52' 51"	E-48-82-B
Khe Tua	TV	xã Linh Thượng	H. Gio Linh			16° 52' 40"	106° 47' 58"	16° 53' 19"	106° 47' 46"	E-48-82-B
thôn Bắc Sơn	DC	xã Trung Giang	H. Gio Linh	17° 00' 35"	107° 06' 32"					E-48-71-C-c
sông Bến Hải	TV	xã Trung Giang	H. Gio Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-71-C-c
thôn Cang Gián	DC	xã Trung Giang	H. Gio Linh	16° 58' 38"	107° 07' 40"					E-48-83-A-b
Khe Chùa	TV	xã Trung Giang	H. Gio Linh			16° 59' 00"	107° 06' 43"	16° 59' 38"	107° 06' 15"	E-48-83-A-a
thôn Hà Lợi Trung	DC	xã Trung Giang	H. Gio Linh	16° 57' 56"	107° 08' 10"					E-48-83-A-a E-48-83-A-b
thôn Nam Sơn	DC	xã Trung Giang	H. Gio Linh	17° 00' 05"	107° 06' 29"					E-48-71-C-c
Khe Roọng	TV	xã Trung Giang	H. Gio Linh			16° 58' 30"	107° 07' 02"	16° 58' 37"	107° 07' 52"	E-48-83-A-a E-48-83-A-b
thôn Thủy Bận	DC	xã Trung Giang	H. Gio Linh	16° 59' 49"	107° 06' 28"					E-48-83-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Trung Hải	H. Gio Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-a
thôn Bách Lộc	DC	xã Trung Hải	H. Gio Linh	16° 59' 24"	107° 05' 03"					E-48-83-A-a
sông Bến Hải	TV	xã Trung Hải	H. Gio Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-71-C-c E-48-83-A-a
sông Cánh Hòm	TV	xã Trung Hải	H. Gio Linh			16° 58' 59"	107° 04' 56"	16° 59' 22"	107° 06' 10"	E-48-83-A-a
thôn Cao Xá	DC	xã Trung Hải	H. Gio Linh	16° 58' 07"	107° 04' 08"					E-48-71-C-c
Khe Chùa	TV	xã Trung Hải	H. Gio Linh			16° 59' 00"	107° 06' 43"	16° 59' 38"	107° 06' 15"	E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Hải Chữ	DC	xã Trung Hải	H. Gio Linh	16° 59' 29"	107° 04' 14"					E-48-83-A-a
cầu Hiền Lương	KX	xã Trung Hải	H. Gio Linh	17° 00' 18"	107° 02' 59"					E-48-71-C-c
thôn Xuân Hoà	DC	xã Trung Hải	H. Gio Linh	17° 00' 26"	107° 03' 15"					E-48-83-A-a
thôn Xuân Long	DC	xã Trung Hải	H. Gio Linh	16° 59' 50"	107° 04' 27"					E-48-83-A-a
thôn Xuân Mỹ	DC	xã Trung Hải	H. Gio Linh	16° 59' 29"	107° 05' 52"					E-48-83-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Trung Sơn	H. Gio Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-a
đường tỉnh 576	KX	xã Trung Sơn	H. Gio Linh			16° 53' 25"	107° 00' 37"	16° 58' 57"	107° 03' 23"	E-48-83-A-a
thôn An Xá	DC	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 57' 32"	107° 02' 33"					E-48-83-A-a
sông Bến Hải	TV	xã Trung Sơn	H. Gio Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-82-B E-48-83-A-a
thôn Đồng Thị	DC	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 56' 46"	107° 01' 49"					E-48-83-A-a
thôn Giang Xuân Hải	DC	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 58' 31"	107° 01' 13"					E-48-83-A-a
khe Hói Cự	TV	xã Trung Sơn	H. Gio Linh			16° 57' 39"	106° 58' 58"	16° 58' 38"	106° 59' 54"	E-48-82-B
thôn Kinh Môn	DC	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 57' 47"	107° 01' 51"					E-48-83-A-a
hồ Kinh Môn	TV	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 56' 44"	107° 00' 12"					E-48-82-B E-48-83-A-a
thôn Kinh Thị	DC	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 58' 28"	107° 02' 35"					E-48-83-A-a
thôn Võ Xá	DC	xã Trung Sơn	H. Gio Linh	16° 58' 50"	107° 03' 14"					E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Bến Hải	TV	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-82-B
thôn Gia Vòng	DC	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh	16° 57' 14"	106° 56' 53"					E-48-82-B
Khe Mướp	TV	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh			16° 52' 50"	106° 55' 20"	16° 56' 00"	106° 56' 40"	E-48-82-B
Nghĩa trang Liệt sỹ Quốc gia Trường Sơn	KX	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh	16° 57' 33"	106° 57' 10"					E-48-82-B
thôn Trường Thành	DC	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh	16° 57' 21"	106° 57' 01"					E-48-82-B
thôn Xóm Bàu	DC	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh	16° 56' 56"	106° 57' 14"					E-48-82-B
thôn Xóm Cồn	DC	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh	16° 57' 10"	106° 57' 01"					E-48-82-B
thôn Xóm Tre	DC	xã Vĩnh Trường	H. Gio Linh	16° 57' 06"	106° 57' 12"					E-48-82-B
khóm 1	DC	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 42' 11"	107° 15' 10"					E-48-83-D-a
quốc lộ 1A	KX	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-C E-48-83-D-a
khóm 2	DC	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 42' 05"	107° 15' 03"					E-48-83-D-a
khóm 3	DC	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 41' 48"	107° 14' 48"					E-48-83-C
khóm 4	DC	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 41' 40"	107° 14' 25"					E-48-83-C
khóm 5	DC	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 41' 26"	107° 14' 39"					E-48-83-C
khóm 6	DC	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 41' 11"	107° 14' 58"					E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 582	KX	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng			16° 41' 29"	107° 14' 30"	16° 46' 54"	107° 19' 59"	E-48-83-C E-48-83-D-a
ga Diên Sanh	KX	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng	16° 41' 09"	107° 14' 53"					E-48-83-C
Sông Nhùng	TV	TT. Hải Lăng	H. Hải Lăng			16° 33' 49"	107° 05' 32"	16° 45' 51"	107° 13' 27"	E-48-83-C
đường tỉnh 582	KX	xã Hải An	H. Hải Lăng			16° 41' 29"	107° 14' 30"	16° 46' 54"	107° 19' 59"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
đường tỉnh 583	KX	xã Hải An	H. Hải Lăng			16° 46' 20"	107° 15' 41"	16° 47' 58"	107° 18' 13"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Đông Tân An	DC	xã Hải An	H. Hải Lăng	16° 47' 12"	107° 19' 15"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Mỹ Thủy	DC	xã Hải An	H. Hải Lăng	16° 46' 45"	107° 19' 53"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
Đồn Biên phòng Mỹ Thủy	KX	xã Hải An	H. Hải Lăng	16° 46' 49"	107° 19' 40"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Tây Tân An	DC	xã Hải An	H. Hải Lăng	16° 47' 30"	107° 18' 54"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Thuận Đầu	DC	xã Hải An	H. Hải Lăng	16° 47' 53"	107° 18' 20"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
đường tỉnh 581	KX	xã Hải Ba	H. Hải Lăng			16° 44' 28"	107° 12' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
đường tỉnh 583	KX	xã Hải Ba	H. Hải Lăng			16° 46' 20"	107° 15' 41"	16° 47' 58"	107° 18' 13"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Ba Du	DC	xã Hải Ba	H. Hải Lăng	16° 45' 43"	107° 17' 21"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Cổ Lũy	DC	xã Hải Ba	H. Hải Lăng	16° 45' 26"	107° 17' 36"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Đa Nghi	DC	xã Hải Ba	H. Hải Lăng	16° 45' 02"	107° 18' 06"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh N6	TV	xã Hải Ba	H. Hải Lăng			16° 46' 33"	107° 15' 52"	16° 42' 48"	107° 20' 59"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Phú Hải	DC	xã Hải Ba	H. Hải Lăng	16° 46' 33"	107° 15' 56"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Phương Lang	DC	xã Hải Ba	H. Hải Lăng	16° 46' 06"	107° 16' 40"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Tân Lập	DC	xã Hải Ba	H. Hải Lăng	16° 36' 12"	107° 19' 39"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Ba	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-D-a E-48-83-D-c
quốc lộ 49B	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng			16° 37' 56"	107° 18' 09"	16° 39' 27"	107° 19' 20"	E-48-83-D-a
thôn Cầu Nhi	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 35' 58"	107° 18' 58"					E-48-83-D-c
sông Cầu Nhi	TV	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng			16° 34' 23"	107° 15' 19"	16° 37' 24"	107° 18' 44"	E-48-83-C E-48-83-D-c
núi Hố Lầy	SV	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 35' 18"	107° 17' 01"					E-48-83-D-c
thôn Hội Kỳ	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 38' 01"	107° 18' 35"					E-48-83-D-a
hồ Khe Chanh	TV	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 34' 57"	107° 17' 34"					E-48-83-D-c
thôn Lương Sơn	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 37' 02"	107° 16' 37"					E-48-83-D-c
thôn Mỹ Chánh	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 38' 06"	107° 18' 15"					E-48-83-D-a
cầu Mỹ Chánh	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 38' 00"	107° 18' 03"					E-48-83-D-c
ga Mỹ Chánh	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 37' 46"	107° 18' 12"					E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Nhi 1	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 36' 48"	107° 18' 49"					E-48-83-D-c
cầu Nhi 2	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 36' 43"	107° 18' 54"					E-48-83-D-c
sông Ô Lâu	TV	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng			16° 36' 32"	107° 19' 37"	16° 41' 59"	107° 21' 23"	E-48-83-D-a E-48-83-D-c
cầu Phước Tích	KX	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 38' 19"	107° 18' 20"					E-48-83-D-c
thôn Tân Hiệp	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 36' 57"	107° 18' 49"					E-48-83-D-c
thôn Tân Lương	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 37' 16"	107° 17' 18"					E-48-83-D-c
thôn Tân Trưng	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 36' 25"	107° 18' 11"					E-48-83-D-c
sông Thác Ma	TV	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng			16° 34' 54"	107° 13' 49"	16° 38' 30"	107° 18' 17"	E-48-83-C E-48-83-D-c
thôn Văn Phong	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 36' 54"	107° 19' 13"					E-48-83-D-c
thôn Vực Kè	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 37' 27"	107° 17' 29"					E-48-83-D-c
thôn Xuân Lộc	DC	xã Hải Chánh	H. Hải Lăng	16° 37' 35"	107° 17' 46"					E-48-83-D-a
đường tỉnh 581	KX	xã Hải Dương	H. Hải Lăng			16° 44' 28"	107° 12' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-D-a
thôn An Nhơn	DC	xã Hải Dương	H. Hải Lăng	16° 43' 07"	107° 20' 56"					E-48-83-D-a
thôn Diên Khánh	DC	xã Hải Dương	H. Hải Lăng	16° 43' 49"	107° 19' 50"					E-48-83-D-a
thôn Đông Dương	DC	xã Hải Dương	H. Hải Lăng	16° 43' 32"	107° 20' 15"					E-48-83-D-a
thôn Kim Giao	DC	xã Hải Dương	H. Hải Lăng	16° 44' 08"	107° 19' 24"					E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Lấp	TV	xã Hải Dương	H. Hải Lăng			16° 44' 31"	107° 19' 28"	16° 43' 20"	107° 18' 56"	E-48-83-D-a
kênh N6	TV	xã Hải Dương	H. Hải Lăng			16° 46' 33"	107° 15' 52"	16° 42' 48"	107° 20' 59"	E-48-83-D-a
sông Ô Lâu	TV	xã Hải Dương	H. Hải Lăng			16° 36' 32"	107° 19' 37"	16° 41' 59"	107° 21' 23"	E-48-83-D-a
cầu Văn Trình	KX	xã Hải Dương	H. Hải Lăng	16° 41' 59"	107° 21' 23"					E-48-83-D-a
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Dương	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-D-a
thôn Xuân Viên	DC	xã Hải Dương	H. Hải Lăng	16° 42' 54"	107° 21' 15"					E-48-83-D-a
thôn An Thơ	DC	xã Hải Hoà	H. Hải Lăng	16° 40' 56"	107° 19' 58"					E-48-83-D-a
thôn Hội Điền	DC	xã Hải Hoà	H. Hải Lăng	16° 41' 46"	107° 18' 54"					E-48-83-D-a
thôn Hưng Nhơn	DC	xã Hải Hoà	H. Hải Lăng	16° 40' 24"	107° 19' 24"					E-48-83-D-a
kênh Mai Lĩnh	TV	xã Hải Hoà	H. Hải Lăng			16° 41' 54"	107° 17' 38"	16° 42' 10"	107° 19' 25"	E-48-83-D-a
sông Ô Giang	TV	xã Hải Hoà	H. Hải Lăng			16° 39' 06"	107° 18' 51"	16° 41' 54"	107° 17' 38"	E-48-83-D-a
sông Ô Lâu	TV	xã Hải Hoà	H. Hải Lăng			16° 36' 32"	107° 19' 37"	16° 41' 59"	107° 21' 23"	E-48-83-D-a
thôn Phú Kinh	DC	xã Hải Hoà	H. Hải Lăng	16° 41' 16"	107° 20' 01"					E-48-83-D-a
thôn Phú Kinh Phường	DC	xã Hải Hoà	H. Hải Lăng	16° 39' 29"	108° 18' 55"					E-48-83-D-c
hói Tiền Giang	TV	xã Hải Hoà	H. Hải Lăng			16° 41' 39"	107° 17' 31"	16° 40' 29"	107° 18' 59"	E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Hoà	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-D-a
thôn Thâm Khê	DC	xã Hải Khê	H. Hải Lăng	16° 44' 44"	107° 22' 46"					E-48-83-D-b
khe Trung An	TV	xã Hải Khê	H. Hải Lăng			16° 44' 40"	107° 19' 25"	16° 46' 01"	107° 20' 53"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Trung An	DC	xã Hải Khê	H. Hải Lăng	16° 45' 25"	107° 21' 40"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-C
đường tỉnh 584	KX	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng			16° 44' 07"	107° 12' 01"	16° 38' 29"	107° 17' 55"	E-48-83-C
hồ Cầu Mừng	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 39' 53"	107° 13' 00"					E-48-83-C
Hồ Choại	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 40' 19"	107° 12' 11"					E-48-83-C
Khe Khế	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng			16° 40' 58"	107° 11' 16"	16° 41' 54"	107° 13' 51"	E-48-83-C
hồ Khe Khế	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 40' 52"	107° 11' 22"					E-48-83-C
hồ Khe Rò	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 40' 37"	107° 12' 40"					E-48-83-C
thôn Mai Đàn	DC	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 42' 09"	107° 14' 06"					E-48-83-C
kênh N2A	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng			16° 43' 36"	107° 11' 19"	16° 38' 39"	107° 17' 28"	E-48-83-C
Sông Nhùng	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng			16° 33' 49"	107° 05' 32"	16° 45' 51"	107° 13' 27"	E-48-83-C
thôn Tân Chính	DC	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 40' 21"	107° 13' 15"					E-48-83-C
thôn Tân Phước	DC	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 40' 49"	107° 13' 59"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ Thác Heo	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 39' 45"	107° 12' 38"					E-48-83-C
Đập Thanh	KX	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 42' 16"	107° 14' 34"					E-48-83-C
thôn Thượng Nguyên	DC	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 40' 48"	107° 13' 17"					E-48-83-C
Nhà máy Tinh bột Sắn	KX	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 41' 54"	107° 13' 15"					E-48-83-C
Khe Trái	TV	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng			16° 36' 28"	107° 06' 56"	16° 40' 20"	107° 07' 00"	E-48-83-C
thôn Trường Phước	DC	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 41' 17"	107° 14' 03"					E-48-83-C
thôn Xuân Lâm	DC	xã Hải Lâm	H. Hải Lăng	16° 41' 30"	107° 14' 02"					E-48-83-C
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Phú	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-C
hồ Choi Pheo	TV	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 42' 09"	107° 11' 05"					E-48-83-C
hồ Choi Yên	TV	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 42' 46"	107° 11' 22"					E-48-83-C
Khe Khế	TV	xã Hải Phú	H. Hải Lăng			16° 40' 58"	107° 11' 16"	16° 41' 54"	107° 13' 51"	E-48-83-C
xóm Khe Khế	DC	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 41' 19"	107° 11' 31"					E-48-83-C
hồ Khe Khế	TV	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 40' 52"	107° 11' 22"					E-48-83-C
Nhà thờ La Vang	KX	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 42' 29"	107° 11' 36"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Triệu Hải	KX	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 38' 51"	107° 08' 45"					E-48-83-C
thôn Long Hưng	DC	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 44' 09"	107° 11' 29"					E-48-83-C
kênh N2A	TV	xã Hải Phú	H. Hải Lăng			16° 43' 36"	107° 11' 19"	16° 38' 39"	107° 17' 28"	E-48-83-C
Sông Nhùng	TV	xã Hải Phú	H. Hải Lăng			16° 33' 49"	107° 05' 32"	16° 45' 51"	107° 13' 27"	E-48-83-C
thôn Phú Hưng	DC	xã Hải Phú	H. Hải Lăng	16° 42' 58"	107° 11' 54"					E-48-83-C
đường tỉnh 581	KX	xã Hải Quế	H. Hải Lăng			16° 44' 28"	107° 12' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-D-a
đường tỉnh 582	KX	xã Hải Quế	H. Hải Lăng			16° 41' 29"	107° 14' 30"	16° 46' 54"	107° 19' 59"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Đơn Quế	DC	xã Hải Quế	H. Hải Lăng	16° 44' 46"	107° 18' 35"					E-48-83-D-a
thôn Hội Yên	DC	xã Hải Quế	H. Hải Lăng	16° 44' 51"	107° 18' 23"					E-48-83-D-a
cầu Hội Yên 1	KX	xã Hải Quế	H. Hải Lăng	16° 43' 55"	107° 17' 24"					E-48-83-D-a
cầu Hội Yên 2	KX	xã Hải Quế	H. Hải Lăng	16° 44' 06"	107° 17' 37"					E-48-83-D-a
thôn Kim Long	DC	xã Hải Quế	H. Hải Lăng	16° 44' 24"	107° 19' 10"					E-48-83-D-a
kênh N6	TV	xã Hải Quế	H. Hải Lăng			16° 46' 33"	107° 15' 52"	16° 42' 48"	107° 20' 59"	E-48-83-D-a
khe Trung An	TV	xã Hải Quế	H. Hải Lăng			16° 44' 40"	107° 19' 25"	16° 46' 01"	107° 20' 53"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Quế	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 581	KX	xã Hải Quy	H. Hải Lăng			16° 44' 28"	107° 12' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-A-d
kênh N4	TV	xã Hải Quy	H. Hải Lăng			16° 45' 58"	107° 12' 12"	16° 42' 06"	107° 18' 50"	E-48-83-A-d E-48-83-C
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	xã Hải Quy	H. Hải Lăng			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-A-d
Sông Nhùng	TV	xã Hải Quy	H. Hải Lăng			16° 33' 49"	107° 05' 32"	16° 45' 51"	107° 13' 27"	E-48-83-A-d E-48-83-C
thôn Quy Thiện	DC	xã Hải Quy	H. Hải Lăng	16° 45' 44"	107° 12' 28"					E-48-83-A-d
thôn Trâm Lý	DC	xã Hải Quy	H. Hải Lăng	16° 45' 14"	107° 12' 51"					E-48-83-A-d
thôn Văn Vện	DC	xã Hải Quy	H. Hải Lăng	16° 45' 38"	107° 13' 30"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Quy	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-D-a
đường tỉnh 584	KX	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng			16° 44' 07"	107° 12' 01"	16° 38' 29"	107° 17' 55"	E-48-83-D-a
thôn Hà Lộc	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 39' 06"	107° 18' 23"					E-48-83-D-a
thôn Khe Mương	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 36' 43"	107° 15' 42"					E-48-83-D-c
hồ Khe Mương	TV	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 37' 05"	107° 15' 29"					E-48-83-C E-48-83-D-c
thôn Lương Điền	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 38' 35"	107° 18' 12"					E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Lương Hải	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 38' 10"	107° 18' 05"					E-48-83-D-a
hồ Miếu Bà	TV	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 38' 03"	107° 17' 06"					E-48-83-D-a
cầu Mỹ Chánh	KX	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 38' 00"	107° 18' 03"					E-48-83-D-a
thôn Như Sơn	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 38' 36"	107° 17' 16"					E-48-83-D-a
sông Ô Giang	TV	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng			16° 39' 06"	107° 18' 51"	16° 41' 54"	107° 17' 38"	E-48-83-D-a
thôn Tân Điền	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 37' 27"	107° 17' 06"					E-48-83-D-c
thôn Tân Lý	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 36' 40"	107° 16' 08"					E-48-83-D-c
hồ Tân Sơn	TV	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 37' 24"	107° 16' 43"					E-48-83-D-c
sông Thác Ma	TV	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng			16° 34' 54"	107° 13' 49"	16° 38' 30"	107° 18' 17"	E-48-83-D-a E-48-83-D-c
thôn Trầm Sơn	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Lăng	16° 36' 50"	107° 16' 22"					E-48-83-D-c
quốc lộ 49B	KX	xã Hải Tân	H. Hải Lăng			16° 37' 56"	107° 18' 09"	16° 39' 27"	107° 19' 20"	E-48-83-D-a
thôn Câu Nhi	DC	xã Hải Tân	H. Hải Lăng	16° 39' 25"	107° 18' 55"					E-48-83-D-a
Cầu Eo	KX	xã Hải Tân	H. Hải Lăng	16° 39' 18"	107° 19' 15"					E-48-83-D-a
suối Long Hội	TV	xã Hải Tân	H. Hải Lăng			16° 38' 37"	107° 19' 58"	16° 39' 20"	107° 19' 24"	E-48-83-D-a
sông Ô Giang	TV	xã Hải Tân	H. Hải Lăng			16° 39' 06"	107° 18' 51"	16° 41' 54"	107° 17' 38"	E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Ô Lâu	TV	xã Hải Tân	H. Hải Lăng			16° 36' 32"	107° 19' 37"	16° 41' 59"	107° 21' 23"	E-48-83-D-a
thôn Tân Hà	DC	xã Hải Tân	H. Hải Lăng	16° 39' 25"	107° 18' 24"					E-48-83-D-a
thôn Văn Quý	DC	xã Hải Tân	H. Hải Lăng	16° 40' 04"	107° 19' 20"					E-48-83-D-a
thôn Văn Trị	DC	xã Hải Tân	H. Hải Lăng	16° 40' 36"	107° 18' 05"					E-48-83-D-a
thôn Kim Sanh	DC	xã Hải Thành	H. Hải Lăng	16° 42' 53"	107° 18' 13"					E-48-83-D-a
kênh Mai Lĩnh	TV	xã Hải Thành	H. Hải Lăng			16° 41' 54"	107° 17' 38"	16° 42' 10"	107° 19' 25"	E-48-83-D-a
kênh N4	TV	xã Hải Thành	H. Hải Lăng			16° 45' 58"	107° 12' 12"	16° 42' 06"	107° 18' 50"	E-48-83-D-a
thôn Phước Điền	DC	xã Hải Thành	H. Hải Lăng	16° 42' 37"	107° 18' 51"					E-48-83-D-a
thôn Trung Đơn	DC	xã Hải Thành	H. Hải Lăng	16° 42' 52"	107° 17' 46"					E-48-83-D-a
thôn 1	DC	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 42' 48"	107° 15' 46"					E-48-83-D-a
thôn 2	DC	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 01"	107° 16' 15"					E-48-83-D-a
thôn 3	DC	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 11"	107° 16' 38"					E-48-83-D-a
thôn 4	DC	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 22"	107° 16' 52"					E-48-83-D-a
thôn 5	DC	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 51"	107° 16' 53"					E-48-83-D-a
đường tỉnh 582	KX	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng			16° 41' 29"	107° 14' 30"	16° 46' 54"	107° 19' 59"	E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
chùa Đông Lâm	KX	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 30"	107° 16' 44"					E-48-83-D-a
cầu Hội Yên 1	KX	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 55"	107° 17' 24"					E-48-83-D-a
kênh N4	TV	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng			16° 45' 58"	107° 12' 12"	16° 42' 06"	107° 18' 50"	E-48-83-D-a
Hồ Trén	TV	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng	16° 43' 18"	107° 15' 16"					E-48-83-C E-48-83-D-a
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Thiện	H. Hải Lăng			16° 44' 02"	107° 17' 20"	16° 44' 21"	107° 16' 59"	E-48-83-D-a
thôn 1	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 42' 33"	107° 15' 45"					E-48-83-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-D-a
thôn 2	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 42' 11"	107° 15' 52"					E-48-83-D-a
thôn 3	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 41' 53"	107° 15' 52"					E-48-83-D-a
thôn 4	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 41' 41"	107° 15' 53"					E-48-83-D-a
đường tỉnh 582	KX	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng			16° 41' 29"	107° 14' 30"	16° 46' 54"	107° 19' 59"	E-48-83-D-a
đường tỉnh 584	KX	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng			16° 44' 07"	107° 12' 01"	16° 38' 29"	107° 17' 55"	E-48-83-D-a
thôn Công Thương Nghiệp	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 42' 23"	107° 15' 50"					E-48-83-D-a
chợ Diên Sanh	KX	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 42' 39"	107° 15' 41"					E-48-83-D-a
xóm Diên Trường	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 41' 34"	107° 17' 21"					E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh N2A	TV	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng			16° 43' 36"	107° 11' 19"	16° 38' 39"	107° 17' 28"	E-48-83-C E-48-83-D-a
sông Ô Giang	TV	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng			16° 39' 06"	107° 18' 51"	16° 41' 54"	107° 17' 38"	E-48-83-D-a
xóm Tân Diên	DC	xã Hải Thọ	H. Hải Lăng	16° 40' 49"	107° 15' 03"					E-48-83-C E-48-83-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-C
đường tỉnh 584	KX	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng			16° 44' 07"	107° 12' 01"	16° 38' 29"	107° 17' 55"	E-48-83-C
thôn Đại An Khê	DC	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng	16° 44' 22"	107° 12' 42"					E-48-83-C
Khe Khế	TV	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng			16° 40' 58"	107° 11' 16"	16° 41' 54"	107° 13' 51"	E-48-83-C
hồ Miệu Duệ	TV	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng	16° 41' 54"	107° 12' 43"					E-48-83-C
kênh N2A	TV	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng			16° 43' 36"	107° 11' 19"	16° 38' 39"	107° 17' 28"	E-48-83-C
Sông Nhùng	TV	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng			16° 33' 49"	107° 05' 32"	16° 45' 51"	107° 13' 27"	E-48-83-C
Bàu Sú	TV	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng	16° 44' 07"	107° 14' 08"					E-48-83-C
thôn Thượng Xá	DC	xã Hải Thượng	H. Hải Lăng	16° 42' 51"	107° 13' 35"					E-48-83-C
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Trường	H. Hải Lăng			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-D-a
đường tỉnh 584	KX	xã Hải Trường	H. Hải Lăng			16° 44' 07"	107° 12' 01"	16° 38' 29"	107° 17' 55"	E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Bến Đá	KX	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 39' 44"	107° 16' 32"					E-48-83-D-a
Thôn Đông	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 40' 44"	107° 17' 52"					E-48-83-D-a
thôn Hậu Trường	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 40' 54"	107° 16' 16"					E-48-83-D-a
Thôn Mỹ	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 39' 57"	107° 16' 36"					E-48-83-D-a
kênh N2A	TV	xã Hải Trường	H. Hải Lăng			16° 43' 36"	107° 11' 19"	16° 39' 45"	107° 15' 42"	E-48-83-D-a
sông Ô Giang	TV	xã Hải Trường	H. Hải Lăng			16° 39' 06"	107° 18' 51"	16° 41' 54"	107° 17' 38"	E-48-83-D-a
sông Ô Khê	TV	xã Hải Trường	H. Hải Lăng			16° 38' 59"	107° 15' 01"	16° 40' 04"	107° 17' 53"	E-48-83-C E-48-83-D-a
thôn Tân Trường	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 39' 12"	107° 17' 28"					E-48-83-D-a
Thôn Trung	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 39' 40"	107° 16' 38"					E-48-83-D-a
chùa Trường Sanh	KX	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 40' 39"	107° 16' 26"					E-48-83-D-a
thôn Trường Thọ	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 40' 02"	107° 15' 37"					E-48-83-D-a
thôn Trường Xuân	DC	xã Hải Trường	H. Hải Lăng	16° 39' 25"	107° 16' 02"					E-48-83-D-a
thôn Lam Thủy	DC	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 45' 22"	107° 15' 43"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Lương Chánh	DC	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 44' 18"	107° 16' 36"					E-48-83-D-a
kênh N4	TV	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng			16° 45' 58"	107° 12' 12"	16° 42' 06"	107° 18' 50"	E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thi Ông	DC	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 44' 57"	107° 16' 23"					E-48-83-D-a
thôn Thuận Đức	DC	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 43' 48"	107° 15' 24"					E-48-83-D-a
thôn Thuận Nhơn	DC	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 45' 02"	107° 16' 10"					E-48-83-B-c E-48-83-B-d
thôn Thượng An	DC	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 44' 22"	107° 16' 54"					E-48-83-D-a
trầm Trà Lộc	TV	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng	16° 44' 21"	107° 15' 09"					E-48-83-D-a
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Vĩnh	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d; E-48-83-D-a
đường tỉnh 581	KX	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng			16° 44' 28"	107° 12' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Duân Kinh	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 45' 40"	107° 15' 03"					E-48-83-D-a
thôn La Duy	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 45' 52"	107° 15' 04"					E-48-83-A-d E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
kênh N4	TV	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng			16° 45' 58"	107° 12' 12"	16° 42' 06"	107° 18' 50"	E-48-83-C
thôn Phú Xuân A	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 45' 47"	107° 13' 56"					E-48-83-A-d
thôn Phú Xuân B	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 13' 00"	107° 16' 47"					E-48-95-D
Bàu Sú	TV	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 44' 07"	107° 14' 08"					E-48-83-C
thôn Trà Lộc	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 45' 46"	107° 14' 43"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
trạm Trà Lộc	TV	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 44' 32"	107° 15' 02"					E-48-83-C
thôn Trà Trì	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng	16° 45' 21"	107° 14' 05"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Hải Xuân	H. Hải Lăng			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
khối 1	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá	16° 38' 46"	106° 43' 35"					E-48-82-C
khối 2	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá	16° 37' 50"	106° 44' 02"					E-48-82-C
khối 3A	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá	16° 37' 44"	106° 44' 24"					E-48-82-C
khối 3B	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá	16° 37' 27"	106° 43' 52"					E-48-82-C
khối 4	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá	16° 37' 22"	106° 43' 17"					E-48-82-C
khối 5	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá	16° 37' 15"	106° 43' 54"					E-48-82-C
khối 6	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá	16° 36' 54"	106° 43' 52"					E-48-82-C
khối 7	DC	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá	16° 38' 52"	106° 42' 36"					E-48-82-C
quốc lộ 9	KX	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C
đồi 500	SV	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá	16° 35' 24"	106° 43' 13"					E-48-82-C
Nhà máy Chế biến Cà phê	KX	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá	16° 37' 04"	106° 43' 32"					E-48-82-C
chợ Khe Sanh	KX	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá	16° 37' 45"	106° 44' 25"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ Khe Sanh	TV	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá	16° 38' 32"	106° 43' 37"					E-48-82-C
suối La La	TV	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá			16° 35' 46"	106° 45' 56"	16° 35' 11"	106° 39' 53"	E-48-82-C
suối Sa Ranh	TV	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá			16° 38' 37"	106° 42' 23"	16° 37' 33"	106° 43' 15"	E-48-82-C
hồ Tân Độ	TV	TT. Khe Sanh	H. Hướng Hoá	16° 37' 25"	106° 43' 29"					E-48-82-C
quốc lộ 9	KX	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C
suối A Chùm	TV	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá			16° 40' 04"	106° 36' 23"	16° 36' 30"	106° 36' 36"	E-48-82-C
cầu A Trùm	KX	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 36' 39"	106° 36' 30"					E-48-82-C
khóm An Hà	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 36' 46"	106° 35' 47"					E-48-82-C
suối Ca Mếch	TV	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá			16° 38' 37"	106° 35' 27"	16° 37' 41"	106° 35' 04"	E-48-82-C
bản Ca Tăng	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 37' 37"	106° 35' 42"					E-48-82-C
suối Ca Tăng	TV	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá			16° 39' 00"	106° 36' 35"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-82-C
bản Ca Túp	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 36' 19"	106° 35' 13"					E-48-82-C
khóm Cao Việt	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 36' 54"	106° 35' 26"					E-48-82-C
khóm Đông Chín	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 36' 51"	106° 36' 19"					E-48-82-C
khóm Duy Tân	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 36' 47"	106° 35' 08"					E-48-82-C
bản Khe Đá	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 37' 43"	106° 35' 15"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Cửa khẩu Lao Bảo	KX	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 37' 36"	106° 35' 21"					E-48-82-C
Đồn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo	KX	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 37' 28"	106° 35' 47"					E-48-82-C
Nhà tù Lao Bảo	KX	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 36' 43"	106° 35' 10"					E-48-82-C
hồ Lao Bảo	TV	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 36' 58"	106° 35' 56"					E-48-82-C
súoi Pa Lát	TV	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá			16° 40' 17"	106° 34' 43"	16° 37' 49"	106° 34' 51"	E-48-82-C
Trạm kiểm soát Biên phòng R2	KX	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 37' 08"	106° 35' 24"					E-48-82-C
sông Sê Pôn	TV	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-82-C
khóm Tân Kim	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 36' 32"	106° 35' 37"					E-48-82-C
khóm Tây Chín	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 37' 23"	106° 35' 42"					E-48-82-C
khóm Trung Chín	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 37' 06"	106° 36' 07"					E-48-82-C
khu phố Vinh Hoa	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 36' 37"	106° 36' 21"					E-48-82-C
khóm Xuân Phước	DC	TT. Lao Bảo	H. Hướng Hoá	16° 36' 37"	106° 35' 55"					E-48-82-C
đường tỉnh 586	KX	xã A Dơi	H. Hướng Hoá			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-94-A; E-48-94-B
thôn A Dơi Cồ	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hoá	16° 28' 29"	106° 44' 42"					E-48-94-A
thôn A Dơi Đớ	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hoá	16° 28' 32"	106° 45' 38"					E-48-94-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối A Giời	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hoá			16° 28' 14"	106° 46' 18"	16° 27' 36"	106° 46' 25"	E-48-94-B
núi Co Van	SV	xã A Dơi	H. Hướng Hoá	16° 27' 02"	106° 44' 53"					E-48-94-A
Đội công tác địa bàn Đồn biên phòng 619	KX	xã A Dơi	H. Hướng Hoá	16° 28' 37"	106° 44' 31"					E-48-94-A
thôn Hợp Thành	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hoá	16° 28' 44"	106° 44' 00"					E-48-94-A
suối Klong	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hoá			16° 29' 56"	106° 48' 17"	16° 28' 14"	106° 46' 18"	E-48-94-B
thôn Pa Rin	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hoá	16° 29' 04"	106° 44' 01"					E-48-94-A
thôn Pa Rói	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hoá	16° 28' 25"	106° 44' 57"					E-48-94-A
thôn Phong Hải	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hoá	16° 27' 21"	106° 45' 28"					E-48-94-B
thôn Prăng Xy	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hoá	16° 28' 50"	106° 44' 34"					E-48-94-A
suối Ra Lau	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hoá			16° 30' 23"	106° 45' 15"	16° 28' 14"	106° 46' 18"	E-48-82-D; E-48-94-A; E-48-94-B
suối Ra Loang	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hoá			16° 30' 49"	106° 44' 31"	16° 26' 58"	106° 41' 29"	E-48-82-C E-48-94-A
suối Ra Poang	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hoá			16° 27' 32"	106° 44' 40"	16° 28' 07"	106° 43' 12"	E-48-94-A
sông Sê Pôn	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hoá			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-94-B
Suối Súa	TV	xã A Dơi	H. Hướng Hoá			16° 30' 15"	106° 44' 47"	16° 28' 30"	106° 43' 29"	E-48-82-C E-48-94-A
thôn Tân Hải	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hoá	16° 28' 02"	106° 45' 00"					E-48-94-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Trung Phước	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hoá	16° 27' 50"	106° 45' 12"					E-48-94-B
thôn Xà Doan Mới	DC	xã A Dơi	H. Hướng Hoá	16° 29' 38"	106° 43' 55"					E-48-94-A
đường tỉnh 586	KX	xã A Túc	H. Hướng Hoá			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-94-A
thôn A Sau	DC	xã A Túc	H. Hướng Hoá	16° 28' 35"	106° 43' 32"					E-48-94-A
thôn A Sỏi	DC	xã A Túc	H. Hướng Hoá	16° 28' 42"	106° 42' 37"					E-48-94-A
Đồn biên phòng A Túc	KX	xã A Túc	H. Hướng Hoá	16° 28' 07"	106° 42' 32"					E-48-94-A
thôn Ba Linh	DC	xã A Túc	H. Hướng Hoá	16° 28' 28"	106° 43' 22"					E-48-94-A
súoi Ca Đắp	TV	xã A Túc	H. Hướng Hoá			16° 29' 55"	106° 43' 20"	16° 29' 34"	106° 42' 23"	E-48-94-A
núi Co Van	SV	xã A Túc	H. Hướng Hoá	16° 27' 02"	106° 44' 53"					E-48-94-A
Thôn Húc	DC	xã A Túc	H. Hướng Hoá	16° 27' 57"	106° 43' 24"					E-48-94-A
thôn Kỳ Nơ	DC	xã A Túc	H. Hướng Hoá	16° 28' 32"	106° 43' 20"					E-48-94-A
Thôn Lĩa	DC	xã A Túc	H. Hướng Hoá	16° 27' 58"	106° 43' 04"					E-48-94-A
Hồ Lĩa	TV	xã A Túc	H. Hướng Hoá	16° 28' 06"	106° 42' 44"					E-48-94-A
thôn Pa Lu	DC	xã A Túc	H. Hướng Hoá	16° 28' 09"	106° 43' 27"					E-48-94-A
thôn Ra Hàng	DC	xã A Túc	H. Hướng Hoá	16° 28' 23"	106° 42' 36"					E-48-94-A
súoi Ra Loang	TV	xã A Túc	H. Hướng Hoá			16° 30' 49"	106° 44' 31"	16° 26' 58"	106° 41' 29"	E-48-94-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Ra Poang	TV	xã A Túc	H. Hướng Hoá			16° 27' 32"	106° 44' 40"	16° 28' 07"	106° 43' 12"	E-48-94-A
Suối Súa	TV	xã A Túc	H. Hướng Hoá			16° 30' 15"	106° 44' 47"	16° 28' 30"	106° 43' 29"	E-48-94-A
thôn Tăng Cô	DC	xã A Túc	H. Hướng Hoá	16° 28' 14"	106° 42' 54"					E-48-94-A
đường tỉnh 586	KX	xã A Xing	H. Hướng Hoá			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-94-A
thôn A Cha	DC	xã A Xing	H. Hướng Hoá	16° 28' 15"	106° 42' 23"					E-48-94-A
thôn A Máy	DC	xã A Xing	H. Hướng Hoá	16° 29' 05"	106° 41' 48"					E-48-94-A
thôn A Mô	DC	xã A Xing	H. Hướng Hoá	16° 28' 45"	106° 41' 28"					E-48-94-A
thôn A Tong	DC	xã A Xing	H. Hướng Hoá	16° 29' 10"	106° 41' 26"					E-48-94-A
suối Ca Đắp	TV	xã A Xing	H. Hướng Hoá			16° 31' 44"	106° 43' 06"	16° 27' 57"	106° 40' 20"	E-48-82-C E-48-94-A
thôn Cu Rong	DC	xã A Xing	H. Hướng Hoá	16° 29' 16"	106° 41' 34"					E-48-94-A
thôn Kì Ri	DC	xã A Xing	H. Hướng Hoá	16° 29' 35"	106° 42' 16"					E-48-94-A
suối Krông	TV	xã A Xing	H. Hướng Hoá			16° 31' 24"	106° 41' 46"	16° 29' 18"	106° 41' 48"	E-48-82-C E-48-94-A
suối Ra Loang	TV	xã A Xing	H. Hướng Hoá			16° 30' 49"	106° 44' 31"	16° 26' 58"	106° 41' 29"	E-48-94-A
khe Ra Nưa	TV	xã A Xing	H. Hướng Hoá			16° 31' 17"	106° 43' 36"	16° 30' 12"	106° 42' 22"	E-48-82-C
thôn Tăng Quan	DC	xã A Xing	H. Hướng Hoá	16° 29' 14"	106° 42' 06"					E-48-94-A
đường tỉnh 586	KX	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-94-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Ba Cựp 2	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 31' 34"	106° 47' 49"					E-48-82-D
thôn Ba Lòng	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 31' 36"	106° 48' 48"					E-48-82-D
thôn Ba Tầng	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 32' 00"	106° 48' 38"					E-48-82-D
Đồn biên phòng Ba Tầng	KX	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 29' 11"	106° 46' 12"					E-48-94-B
bản Cu Tiêng	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 32' 34"	106° 48' 24"					E-48-82-D
núi Động Em	SV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 33' 40"	106° 46' 05"					E-48-82-D
Thôn Hùn	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 31' 15"	106° 46' 32"					E-48-82-D
súoi Klông	TV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá			16° 29' 56"	106° 48' 17"	16° 28' 14"	106° 46' 18"	E-48-94-B
núi Ko Plang	SV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 27' 53"	106° 48' 00"					E-48-94-B
Bản Loa	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 31' 24"	106° 48' 47"					E-48-82-D
thôn Măng Sông	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 32' 37"	106° 47' 36"					E-48-82-D
bản Pa Lọ	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 28' 54"	106° 46' 35"					E-48-94-B
súoi Pa Lọ	TV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá			16° 46' 42"	106° 32' 36"	16° 31' 35"	106° 46' 24"	E-48-82-D
súoi Pa Long	TV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá			16° 33' 14"	106° 48' 11"	16° 29' 56"	106° 48' 17"	E-48-82-D
thôn Pa Lu	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 29' 06"	106° 46' 10"					E-48-94-B
bản Pa Rọc	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 29' 40"	106° 46' 37"					E-48-94-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Pa Rọc	TV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá			16° 31' 57"	106° 45' 34"	16° 29' 33"	106° 46' 50"	E-48-82-D E-48-94-B
bản Ra Tri	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 29' 38"	106° 47' 41"					E-48-94-B
thôn Sa Heng	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 29' 28"	106° 46' 42"					E-48-94-B
suối Sa Heng	TV	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá			16° 30' 00"	106° 46' 45"	16° 28' 59"	106° 46' 34"	E-48-82-D E-48-94-B
thôn Sa Rô	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 32' 02"	106° 47' 00"					E-48-82-D
thôn Sa Tường	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 29' 15"	106° 46' 16"					E-48-82-D
Thôn Trùm	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 29' 35"	106° 47' 06"					E-48-94-B
Thôn Vàng	DC	xã Ba Tầng	H. Hướng Hoá	16° 32' 17"	106° 47' 14"					E-48-82-D
đồi 500	SV	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 35' 24"	106° 43' 13"					E-48-82-C
Bản Âm	DC	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 36' 01"	106° 47' 12"					E-48-82-D
thôn Cu Dong	DC	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 35' 00"	106° 47' 39"					E-48-82-D
suối Cu Dong	TV	xã Húc	H. Hướng Hoá			16° 34' 12"	106° 47' 17"	16° 38' 27"	106° 47' 27"	E-48-82-D
núi Động Em	SV	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 33' 40"	106° 46' 05"					E-48-82-D
Suối Giai	TV	xã Húc	H. Hướng Hoá			16° 34' 44"	106° 44' 40"	16° 32' 32"	106° 38' 48"	E-48-82-C
núi Giang Tuấn	SV	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 36' 40"	106° 28' 32"					E-48-82-D
thôn Ha Le	DC	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 35' 02"	106° 45' 18"					E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Húc Thượng	DC	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 35' 00"	106° 45' 52"					E-48-82-D
thôn Húc Ván	DC	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 36' 58"	106° 44' 32"					E-48-82-C
bản La Heng	DC	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 33' 59"	106° 47' 30"					E-48-82-D
suối La La	TV	xã Húc	H. Hướng Hoá			16° 35' 46"	106° 45' 56"	16° 35' 11"	106° 39' 53"	E-48-82-C; E-48-82-D
thôn Ta Cu	DC	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 34' 38"	106° 48' 36"					E-48-82-D
suối Tà Cu	TV	xã Húc	H. Hướng Hoá			16° 34' 29"	106° 48' 47"	16° 34' 21"	106° 47' 39"	E-48-82-D
thôn Ta Núc	DC	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 36' 01"	106° 45' 36"					E-48-82-D
thôn Tà Ri 1	DC	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 36' 08"	106° 44' 57"					E-48-82-C
thôn Tà Ri 2	DC	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 35' 16"	106° 45' 15"					E-48-82-D
thôn Tà Rùng	DC	xã Húc	H. Hướng Hoá	16° 35' 13"	106° 47' 21"					E-48-82-D
Đồn biên phòng 605 Cù Bai	KX	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 53' 14"	106° 34' 06"					E-48-82-A
thôn A Xóc	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 53' 14"	106° 34' 03"					E-48-82-A
dòng Brai	SV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 52' 46"	106° 33' 20"					E-48-82-A
huổi Ca Pai	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 59' 22"	106° 33' 31"	16° 58' 58"	106° 32' 53"	E-48-82-A
suối Cha Lơ	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 55' 56"	106° 35' 55"	16° 54' 41"	106° 34' 44"	E-48-82-A
thôn Chà Lý	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 53' 56"	106° 34' 13"					E-48-82-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Chà Lý	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 58' 47"	106° 34' 41"	16° 53' 53"	106° 34' 27"	E-48-82-A
núi Co Chiêng	SV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 53' 04"	106° 41' 24"					E-48-82-A
thôn Cù Bai	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 53' 38"	106° 31' 19"					E-48-82-A
Trạm kiểm soát Biên phòng Cù Bai	KX	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 53' 40"	106° 31' 24"					E-48-82-A
suối Cù Bai	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 55' 36"	106° 31' 29"	16° 53' 14"	106° 31' 45"	E-48-82-A
Khe Cuối	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 55' 19"	106° 38' 18"	16° 54' 29"	106° 38' 28"	E-48-82-A
núi Đông Vàng Vàng	SV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 56' 25"	106° 36' 19"					E-48-82-A
núi Đông Châu	SV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 56' 32"	106° 42' 02"					E-48-82-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 53' 07"	106° 34' 04"	16° 45' 40"	106° 33' 48"	E-48-82-A
thôn Khe Cuội	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 54' 29"	106° 38' 42"					E-48-82-A
bản Koóc Loong	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 53' 54"	106° 36' 02"					E-48-82-A
suối Pơ Rền	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 55' 36"	106° 32' 18"	16° 55' 36"	106° 31' 29"	E-48-82-A
bản Sa Nông	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 54' 11"	106° 37' 36"					E-48-82-A
sông Sê Băng Hiêng	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 56' 41"	106° 41' 01"	16° 53' 12"	106° 31' 37"	E-48-82-A
bản Sê Pu	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 54' 11"	106° 33' 14"					E-48-82-A
suối Sê Pu	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 55' 17"	106° 32' 39"	16° 53' 36"	106° 32' 58"	E-48-82-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Sê Pu 1	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 55' 33"	106° 33' 39"	16° 54' 02"	106° 33' 15"	E-48-82-A
Suối Suốt	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 56' 08"	106° 39' 10"	16° 54' 54"	106° 39' 18"	E-48-82-A
bản Tà Đăng	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 54' 37"	106° 30' 56"					E-48-82-A
Suối Tát	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 56' 06"	106° 36' 31"	16° 53' 56"	106° 36' 56"	E-48-82-A
Suối Trắng	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 50' 01"	106° 37' 02"	16° 53' 06"	106° 34' 06"	E-48-82-A
Thôn Tri	DC	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá	16° 53' 25"	106° 35' 38"					E-48-82-A
Khe Tri	TV	xã Hướng Lập	H. Hướng Hoá			16° 53' 01"	106° 38' 06"	16° 54' 12"	106° 37' 46"	E-48-82-A
xóm Ba Nhà	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá	16° 41' 49"	106° 42' 24"					E-48-82-C
núi Ca Răng	SV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá	16° 40' 42"	106° 41' 07"					E-48-82-C
Thôn Có	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá	16° 42' 28"	106° 46' 31"					E-48-82-D
núi Động Tri	SV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá	16° 41' 16"	106° 44' 00"					E-48-82-C
Thôn Hoong	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá	16° 42' 25"	106° 45' 37"					E-48-82-D
Thôn Miệt	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá	16° 42' 38"	106° 46' 03"					E-48-82-C
thôn Miệt Cũ	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá	16° 41' 33"	106° 39' 22"					E-48-82-C
Thôn Mới	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá	16° 42' 28"	106° 45' 00"					E-48-82-C
Khe Nghi	TV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá			16° 41' 58"	106° 44' 47"	16° 39' 22"	106° 47' 45"	E-48-82-C; E-48-82-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Pa Công	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá	16° 42' 47"	106° 46' 34"					E-48-82-C
núi Pa Thiên	SV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá	16° 45' 54"	106° 42' 15"					E-48-82-A
sông Rào Quán	TV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá			16° 46' 21"	106° 39' 46"	16° 38' 24"	106° 47' 59"	E-48-82-C
thôn Sa Bai	DC	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá	16° 42' 13"	106° 43' 56"					E-48-82-C
khe Sa No	TV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá			16° 44' 45"	106° 42' 14"	16° 42' 25"	106° 41' 06"	E-48-82-C
suối Sa Nôn	TV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá			16° 43' 37"	106° 39' 02"	16° 42' 40"	106° 41' 01"	E-48-82-C
khe Sa Rông/Sa Rét	TV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá			16° 45' 49"	106° 42' 31"	16° 41' 49"	106° 41' 47"	E-48-82-C
núi Tam Ve	SV	xã Hướng Linh	H. Hướng Hoá	16° 42' 03"	106° 38' 58"					E-48-82-C
đồi 500	SV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá	16° 35' 24"	106° 43' 13"					E-48-82-C
suối Ca Đắp	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá			16° 31' 44"	106° 43' 06"	16° 27' 57"	106° 40' 20"	E-48-82-C
thôn Cu Dừn	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá	16° 34' 49"	106° 40' 59"					E-48-82-C
thôn Cu Ty	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá	16° 31' 59"	106° 41' 24"					E-48-82-C
Thôn Cửa	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá	16° 31' 12"	106° 42' 35"					E-48-82-C
Suối Giai	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá			16° 34' 44"	106° 44' 40"	16° 32' 32"	106° 38' 48"	E-48-82-C
suối Krông	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá			16° 31' 24"	106° 41' 46"	16° 29' 18"	106° 41' 48"	E-48-82-C
thôn Pa Ca	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá	16° 34' 20"	106° 41' 44"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Pa Lăng	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá			16° 34' 22"	106° 42' 14"	16° 35' 22"	106° 40' 05"	E-48-82-C
suối Pa Noang	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá			16° 31' 58"	106° 42' 13"	16° 32' 53"	106° 42' 03"	E-48-82-C
thôn Pa Sía	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá	16° 32' 42"	106° 42' 40"					E-48-82-C
suối Ra Ly	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá			16° 31' 54"	106° 41' 21"	16° 32' 31"	106° 39' 51"	E-48-82-C
khe Ra Nưa	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá			16° 31' 17"	106° 43' 36"	16° 30' 12"	106° 42' 22"	E-48-82-C
thôn Ra Ty	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá	16° 33' 26"	106° 44' 04"					E-48-82-C
suối Sa Lèo	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá			16° 34' 29"	106° 43' 09"	16° 32' 51"	106° 42' 13"	E-48-82-C
suối Sa Liêng	TV	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá			16° 31' 43"	106° 44' 40"	16° 33' 16"	106° 44' 03"	E-48-82-C
thôn Ta Roa	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá	16° 35' 14"	106° 41' 45"					E-48-82-C
thôn Tà Rủi	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá	16° 33' 00"	106° 43' 27"					E-48-82-C
Thôn Trầm	DC	xã Hướng Lộc	H. Hướng Hoá	16° 33' 29"	106° 41' 55"					E-48-82-C
Đồn biên phòng 609	KX	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 44' 24"	106° 34' 37"					E-48-82-C
núi A Hai	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 40' 48"	106° 36' 48"					E-48-82-C
Trạm kiểm soát Biên phòng A Roong	KX	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 45' 54"	106° 33' 51"					E-48-82-A
suối A Roong	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá			16° 47' 31"	106° 35' 01"	16° 45' 34"	106° 33' 34"	E-48-82-A
thôn Bụt Việt	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 43' 51"	106° 34' 05"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
huỗi Ca Lêng	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá			16° 46' 37"	106° 33' 47"	16° 46' 27"	106° 32' 59"	E-48-82-A
phu Ca Lọc	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 46' 04"	106° 33' 30"					E-48-82-A
thôn Chân Ván	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 46' 04"	106° 33' 52"					E-48-82-A
Thôn Cheng	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 42' 58"	106° 33' 28"					E-48-82-C
Trạm kiểm soát Biên phòng Cheng	KX	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 43' 00"	106° 33' 24"					E-48-82-C
thôn Cò Nhối	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 44' 17"	106° 35' 47"					E-48-82-C
Thôn Cợp	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 43' 56"	106° 36' 58"					E-48-82-C
thôn Doa Cũ	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 44' 19"	106° 34' 30"					E-48-82-C
núi Đông Chua	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 46' 49"	106° 36' 12"					E-48-82-A
núi Đông Phượng	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 44' 21"	106° 36' 48"					E-48-82-C
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá			16° 53' 07"	106° 34' 04"	16° 45' 40"	106° 33' 48"	E-48-82-A
thôn Hướng Choa	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 42' 19"	106° 37' 58"					E-48-82-C
thôn Hướng Đại	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 43' 29"	106° 34' 12"					E-48-82-C
thôn Hướng Độ	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 43' 14"	106° 34' 07"					E-48-82-C
thôn Hướng Hải	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 44' 08"	106° 34' 15"					E-48-82-C
thôn Hướng Phú	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 44' 09"	106° 34' 15"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ Le Le	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 44' 17"	106° 36' 13"					E-48-82-C
phủ Lu Tu Cu	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 45' 24"	106° 33' 52"					E-48-82-A
thôn Ma Lai	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 42' 13"	106° 34' 50"					E-48-82-C
suối Pa Lát	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá			16° 40' 17"	106° 34' 43"	16° 37' 49"	106° 34' 51"	E-48-82-C
huỗi Pa Lát	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá			16° 40' 21"	106° 34' 26"	16° 38' 30"	106° 33' 55"	E-48-82-C
thôn Phùng Lâm	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 43' 33"	106° 36' 23"					E-48-82-C
suối Pờ Rông	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá			16° 42' 12"	106° 37' 37"	16° 42' 06"	106° 35' 05"	E-48-82-C
huỗi Sạ Đun	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá			16° 47' 11"	106° 32' 59"	16° 46' 52"	106° 32' 59"	E-48-82-A
suối Sạ Đun	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá			16° 48' 00"	106° 36' 28"	16° 46' 52"	106° 34' 58"	E-48-82-A
suối Sa Kia	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá			16° 44' 21"	106° 34' 09"	16° 42' 34"	106° 33' 56"	E-48-82-C
núi Sá Mùi	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 48' 41"	106° 35' 21"					E-48-82-A
thôn Sa Ri	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 44' 34"	106° 34' 48"					E-48-82-C
suối Sa Ry	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá			16° 46' 17"	106° 36' 00"	16° 45' 34"	106° 33' 34"	E-48-82-A
suối Sê Sạ Len	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá			16° 42' 34"	106° 33' 56"	16° 43' 16"	106° 33' 00"	E-48-82-A
sông Sê Sạ Mủ	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá			16° 45' 34"	106° 33' 34"	16° 45' 56"	106° 32' 59"	E-48-82-A
Sông Sen	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá			16° 41' 11"	106° 38' 23"	16° 43' 16"	106° 33' 00"	E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Ta Púc	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 41' 37"	106° 33' 17"					E-48-82-C
núi Tam Ve	SV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 42' 03"	106° 38' 58"					E-48-82-C
thôn Tân Pun	DC	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 42' 23"	106° 34' 24"					E-48-82-C
hồ Tra Khi	TV	xã Hướng Phùng	H. Hướng Hoá	16° 44' 26"	106° 34' 05"					E-48-82-C
khe Bui Hò	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 47' 49"	106° 41' 15"	16° 47' 13"	106° 39' 50"	E-48-82-A
khe Ca Sau	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 48' 40"	106° 40' 51"	16° 47' 09"	106° 39' 33"	E-48-82-A
khe Ca Tàu	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 46' 56"	106° 38' 16"	16° 45' 52"	106° 39' 21"	E-48-82-A
sông Cam Lộ	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 50' 23"	106° 38' 30"	16° 48' 43"	106° 57' 04"	E-48-82-A; E-48-82-B
Thôn Cát	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 50' 22"	106° 43' 51"					E-48-82-A
Khe Chuôi	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 47' 09"	106° 39' 33"	16° 46' 21"	106° 39' 46"	E-48-82-A
núi Co Chiêng	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 53' 04"	106° 41' 24"					E-48-82-A
núi Đông Chua	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 46' 49"	106° 36' 12"					E-48-82-A
núi Đông Phượng	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 44' 21"	106° 36' 48"					E-48-82-C
Thôn Hồ	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 47' 23"	106° 39' 28"					E-48-82-A
Khe Léch	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 47' 10"	106° 41' 15"	16° 47' 09"	106° 39' 33"	E-48-82-A
đồi Long Gió	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 48' 44"	106° 44' 10"					E-48-82-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Lư Bư	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 51' 43"	106° 43' 01"					E-48-82-A
Thôn Lúa	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 48' 59"	106° 38' 34"					E-48-82-A
thôn Nguồn Rào	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 46' 00"	106° 39' 17"					E-48-82-A
núi Pa Thiên	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 45' 54"	106° 42' 15"					E-48-82-A
Thôn Pin	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 45' 13"	106° 39' 47"					E-48-82-A
thôn Ra Ly	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 45' 41"	106° 38' 37"					E-48-82-A
khe Ra Ly	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 46' 15"	106° 37' 30"	16° 45' 37"	106° 39' 18"	E-48-82-A
sông Rào Quán	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 46' 21"	106° 39' 46"	16° 38' 24"	106° 47' 59"	E-48-82-A; E-48-82-C
suối Sạ Đun	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 48' 00"	106° 36' 28"	16° 46' 52"	106° 34' 58"	E-48-82-A
núi Sá Mùi	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 48' 41"	106° 35' 21"					E-48-82-A
khe Sa Riêng	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 44' 50"	106° 36' 52"	16° 43' 44"	106° 40' 38"	E-48-82-C
khe Sa Te	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 46' 00"	106° 41' 22"	16° 46' 21"	106° 39' 46"	E-48-82-A
khe Ta Bằng	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 48' 48"	106° 36' 40"	16° 49' 13"	106° 39' 05"	E-48-82-A
núi Tà Bằng	SV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 47' 26"	106° 37' 56"					E-48-82-A
khe Ta Riéc	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 46' 46"	106° 37' 56"	16° 45' 44"	106° 39' 02"	E-48-82-A
suối Tiên Hiên	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 48' 03"	106° 43' 52"	16° 45' 02"	106° 47' 50"	E-48-82-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Trĩa	DC	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá	16° 51' 07"	106° 41' 51"					E-48-82-A
Khe Trĩa	TV	xã Hướng Sơn	H. Hướng Hoá			16° 49' 26"	106° 42' 48"	16° 50' 28"	106° 43' 46"	E-48-82-A
núi Ca Ràng	SV	xã Hướng Tân	H. Hướng Hoá	16° 40' 42"	106° 41' 07"					E-48-82-C
Thôn Cửa	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hoá	16° 39' 52"	106° 42' 37"					E-48-82-C
suối Khe Sanh	TV	xã Hướng Tân	H. Hướng Hoá			16° 40' 20"	106° 39' 11"	16° 38' 37"	106° 42' 23"	E-48-82-C
bản Pa Rô	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hoá	16° 40' 16"	106° 44' 23"					E-48-82-C
suối Ra Leng	TV	xã Hướng Tân	H. Hướng Hoá			16° 40' 07"	106° 41' 29"	16° 39' 31"	106° 41' 22"	E-48-82-C
sông Rào Quán	TV	xã Hướng Tân	H. Hướng Hoá			16° 46' 21"	106° 39' 46"	16° 38' 24"	106° 47' 59"	E-48-82-C
Thôn Ruộng	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hoá	16° 39' 31"	106° 41' 04"					E-48-82-C
thôn Sa Re	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hoá	16° 38' 58"	106° 41' 53"					E-48-82-C
thôn Sa Rừng	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hoá	16° 40' 38"	106° 39' 12"					E-48-82-C
núi Tam Ve	SV	xã Hướng Tân	H. Hướng Hoá	16° 42' 03"	106° 38' 58"					E-48-82-C
thôn Tân Linh	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hoá	16° 40' 41"	106° 42' 21"					E-48-82-C
thôn Tân Vĩnh	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hoá	16° 39' 25"	106° 42' 02"					E-48-82-C
Thôn Trầm	DC	xã Hướng Tân	H. Hướng Hoá	16° 40' 20"	106° 42' 22"					E-48-82-C
thôn Ca Tiêng	DC	xã Hướng Việt	H. Hướng Hoá	16° 49' 45"	106° 33' 22"					E-48-82-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hướng Việt	H. Hướng Hoá			16° 53' 07"	106° 34' 04"	16° 45' 40"	106° 33' 48"	E-48-82-A
thôn Sạ Đưng	DC	xã Hướng Việt	H. Hướng Hoá	16° 49' 55"	106° 34' 09"					E-48-82-A
núi Sá Mùi	SV	xã Hướng Việt	H. Hướng Hoá	16° 48' 41"	106° 35' 21"					E-48-82-A
huỗi Sạ Tung	TV	xã Hướng Việt	H. Hướng Hoá			16° 50' 14"	106° 34' 26"	16° 50' 12"	106° 32' 58"	E-48-82-A
thôn Tà Puồng	DC	xã Hướng Việt	H. Hướng Hoá	16° 52' 01"	106° 34' 21"					E-48-82-A
thôn Tà Rừng	DC	xã Hướng Việt	H. Hướng Hoá	16° 49' 41"	106° 33' 22"					E-48-82-A
Trạm kiểm soát Biên phòng Tà Rừng	KX	xã Hướng Việt	H. Hướng Hoá	16° 49' 46"	106° 33' 04"					E-48-82-A
Thôn Trắng	DC	xã Hướng Việt	H. Hướng Hoá	16° 52' 27"	106° 34' 43"					E-48-82-A
Suối Trắng	TV	xã Hướng Việt	H. Hướng Hoá			16° 50' 01"	106° 37' 02"	16° 53' 06"	106° 34' 06"	E-48-82-A
quốc lộ 9	KX	xã Tân Hợp	H. Hướng Hoá			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C; E-48-82-D
núi Động Tri	SV	xã Tân Hợp	H. Hướng Hoá	16° 41' 16"	106° 44' 00"					E-48-82-C
thôn Hoà Thành	DC	xã Tân Hợp	H. Hướng Hoá	16° 39' 07"	106° 43' 20"					E-48-82-D
thôn Lương Lễ	DC	xã Tân Hợp	H. Hướng Hoá	16° 38' 24"	106° 45' 46"					E-48-82-D
thôn Quyết tâm	DC	xã Tân Hợp	H. Hướng Hoá	16° 38' 56"	106° 43' 30"					E-48-82-C
sông Rào Quán	TV	xã Tân Hợp	H. Hướng Hoá			16° 46' 21"	106° 39' 46"	16° 38' 27"	106° 48' 01"	E-48-82-C; E-48-82-D
Di tích lịch sử sân bay Tà Cơn	KX	xã Tân Hợp	H. Hướng Hoá	16° 39' 18"	106° 43' 22"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Tà Cún	TV	xã Tân Hợp	H. Hướng Hoá			16° 38' 04"	106° 46' 06"	16° 37' 53"	106° 46' 46"	E-48-82-D
thôn Tà Đủ	DC	xã Tân Hợp	H. Hướng Hoá	16° 38' 33"	106° 45' 07"					E-48-82-D
Trạm kiểm soát liên ngành Tân Hợp	KX	xã Tân Hợp	H. Hướng Hoá	16° 38' 37"	106° 46' 28"					E-48-82-D
thôn Tân Xuyên	DC	xã Tân Hợp	H. Hướng Hoá	16° 38' 32"	106° 44' 13"					E-48-82-C
quốc lộ 9	KX	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C
Bản Bù	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá	16° 37' 24"	106° 41' 13"					E-48-82-C
núi Co Rui	SV	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá	16° 37' 25"	106° 40' 18"					E-48-82-C
Làng Cồn	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá	16° 36' 27"	106° 42' 22"					E-48-82-C
suối La La	TV	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá			16° 35' 46"	106° 45' 56"	16° 35' 11"	106° 39' 53"	E-48-82-C
đèo Làng Vây	SV	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá	16° 36' 06"	106° 40' 29"					E-48-82-C
suối Pa Lăng	TV	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá			16° 34' 22"	106° 42' 14"	16° 35' 22"	106° 40' 05"	E-48-82-C
Đồi Ri	SV	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá	16° 37' 58"	106° 41' 27"					E-48-82-C
thôn Tân Sơn	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá	16° 36' 44"	106° 42' 02"					E-48-82-C
thôn Tân Tài	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá	16° 36' 41"	106° 41' 32"					E-48-82-C
suối Tân Tài	TV	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá			16° 37' 02"	106° 41' 48"	16° 36' 11"	106° 40' 22"	E-48-82-C
thôn Tân Thuận	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá	16° 36' 30"	106° 41' 34"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân Trung	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá	16° 36' 23"	106° 41' 53"					E-48-82-C
làng Vây 1	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá	16° 36' 23"	106° 40' 30"					E-48-82-C
làng Vây 2	DC	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá	16° 35' 51"	106° 40' 22"					E-48-82-C
Đồi Xoài	SV	xã Tân Lập	H. Hướng Hoá	16° 35' 55"	106° 41' 39"					E-48-82-C
quốc lộ 9	KX	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C
đồi 500	SV	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 35' 24"	106° 43' 13"					E-48-82-C
thôn C7	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 37' 53"	106° 42' 47"					E-48-82-C
Thôn Cheng	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 36' 24"	106° 42' 45"					E-48-82-C
thôn Đại Thủy	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 37' 48"	106° 42' 56"					E-48-82-C
thôn Duy Hoà	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 37' 08"	106° 42' 58"					E-48-82-C
thôn Hoà Hiệp	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 37' 19"	106° 42' 43"					E-48-82-C
súoi La La	TV	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá			16° 35' 46"	106° 45' 56"	16° 35' 11"	106° 39' 53"	E-48-82-C
Đồi Ri	SV	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 37' 58"	106° 41' 27"					E-48-82-C
súoi Sa Ranh	TV	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá			16° 38' 37"	106° 42' 23"	16° 37' 33"	106° 43' 15"	E-48-82-C
thôn Tân Hà	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 37' 17"	106° 42' 58"					E-48-82-C
thôn Tân Hào	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 37' 24"	106° 42' 58"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân Hiệp	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 37' 21"	106° 42' 27"					E-48-82-C
thôn Tân Hoà	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 37' 18"	106° 42' 12"					E-48-82-C
thôn Tân Hữu	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 37' 05"	106° 42' 53"					E-48-82-C
thôn Tân Tiến	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 37' 06"	106° 42' 38"					E-48-82-C
Suối Thành	TV	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá			16° 38' 13"	106° 41' 48"	16° 37' 06"	106° 41' 55"	E-48-82-C
thôn Vân Hoà	DC	xã Tân Liên	H. Hướng Hoá	16° 37' 25"	106° 42' 53"					E-48-82-C
quốc lộ 9	KX	xã Tân Long	H. Hướng Hoá			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C
đường tỉnh 586	KX	xã Tân Long	H. Hướng Hoá			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-82-C
suối Bi Miên	TV	xã Tân Long	H. Hướng Hoá			16° 38' 33"	106° 39' 26"	16° 36' 03"	106° 38' 43"	E-48-82-C
núi Co Rui	SV	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 37' 25"	106° 40' 18"					E-48-82-C
đội Hải quan	KX	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 36' 08"	106° 39' 54"					E-48-82-C
cầu La La	KX	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 35' 18"	106° 39' 54"					E-48-82-C
suối La La	TV	xã Tân Long	H. Hướng Hoá			16° 35' 46"	106° 45' 56"	16° 35' 11"	106° 39' 53"	E-48-82-C
bản Làng Vây	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 36' 10"	106° 40' 13"					E-48-82-C
đèo Làng Vây	SV	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 36' 06"	106° 40' 29"					E-48-82-C
thôn Long An	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 36' 03"	106° 38' 51"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Long Giang	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 35' 54"	106° 38' 32"					E-48-82-C
thôn Long Hợp	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 35' 48"	106° 39' 17"					E-48-82-C
thôn Long Phùng	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 35' 58"	106° 39' 10"					E-48-82-C
thôn Long Quy	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 35' 44"	106° 39' 00"					E-48-82-C
thôn Long Thành	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 35' 22"	106° 39' 40"					E-48-82-C
Trạm kiểm soát Biên phòng Long Thành	KX	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 35' 16"	106° 39' 49"					E-48-82-C
thôn Long Thuận	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 35' 46"	106° 38' 42"					E-48-82-C
thôn Long Yên	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 35' 49"	106° 38' 33"					E-48-82-C
suối Mỹ Yên	TV	xã Tân Long	H. Hướng Hoá			16° 36' 11"	106° 40' 22"	16° 35' 41"	106° 38' 29"	E-48-82-C
sông Sê Pôn	TV	xã Tân Long	H. Hướng Hoá			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-82-C
chợ Tân Long	KX	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 35' 49"	106° 39' 10"					E-48-82-C
thôn Xi Núc	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 36' 18"	106° 38' 44"					E-48-82-C
xóm Xi Núc 2	DC	xã Tân Long	H. Hướng Hoá	16° 36' 37"	106° 38' 41"					E-48-82-C
quốc lộ 9	KX	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá			16° 49' 09"	107° 06' 19"	16° 37' 25"	106° 35' 15"	E-48-82-C
suối A Chùm	TV	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá			16° 40' 04"	106° 36' 23"	16° 36' 30"	106° 36' 36"	E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi A Hai	SV	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá	16° 40' 48"	106° 36' 48"					E-48-82-C
cầu A Trùm	KX	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá	16° 36' 39"	106° 36' 30"					E-48-82-C
thôn An Tiêm	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá	16° 36' 17"	106° 37' 35"					E-48-82-C
suối Bi Miên	TV	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá			16° 38' 33"	106° 39' 26"	16° 36' 03"	106° 38' 43"	E-48-82-C
thôn Bích La Đông	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá	16° 35' 34"	106° 37' 34"					E-48-82-C
thôn Bích La Trung	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá	16° 36' 26"	106° 37' 04"					E-48-82-C
thôn Cổ Thành	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá	16° 36' 10"	106° 37' 41"					E-48-82-C
bản Hà Thành	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá	16° 36' 45"	106° 36' 48"					E-48-82-C
cầu Khe Đá	KX	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá	16° 36' 23"	106° 37' 22"					E-48-82-C
thôn Lệt Cốc	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá	16° 37' 32"	106° 37' 13"					E-48-82-C
suối Mỹ Yên	TV	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá			16° 36' 11"	106° 40' 22"	16° 35' 41"	106° 38' 29"	E-48-82-C
thôn Nai Cửu	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá	16° 36' 01"	106° 37' 53"					E-48-82-C
thôn Nam Xuân Đức	DC	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá	16° 36' 30"	106° 36' 58"					E-48-82-C
sông Sê Pôn	TV	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-82-C
Sông Sen	TV	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá			16° 41' 11"	106° 38' 23"	16° 43' 16"	106° 33' 00"	E-48-82-C
núi Tam Ve	SV	xã Tân Thành	H. Hướng Hoá	16° 42' 03"	106° 38' 58"					E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản 9	DC	xã Thanh	H. Hướng Hoá	16° 30' 39"	106° 39' 27"					E-48-82-C
bản 10	DC	xã Thanh	H. Hướng Hoá	16° 30' 14"	106° 40' 00"					E-48-82-C
đường tỉnh 586	KX	xã Thanh	H. Hướng Hoá			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-82-C E-48-94-A
bản A Ho	DC	xã Thanh	H. Hướng Hoá	16° 29' 32"	106° 39' 46"					E-48-94-A
súoi Ca Đấp	TV	xã Thanh	H. Hướng Hoá			16° 31' 44"	106° 43' 06"	16° 27' 57"	106° 40' 20"	E-48-94-A
bản Pa Lọ Ô	DC	xã Thanh	H. Hướng Hoá	16° 27' 42"	106° 40' 56"					E-48-94-A
bản Pa Lọ Vạc	DC	xã Thanh	H. Hướng Hoá	16° 27' 03"	106° 41' 34"					E-48-94-A
bản Pa Loang	DC	xã Thanh	H. Hướng Hoá	16° 30' 54"	106° 39' 32"					E-48-82-C
súoi Ra Loang	TV	xã Thanh	H. Hướng Hoá			16° 28' 02"	106° 42' 28"	16° 26' 58"	106° 41' 29"	E-48-94-A
sông Sê Pôn	TV	xã Thanh	H. Hướng Hoá			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-82-C E-48-94-A
súoi Ta Nua	TV	xã Thanh	H. Hướng Hoá			16° 30' 56"	106° 40' 39"	16° 30' 18"	106° 39' 53"	E-48-82-C
bản Tà Nua Cô	DC	xã Thanh	H. Hướng Hoá	16° 26' 43"	106° 41' 48"					E-48-94-A
bản Thanh 1	DC	xã Thanh	H. Hướng Hoá	16° 28' 55"	106° 39' 55"					E-48-94-A
bản Thanh 4	DC	xã Thanh	H. Hướng Hoá	16° 28' 35"	106° 40' 32"					E-48-94-A
Thôn Xung	DC	xã Thanh	H. Hướng Hoá	16° 26' 38"	106° 41' 10"					E-48-94-A
đường tỉnh 586	KX	xã Thuận	H. Hướng Hoá			16° 35' 53"	106° 39' 12"	16° 29' 32"	106° 46' 39"	E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Đồn biên phòng 613	KX	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 32' 23"	106° 39' 27"					E-48-82-C
thôn A Úp	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 31' 41"	106° 40' 30"					E-48-82-C
thôn Cồn 1	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 33' 09"	106° 39' 54"					E-48-82-C
Bản Giai	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 32' 13"	106° 39' 21"					E-48-82-C
Suối Giai	TV	xã Thuận	H. Hướng Hoá			16° 34' 44"	106° 44' 40"	16° 32' 32"	106° 38' 48"	E-48-82-C
cầu La La	KX	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 35' 18"	106° 39' 54"					E-48-82-C
suối La La	TV	xã Thuận	H. Hướng Hoá			16° 35' 46"	106° 45' 56"	16° 35' 11"	106° 39' 53"	E-48-82-C
xóm Một Mới	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 35' 04"	106° 40' 03"					E-48-82-C
suối Pa Lăng	TV	xã Thuận	H. Hướng Hoá			16° 34' 22"	106° 42' 14"	16° 35' 22"	106° 40' 05"	E-48-82-C
thôn Pả Xây	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 32' 32"	106° 39' 27"					E-48-82-C
thôn Piếc Húc	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 34' 44"	106° 40' 09"					E-48-82-C
thôn Piếc Lăng	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 34' 00"	106° 40' 13"					E-48-82-C
suối Ra Li	TV	xã Thuận	H. Hướng Hoá			16° 31' 54"	106° 41' 21"	16° 32' 31"	106° 39' 51"	E-48-82-C
thôn Rơ Cong	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 33' 33"	106° 40' 20"					E-48-82-C
thôn Rơ Ly	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 31' 48"	106° 39' 25"					E-48-82-C
sông Sê Pôn	TV	xã Thuận	H. Hướng Hoá			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-82-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu số 2	KX	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 34' 10"	106° 40' 13"					E-48-82-C
cầu số 3	KX	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 33' 27"	106° 40' 12"					E-48-82-C
thôn Tà Còi	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 31' 24"	106° 39' 30"					E-48-82-C
Thôn Thuận	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 32' 00"	106° 39' 18"					E-48-82-C
thôn Thuận Hoà	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 31' 31"	106° 39' 31"					E-48-82-C
thôn Thuận Trung 1	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 34' 24"	106° 40' 12"					E-48-82-C
thôn Thuận Trung 2	DC	xã Thuận	H. Hướng Hoá	16° 32' 57"	106° 39' 40"					E-48-82-C
núi A Pôi	SV	xã Xy	H. Hướng Hoá	16° 25' 37"	106° 44' 24"					E-48-94-A
núi Co Van	SV	xã Xy	H. Hướng Hoá	16° 27' 02"	106° 44' 53"					E-48-94-A
núi Pò Tân	SV	xã Xy	H. Hướng Hoá	16° 25' 52"	106° 43' 26"					E-48-94-A
thôn Ra Man	DC	xã Xy	H. Hướng Hoá	16° 26' 10"	106° 43' 02"					E-48-94-A
suối Ra Poong	TV	xã Xy	H. Hướng Hoá			16° 25' 58"	106° 45' 15"	16° 25' 32"	106° 44' 47"	E-48-94-A; E-48-94-B
Khe Sại	TV	xã Xy	H. Hướng Hoá			16° 26' 40"	106° 42' 46"	16° 26' 10"	106° 42' 20"	E-48-94-A
sông Sê Pôn	TV	xã Xy	H. Hướng Hoá			16° 27' 36"	106° 46' 25"	16° 37' 12"	106° 35' 19"	E-48-94-A; E-48-94-B
thôn Si Cơ Reo	DC	xã Xy	H. Hướng Hoá	16° 27' 46"	106° 43' 14"					E-48-94-A
thôn Si La	DC	xã Xy	H. Hướng Hoá	16° 27' 43"	106° 43' 20"					E-48-94-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tà Nua	DC	xã Xy	H. Hướng Hoá	16° 26' 21"	106° 43' 24"					E-48-94-A
thôn Troan Nô	DC	xã Xy	H. Hướng Hoá	16° 26' 54"	106° 43' 19"					E-48-94-A
thôn Troan Thượng	DC	xã Xy	H. Hướng Hoá	16° 27' 33"	106° 43' 14"					E-48-94-A
Trạm kiểm soát Biên phòng Xi	KX	xã Xy	H. Hướng Hoá	16° 26' 36"	106° 43' 06"					E-48-94-A
tiểu khu 1	DC	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 45' 52"	107° 10' 03"					E-48-83-A-d
tiểu khu 2	DC	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 46' 11"	107° 09' 53"					E-48-83-A-d
tiểu khu 3	DC	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 46' 25"	107° 09' 35"					E-48-83-A-d
tiểu khu 4	DC	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 46' 37"	107° 09' 15"					E-48-83-A-d
tiểu khu 5	DC	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 46' 41"	107° 10' 47"					E-48-83-A-d
tiểu khu 6	DC	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 45' 57"	107° 09' 35"					E-48-83-A-d
cầu An Mô	KX	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 46' 39"	107° 09' 59"					E-48-83-A-d
đường Lê Duẩn	KX	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-d
hồ Sắc Tứ	TV	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong	16° 46' 15"	107° 09' 30"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	TT. Ái Tử	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
đội 5	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 43' 45"	107° 03' 24"					E-48-83-C
thôn Ái Tử	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 46' 56"	107° 09' 14"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Ái Tử	KX	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 47' 06"	107° 09' 01"					E-48-83-A-d
sông Ái Tử	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 40' 14"	107° 01' 23"	16° 48' 11"	107° 08' 26"	E-48-83-A-d E-48-83-C
đập Bà Huyện	KX	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 43' 49"	107° 05' 51"					E-48-83-C
Khe Bạc	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 43' 00"	107° 04' 27"	16° 43' 41"	107° 05' 30"	E-48-83-C
Khe Bùn	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 42' 32"	107° 01' 10"	16° 44' 41"	107° 02' 21"	E-48-83-C
Khe Cát	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 44' 33"	107° 04' 39"	16° 45' 32"	107° 06' 39"	E-48-83-A-d E-48-83-C
xóm Chợ Đê	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 46' 07"	107° 09' 15"					E-48-83-A-d
Đội lâm nghiệp Đường 9	KX	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 43' 37"	107° 01' 07"					E-48-83-C
thôn Hà Xá	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 47' 26"	107° 07' 50"					E-48-83-A-c E-48-83-A-d
thôn Kiên Mỹ	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 46' 49"	107° 08' 09"					E-48-83-A-d
thôn Kiến Phước	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 46' 12"	107° 07' 54"					E-48-83-A-c E-48-83-A-d
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đường 9	KX	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 46' 39"	107° 01' 18"					E-48-83-C
đường Lê Duẩn	KX	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-d
thôn Liên Phong	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 43' 43"	107° 05' 59"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Mụ Thương	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 44' 47"	107° 08' 02"					E-48-83-A-d E-48-83-C
thôn Nại Hiệp	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 45' 06"	107° 08' 33"					E-48-83-A-d E-48-83-C
Khe Su	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 45' 10"	107° 05' 09"	16° 46' 49"	107° 08' 48"	E-48-83-A-c E-48-83-A-d
thôn Tân Phở	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 46' 12"	107° 08' 30"					E-48-83-C
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
thôn Trạng Sò	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 44' 41"	107° 08' 01"					E-48-83-A-c E-48-83-C
thôn Trung Long	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 42' 51"	107° 04' 23"					E-48-83-C
sông Vĩnh Phước	TV	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong			16° 45' 21"	107° 00' 45"	16° 48' 29"	107° 08' 40"	E-48-83-A-c E-48-83-A-d
làng Xuân Khê	DC	xã Triệu Ái	H. Triệu Phong	16° 44' 13"	107° 07' 29"					E-48-83-C
đường huyện 42	KX	xã Triệu An	H. Triệu Phong			16° 53' 04"	107° 11' 51"	16° 47' 58"	107° 18' 13"	E-48-83-A-b
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu An	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b
thôn An Lợi	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 52' 17"	107° 10' 54"					E-48-83-A-b
Xóm Đò	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 52' 06"	107° 11' 03"					E-48-83-A-d
Xóm Động	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 52' 36"	107° 11' 20"					E-48-83-A-b
thôn Hà Tây	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 52' 57"	107° 12' 10"					E-48-83-A-b
Xóm Làng	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 53' 09"	107° 10' 58"					E-48-83-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Phó Hội	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 53' 46"	107° 11' 19"					E-48-83-A-b
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu An	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-b
thôn Thanh Xuân	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 52' 18"	107° 11' 31"					E-48-83-A-d
thôn Tường Vân	DC	xã Triệu An	H. Triệu Phong	16° 53' 04"	107° 11' 05"					E-48-83-A-b
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
cầu Bò Bản	KX	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 50' 24"	107° 11' 02"					E-48-83-A-d
thôn Đại Hào	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 49' 09"	107° 11' 04"					E-48-83-A-d
cầu Đại Hào	KX	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 48' 57"	107° 10' 56"					E-48-83-A-d
thôn Đại Hoà	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 49' 11"	107° 10' 10"					E-48-83-A-d
thôn Hiền Lương	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 49' 56"	107° 09' 48"					E-48-83-A-d
cầu Mỹ Lộc	KX	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 49' 51"	107° 11' 08"					E-48-83-A-d
kênh N1/13 Nam Thạch Hãn	TV	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong			16° 50' 08"	107° 09' 42"	16° 49' 42"	107° 09' 22"	E-48-83-A-d
thôn Phan Xá	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 50' 27"	107° 08' 42"					E-48-83-A-d
thôn Phú Tài	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 50' 17"	107° 09' 07"					E-48-83-A-d
thôn Quảng Điền A	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 49' 51"	107° 10' 28"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Quảng Điền B	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 50' 03"	107° 10' 39"					E-48-83-A-d
thôn Quảng Lượng	DC	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong	16° 49' 24"	107° 10' 47"					E-48-83-A-d
Hói Thuận	TV	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong			16° 48' 46"	107° 10' 42"	16° 48' 01"	107° 12' 33"	E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Đại	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
thôn An Dạ	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 50' 13"	107° 07' 47"					E-48-83-A-d
thôn An Lợi	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 49' 38"	107° 08' 21"					E-48-83-A-d
thôn Đồng Giám	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 49' 49"	107° 08' 08"					E-48-83-A-d
thôn Gia Độ	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 51' 13"	107° 07' 48"					E-48-83-A-d
thôn Giáo Liêm	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 51' 18"	107° 08' 36"					E-48-83-A-d
kênh N1	TV	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong			16° 45' 39"	107° 11' 59"	16° 50' 17"	107° 07' 51"	E-48-83-A-d
thôn Quy Hà	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 51' 46"	107° 08' 52"					E-48-83-A-d
đầm Quy Hà	TV	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 51' 21"	107° 08' 26"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
thôn Thanh Liêm	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 50' 32"	107° 08' 34"					E-48-83-A-d
thôn Trung Yên	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 49' 36"	107° 08' 05"					E-48-83-A-d
đập Việt Yên	KX	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 51' 40"	107° 08' 58"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
thôn Xuân Thành	DC	xã Triệu Độ	H. Triệu Phong	16° 51' 28"	107° 08' 24"					E-48-83-A-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-d
thôn Bích La Đông	DC	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong	16° 47' 14"	107° 12' 21"					E-48-83-A-d
thôn Bích La Nam	DC	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong	16° 47' 15"	107° 11' 30"					E-48-83-A-d
thôn Bích La Trung	DC	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong	16° 47' 30"	107° 11' 54"					E-48-83-A-d
kênh N1	TV	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong			16° 45' 39"	107° 11' 59"	16° 50' 17"	107° 07' 51"	E-48-83-A-d
thôn Nại Cửu	DC	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong	16° 46' 42"	107° 12' 10"					E-48-83-A-d
hói Qua Giang	TV	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong			16° 47' 56"	107° 12' 36"	16° 46' 13"	107° 12' 50"	E-48-83-A-d
Hói Thuận	TV	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong			16° 48' 46"	107° 10' 42"	16° 48' 00"	107° 12' 33"	E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Đông	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
cầu Ái Tử	KX	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 47' 06"	107° 09' 01"					E-48-83-A-d
sông Ái Tử	TV	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong			16° 40' 14"	107° 01' 23"	16° 48' 11"	107° 08' 26"	E-48-83-A-d
đường Lê Duẩn	KX	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-d
thôn Phú Áng	DC	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 47' 31"	107° 08' 26"					E-48-83-A-d
thôn Phước Mỹ	DC	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 47' 04"	107° 08' 51"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Phước Mỹ	KX	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 47' 20"	107° 08' 37"					E-48-83-A-d
Khe Su	TV	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong			16° 45' 53"	107° 06' 03"	16° 46' 49"	107° 08' 48"	E-48-83-A-d
thôn Tả Kiên	DC	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 47' 12"	107° 09' 16"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
thôn Tiền Kiên	DC	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 47' 58"	107° 09' 30"					E-48-83-A-d
thôn Trà Liên Đông	DC	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 48' 39"	107° 09' 17"					E-48-83-A-d
thôn Trà Liên Tây	DC	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong	16° 48' 12"	107° 09' 12"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Phước	TV	xã Triệu Giang	H. Triệu Phong			16° 45' 21"	107° 00' 45"	16° 48' 29"	107° 08' 40"	E-48-83-A-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
thôn An Lộng	DC	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong	16° 48' 05"	107° 11' 38"					E-48-83-A-d
thôn Bồ Liêu	DC	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong	16° 48' 02"	107° 10' 56"					E-48-83-A-d
cầu Đại Hào	KX	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong	16° 48' 57"	107° 10' 56"					E-48-83-A-d
thôn Duy Hoà	DC	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong	16° 48' 45"	107° 11' 07"					E-48-83-A-d
thôn Hà My	DC	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong	16° 47' 30"	107° 11' 11"					E-48-83-A-d
thôn Hữu Niên A	DC	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong	16° 48' 41"	107° 11' 44"					E-48-83-A-d
thôn Hữu Niên B	DC	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong	16° 47' 44"	107° 12' 16"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Mỹ Lộc	DC	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong	16° 50' 00"	107° 11' 15"					E-48-83-A-d
cầu Mỹ Lộc	KX	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong	16° 49' 51"	107° 11' 08"					E-48-83-A-d
kênh N1	TV	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong			16° 45' 39"	107° 11' 59"	16° 50' 17"	107° 07' 51"	E-48-83-A-d
Hói Thuận	TV	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong			16° 48' 46"	107° 10' 42"	16° 48' 01"	107° 12' 33"	E-48-83-A-d
thôn Vân Hoà	DC	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong	16° 48' 41"	107° 12' 23"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Hoà	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
thôn 1	DC	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong	16° 48' 15"	107° 17' 53"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn 2	DC	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong	16° 48' 32"	107° 17' 34"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn 3	DC	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong	16° 48' 56"	107° 17' 01"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn 4	DC	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong	16° 49' 32"	107° 16' 26"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn 5	DC	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong	16° 49' 49"	107° 16' 00"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn 6	DC	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong	16° 50' 04"	107° 15' 45"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
đường huyện 42	KX	xã Triệu Lăng	H. Triệu Phong			16° 53' 04"	107° 11' 51"	16° 47' 58"	107° 18' 13"	E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Long	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
thôn An Mô	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 46' 57"	107° 10' 18"					E-48-83-A-d
cầu An Mô	KX	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 46' 39"	107° 09' 59"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Xóm Bàu	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 29"	107° 09' 49"					E-48-83-A-d
thôn Bích Khê	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 46' 51"	107° 10' 48"					E-48-83-A-d
thôn Bích La Thượng	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 46' 55"	107° 09' 53"					E-48-83-A-d
Xóm Bồi	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 48' 30"	107° 09' 45"					E-48-83-A-d
Xóm Cồn	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 48' 18"	107° 09' 51"					E-48-83-A-d
thôn Đại Lộc Hạ	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 48' 08"	107° 09' 49"					E-48-83-A-d
thôn Đại Lộc Thượng	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 14"	107° 10' 12"					E-48-83-A-d
Xóm Đùng	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 33"	107° 10' 13"					E-48-83-A-d
Xóm Hói	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 31"	107° 10' 00"					E-48-83-A-d
Xóm Kiệt	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 57"	107° 09' 55"					E-48-83-A-d
kênh N1	TV	xã Triệu Long	H. Triệu Phong			16° 45' 39"	107° 11' 59"	16° 50' 17"	107° 07' 51"	E-48-83-A-d
thôn Phù Lưu	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 48' 25"	107° 10' 31"					E-48-83-A-d
thôn Phương Ngạn	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 48' 01"	107° 10' 17"					E-48-83-A-d
thôn Rào Hạ	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 36"	107° 09' 43"					E-48-83-A-d
thôn Rào Thượng	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 24"	107° 09' 32"					E-48-83-A-d
thôn Tân Định	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 46' 41"	107° 10' 20"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Long	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
Xóm Triều	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 47' 19"	107° 10' 33"					E-48-83-A-d
thôn Vệ Nghĩa	DC	xã Triệu Long	H. Triệu Phong	16° 48' 43"	107° 10' 43"					E-48-83-A-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
thôn An Cư	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 52"	107° 09' 44"					E-48-83-A-d
chùa An Cư	KX	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 57"	107° 09' 32"					E-48-83-A-d
thôn An Cư Phường	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 25"	107° 09' 04"					E-48-83-A-d
thôn An Lợi	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 22"	107° 10' 55"					E-48-83-A-d
cầu Bò Bản	KX	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 50' 24"	107° 11' 02"					E-48-83-A-d
thôn Cao Hy	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 25"	107° 10' 12"					E-48-83-A-d
hói Cây Mưng	TV	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong			16° 51' 45"	107° 11' 11"	16° 48' 01"	107° 13' 18"	E-48-83-A-d
thôn Dương Xuân	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 52' 12"	107° 09' 36"					E-48-83-A-d
thôn Duy Phiên	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 52' 26"	107° 09' 36"					E-48-83-A-d
đập Duy Phiên	KX	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	15° 52' 55"	107° 10' 14"					E-48-83-A-d
thôn Hà La	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 52' 12"	107° 09' 52"					E-48-83-A-d
thôn Hà Lộc	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 50"	107° 11' 16"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Lưỡng Kim	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 39"	107° 10' 41"					E-48-83-A-d
kênh N3	TV	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong			16° 46' 33"	107° 15' 52"	16° 51' 00"	107° 09' 41"	E-48-83-A-b E-48-83-B-c;
thôn Nhu Lý	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16 50 46	107 10 03					E-48-83-A-d
thôn Phước Lễ	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 50' 31"	107° 09' 58"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
thôn Việt Yên	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 04"	107° 09' 27"					E-48-83-A-d
đập Việt Yên	KX	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 51' 40"	108° 08' 58"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
thôn Vĩnh Lại	DC	xã Triệu Phước	H. Triệu Phong	16° 50' 58"	107° 10' 41"					E-48-83-A-d
thôn An Lưu	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 47' 52"	107° 14' 29"					E-48-83-A-d
thôn An Phú	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 47' 46"	107° 14' 44"					E-48-83-A-d
hói Cây Mưng	TV	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong			16° 51' 45"	107° 11' 11"	16° 48' 01"	107° 13' 18"	E-48-83-A-d
thôn Đồng Bào	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 46' 58"	107° 14' 46"					E-48-83-A-d
thôn Linh Chiêu	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 47' 01"	107° 15' 43"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
kênh N3	TV	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong			16° 46' 33"	107° 15' 52"	16° 51' 00"	107° 09' 41"	E-48-83-A-d E-48-83-B-c; E-48-83-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-A-b E-48-83-C-b
thôn Phường Đạo Đầu	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 47' 37"	107° 14' 31"					E-48-83-A-d
thôn Phương Sơn	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 48' 10"	107° 14' 04"					E-48-83-A-d
hói Qua Giang	TV	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong			16° 47' 56"	107° 12' 36"	16° 46' 14"	107° 12' 49"	E-48-83-A-d
thôn Thượng Trạch	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 47' 37"	107° 14' 54"					E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Văn Phong	DC	xã Triệu Sơn	H. Triệu Phong	16° 47' 02"	107° 15' 09"					E-48-83-A-d
đường tỉnh 581	KX	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong			16° 44' 28"	107° 11' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-A-d
thôn An Hưng	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 47' 50"	107° 12' 56"					E-48-83-A-d
thôn An Trú	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 46' 41"	107° 13' 24"					E-48-83-A-d
thôn Anh Tuấn	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 46' 37"	107° 12' 36"					E-48-83-A-d
thôn Bích Hậu	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 46' 46"	107° 12' 53"					E-48-83-A-d
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-A-d E-48-83-C-b
thôn Phú Liêu	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 48' 01"	107° 12' 55"					E-48-83-A-d
hói Qua Giang	TV	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong			16° 47' 56"	107° 12' 36"	16° 46' 14"	107° 12' 49"	E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tả Hữu	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 46' 06"	107° 12' 30"					E-48-83-A-d
thôn Tài Lương	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 47' 33"	107° 13' 32"					E-48-83-A-d
thôn Thâm Triều	DC	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong	16° 46' 16"	107° 13' 10"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Tài	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-d
thôn An Tiêm	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong	16° 46' 06"	107° 11' 44"					E-48-83-A-d
cầu An Tiêm	KX	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong	16° 46' 03"	107° 11' 28"					E-48-83-A-d
thôn Cổ Thành	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong	16° 45' 38"	107° 11' 09"					E-48-83-A-d
thôn Hậu Kiên	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong	16° 46' 18"	107° 11' 18"					E-48-83-A-d
kênh N1	TV	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong			16° 45' 39"	107° 11' 59"	16° 50' 17"	107° 07' 51"	E-48-83-A-d
thôn Tân Đức	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong	16° 46' 06"	107° 11' 14"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Thành	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d
kênh N1	TV	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong			16° 45' 39"	107° 11' 59"	16° 50' 17"	107° 07' 51"	E-48-83-A-d
kênh N1/13 Nam Thạch Hãn	TV	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong			16° 50' 08"	107° 09' 42"	16° 49' 42"	107° 09' 22"	E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu dân cư số 1	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 48' 54"	107° 10' 04"					E-48-83-A-d
khu dân cư số 2	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 48' 35"	107° 10' 10"					E-48-83-A-d
khu dân cư số 3	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 49' 02"	107° 09' 24"					E-48-83-A-d
khu dân cư số 4	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 48' 39"	107° 09' 03"					E-48-83-A-d
khu dân cư số 5	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 48' 34"	107° 08' 43"					E-48-83-A-d
khu dân cư số 6	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 48' 53"	107° 08' 40"					E-48-83-A-d
khu dân cư số 7	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 49' 24"	107° 08' 57"					E-48-83-A-d
khu dân cư số 8	DC	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong	16° 49' 34"	107° 08' 39"					E-48-83-A-d
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Thuận	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-A-d
sông Ái Tử	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong			16° 40' 14"	107° 01' 23"	16° 48' 11"	107° 08' 26"	E-48-83-C E-48-83-A-d
Khe Bùn	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong			16° 42' 32"	107° 01' 10"	16° 44' 41"	107° 02' 21"	E-48-83-C
Khe Chuối	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong			16° 40' 48"	107° 05' 18"	16° 41' 58"	107° 06' 00"	E-48-83-C
hồ Khe Chuối	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 41' 48"	107° 06' 59"					E-48-83-C
đường Lê Duẩn	KX	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-83-A-d
khe Lèo Mèo	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 41' 00"	107° 06' 37"					E-48-83-C
chùa Long An	KX	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 45' 55"	107° 10' 57"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Nhan Biểu 1	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 45' 48"	107° 10' 38"					E-48-83-A-d
thôn Nhan Biểu 2	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 44' 49"	107° 10' 25"					E-48-83-A-d E-48-83-C
thôn Nhan Biểu 3	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 44' 09"	107° 10' 02"					E-48-83-C
thôn Tả Hữu	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 46' 10"	107° 10' 28"					E-48-83-A-d
thôn Tân Xuân	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 41' 45"	107° 07' 16"					E-48-83-C
sông Thạch Hãn	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong			16° 38' 50"	107° 04' 08"	16° 54' 36"	107° 11' 49"	E-48-83-C E-48-83-A-d
thôn Thượng Phước	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 42' 56"	107° 09' 39"					E-48-83-C
Thôn Trám	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 41' 04"	107° 06' 47"					E-48-83-C
xóm Trám Hạ	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 41' 24"	107° 06' 45"					E-48-83-C
xóm Trám Thượng	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 40' 52"	107° 06' 55"					E-48-83-C
hồ Triệu Thượng 1	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 43' 23"	107° 08' 53"					E-48-83-C
hồ Triệu Thượng 2	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 44' 40"	107° 09' 11"					E-48-83-C E-48-83-A-d
thôn Trung Kiên	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 46' 23"	107° 10' 42"					E-48-83-A-d
Bàu Vịt	TV	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong			16° 45' 22"	107° 10' 32"	16° 44' 10"	107° 10' 24"	E-48-83-C E-48-83-A-d
thôn Xuân An	DC	xã Triệu Thượng	H. Triệu Phong	16° 46' 10"	107° 10' 58"					E-48-83-A-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn An Trạch	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 50' 27"	107° 12' 21"					E-48-83-A-d
thôn Bồ Bản	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 50' 21"	107° 11' 17"					E-48-83-A-d
hói Cây Mung	TV	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong			16° 51' 45"	107° 11' 11"	16° 48' 01"	107° 13' 18"	E-48-83-A-d
Xóm Dài	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 49' 55"	107° 12' 12"					E-48-83-A-d
Xóm Đồng	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 49' 31"	107° 12' 33"					E-48-83-A-d
Xóm Giữa	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 49' 36"	107° 12' 18"					E-48-83-A-d
thôn Lệ Xuyên	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 50' 48"	107° 11' 33"					E-48-83-A-d
cầu Lệ Xuyên	KX	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 51' 19"	107° 11' 49"					E-48-83-A-d
thôn Linh An	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 48' 48"	107° 13' 29"					E-48-83-A-d
thôn Long Quang	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 49' 43"	107° 12' 44"					E-48-83-A-d
Xóm Mỏ	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 49' 43"	107° 12' 01"					E-48-83-A-d
kênh N3	TV	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong			16° 46' 33"	107° 15' 52"	16° 51' 00"	107° 09' 41"	E-48-83-A-d E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
hói Qua Giang	TV	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong			16° 47' 56"	107° 12' 36"	16° 46' 14"	107° 12' 49"	E-48-83-A-d
thôn Vân Tường	DC	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong	16° 49' 48"	107° 12' 00"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Trạch	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 581	KX	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong			16° 44' 28"	107° 11' 22"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-A-d E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
thôn Đạo Đầu	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 46' 39"	107° 13' 56"					E-48-83-A-d
thôn Mỹ Khê	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 46' 29"	107° 15' 02"					E-48-83-A-d
kênh N4B	TV	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong			16° 46' 32"	107° 13' 28"	16° 46' 06"	107° 14' 55"	E-48-83-A-d
kênh chính Nam Thạch Hãn	TV	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong			16° 41' 46"	107° 08' 37"	16° 47' 29"	107° 14' 36"	E-48-83-C E-48-83-A-d
thôn Ngõ Xá Đông	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 46' 00"	107° 13' 40"					E-48-83-A-d
thôn Ngõ Xá Tây	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 45' 58"	107° 13' 43"					E-48-83-A-d
hói Qua Giang	TV	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong			16° 48' 00"	107° 12' 40"	16° 46' 10"	107° 12' 50"	E-48-83-A-d
thôn Tam Hữu	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 46' 24"	107° 15' 28"					E-48-83-A-d
thôn Thanh Lê	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 46' 22"	107° 13' 34"					E-48-83-A-d
thôn Trung An	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 46' 50"	107° 14' 03"					E-48-83-A-d
sông Vĩnh Định	TV	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong			16° 41' 58"	107° 21' 05"	16° 51' 56"	107° 09' 06"	E-48-83-A-d E-48-83-B-c;
thôn Xuân Dương	DC	xã Triệu Trung	H. Triệu Phong	16° 45' 58"	107° 14' 46"					E-48-83-A-d E-48-83-B-c;
thôn 7	DC	xã Triệu Vân	H. Triệu Phong	16° 50' 46"	107° 14' 49"					E-48-83-A-d
thôn 8	DC	xã Triệu Vân	H. Triệu Phong	16° 51' 26"	107° 13' 58"					E-48-83-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 9	DC	xã Triệu Vân	H. Triệu Phong	16° 51' 56"	107° 13' 12"					E-48-83-A-d
đường huyện 42	KX	xã Triệu Vân	H. Triệu Phong			16° 53' 04"	107° 11' 51"	16° 47' 58"	107° 18' 13"	E-48-83-A-d E-48-83-B-c; E-48-83-B-d
đường tỉnh 580	KX	xã Triệu Vân	H. Triệu Phong			16° 44' 29"	107° 11' 01"	16° 53' 51"	107° 11' 08"	E-48-83-A-b E-48-83-A-d
thôn Sinh Thái	DC	xã Triệu Vân	H. Triệu Phong	16° 52' 21"	107° 12' 47"					E-48-70-D-d
khóm 2	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 32"	106° 53' 46"					E-48-70-D-d
thôn 3	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 02' 10"	106° 52' 29"					E-48-70-D-c
thôn 4	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 00' 36"	106° 53' 11"					E-48-70-D-d
thôn 5	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 11"	106° 54' 48"					E-48-82-B
khóm 7	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 30"	106° 52' 56"					E-48-70-D-d
thôn 8	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 02' 02"	106° 52' 21"					E-48-70-D-d
thôn 9	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 02' 02"	106° 53' 47"					E-48-70-D-d
khóm 11	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 08"	106° 54' 13"					E-48-70-D-d
khóm 24	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 15"	106° 53' 26"					E-48-70-D-d
đường tỉnh 571	KX	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh			17° 05' 19"	106° 59' 10"	16° 54' 05"	106° 49' 09"	E-48-70-D-d
cầu Bến Quan	KX	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 06"	106° 54' 26"					E-48-70-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khóm Chế Biến	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 12"	106° 53' 07"					E-48-70-D-d
Ngã Tư Đất	KX	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 21"	106° 54' 00"					E-48-70-D-d
cầu Hạnh Phúc	KX	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 15"	106° 53' 50"					E-48-70-D-d
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 32"	107° 00' 17"	E-48-70-D-d
khóm Khe Cáy	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 46"	106° 54' 41"					E-48-70-D-d
cầu Khe Cáy	KX	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 02' 02"	106° 54' 48"					E-48-70-D-d
suối Khe Cáy	TV	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh			17° 01' 56"	106° 53' 21"	17° 02' 03"	106° 54' 53"	E-48-70-D-d
khóm Ngã Tư	DC	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 01' 25"	106° 54' 03"					E-48-70-D-d
sông Sa Lung	TV	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-70-D-c
hồ Thôn 4	TV	TT. Bến Quan	H. Vĩnh Linh	17° 00' 26"	106° 53' 30"					E-48-70-D-d
đường tỉnh 572	KX	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh			17° 03' 38"	107° 00' 48"	17° 04' 33"	107° 06' 40"	E-48-71-C-c
đường tỉnh 574	KX	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh			17° 01' 03"	107° 02' 47"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c
khu phố An Đức 1	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 00' 55"	107° 06' 05"					E-48-71-C-c
khu phố An Đức 2	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 02"	107° 06' 03"					E-48-71-C-c
khu phố An Đức 3	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 07"	107° 05' 57"					E-48-71-C-c
khu phố An Hoà 1	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 14"	107° 06' 21"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu phố An Hoà 2	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 17"	107° 06' 05"					E-48-71-C-c
sông Bến Hải	TV	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-71-C-c
mũi Đá Mụ Tạo	SV	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 06"	107° 06' 36"					E-48-71-C-c
Cầu Đúc	KX	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 02' 09"	107° 06' 21"					E-48-71-C-c
khu phố Hoà Lý	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 31"	107° 06' 20"					E-48-71-C-c
mũi Mũi Hàu	SV	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 37"	107° 06' 39"					E-48-71-C-c
khu phố Quang Hải	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 01' 44"	107° 24' 25"					E-48-71-C-c
Mũi Si	SV	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 02' 43"	107° 06' 50"					E-48-71-C-c
khu phố Thạch Bắc	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 02' 51"	107° 06' 20"					E-48-71-C-c
khu phố Thạch Bàn	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 02' 40"	107° 06' 26"					E-48-71-C-c
khu phố Thạch Nam	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 02' 15"	107° 06' 15"					E-48-71-C-c
khu phố Thạch Trung	DC	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 02' 43"	107° 06' 19"					E-48-71-C-c
Cửa Tùng	TV	TT. Cửa Tùng	H. Vĩnh Linh	17° 00' 59"	107° 06' 37"					E-48-71-C-c
quốc lộ 1A	KX	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-71-C-c
khóm 1	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 42"	107° 01' 04"					E-48-71-C-c
khóm 2	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 00"	107° 01' 07"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khóm 3	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 19"	107° 01' 00"					E-48-71-C-c
khóm 4	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 06"	107° 00' 49"					E-48-71-C-c
khóm 5	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 54"	107° 00' 39"					E-48-71-C-c
khóm 6	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 08"	107° 00' 32"					E-48-71-C-c
khóm 7	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 31"	107° 00' 19"					E-48-71-C-c
khóm 8	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 40"	107° 00' 02"					E-48-71-C-c
khóm 9	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 50"	107° 01' 07"					E-48-71-C-c
đường tỉnh 572	KX	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh			17° 03' 38"	107° 00' 48"	17° 04' 33"	107° 06' 40"	E-48-71-C-c
cầu Châu Thị	KX	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 02' 29"	107° 01' 28"					E-48-71-C-c
khóm Chợ Huyện	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 02' 35"	107° 01' 19"					E-48-71-C-c
cầu Chợ Mai	KX	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 23"	107° 01' 01"					E-48-71-C-c
khóm Đoàn Kết	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 28"	106° 59' 56"					E-48-71-C-c
Bàu Đưng	TV	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 15"	107° 00' 45"					E-48-71-C-c
cầu Gia Đăng	KX	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 02' 59"	107° 01' 22"					E-48-71-C-c
khóm Hải Bình	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 22"	17° 01' 14"					E-48-71-C-c
khóm Hải Hoà	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 16"	107° 01' 12"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khóm Hải Nghĩa	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 11"	107° 01' 43"					E-48-71-C-c
khóm Hải Phúc	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 27"	107° 01' 31"					E-48-71-C-c
khóm Hải Tĩnh	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 18"	107° 01' 47"					E-48-71-C-c
sông Hồ Xá	TV	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh			17° 03' 16"	107° 01' 05"	17° 02' 19"	107° 01' 17"	E-48-71-C-c
khóm Hữu Nghị	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 12"	107° 00' 01"					E-48-71-C-c
khóm Lao Động	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 37"	107° 00' 57"					E-48-71-C-c
khóm Nam Hải	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 03' 10"	107° 01' 13"					E-48-71-C-c
khóm Phú Thị	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 26"	107° 00' 39"					E-48-71-C-c
sông Sa Lung	TV	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-71-C-c
Khe Su	TV	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh			17° 03' 55"	107° 02' 51"	17° 02' 57"	107° 01' 17"	E-48-71-C-c
khóm Thắng Lợi	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 32"	107° 00' 04"					E-48-71-C-c
khóm Thành Công	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 12"	107° 00' 21"					E-48-71-C-c
khóm Thống Nhất	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 21"	107° 00' 29"					E-48-71-C-c
khóm Vĩnh Bắc	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 45"	106° 59' 52"					E-48-71-C-c
khóm Vĩnh Quang	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 04' 24"	107° 00' 16"					E-48-71-C-c
khóm Vĩnh Tiến	DC	TT. Hồ Xá	H. Vĩnh Linh	17° 02' 46"	107° 01' 27"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-70-D-d
đường tỉnh 571	KX	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh			17° 05' 19"	106° 59' 10"	16° 54' 05"	106° 49' 09"	E-48-70-D-d
thôn Bắc Phú	DC	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 51"	106° 58' 11"					E-48-70-D-d
cầu Bắc Phú	KX	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 13"	106° 57' 59"					E-48-70-D-d
hồ Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 03' 43"	106° 55' 13"					E-48-70-D-d
thôn Bình An	DC	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 52"	106° 57' 25"					E-48-70-D-d
thôn Cháp Bắc	DC	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 07' 25"	106° 57' 50"					E-48-70-D-d
thôn Cháp Đông	DC	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 06' 42"	106° 58' 34"					E-48-70-D-d
cầu Cháp Lễ	KX	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 06' 45"	106° 57' 58"					E-48-70-D-d
thôn Cháp Nam	DC	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 06' 35"	106° 58' 11"					E-48-70-D-d
Di tích Cơ sở Xứ uỷ Trung Kỳ	KX	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 13"	106° 55' 58"					E-48-70-D-d
Đập Hà	KX	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 06"	106° 55' 47"					E-48-70-D-d
sông Hồ Xá	TV	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh			17° 04' 46"	106° 58' 17"	17° 02' 16"	107° 01' 12"	E-48-71-C-c
Cầu Kênh	KX	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 37"	106° 56' 50"					E-48-70-D-d
Cầu Khay	KX	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 07' 33"	106° 57' 38"					E-48-70-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ Khe Cáy	TV	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 39"	106° 58' 19"					E-48-70-D-d
khóm Khe Lầu	DC	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 07' 43"	107° 56' 28"					E-48-70-D-d
thôn Lai Bình	DC	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 15"	106° 57' 32"					E-48-70-D-d
thôn Mỹ Lộc	DC	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 04' 23"	106° 57' 55"					E-48-70-D-d
khóm Sa Lung	DC	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 32"	106° 58' 58"					E-48-70-D-d
thôn Tân Bình	DC	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 37"	106° 58' 00"					E-48-70-D-d
thôn Tân Định	DC	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 21"	106° 56' 13"					E-48-70-D-d
thôn Tây Sơn	DC	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 06' 07"	106° 57' 26"					E-48-70-D-d
thôn Tây Trường	DC	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 06' 08"	106° 58' 40"					E-48-70-D-d
Cầu Trạm	KX	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 05' 35"	106° 57' 37"					E-48-70-D-d
khe Trầm Kỳ	TV	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh			17° 06' 33"	106° 55' 30"	17° 04' 46"	106° 58' 17"	E-48-70-D-d
hồ Trầm Trươi	TV	xã Vĩnh Cháp	H. Vĩnh Linh	17° 04' 46"	106° 56' 53"					E-48-70-D-d
đường tỉnh 574	KX	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh			17° 01' 03"	107° 02' 47"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c
kênh Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh			17° 03' 34"	106° 55' 31"	17° 00' 29"	107° 04' 16"	E-48-71-C-c
sông Bến Hải	TV	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-71-C-c
Hói Chùa	TV	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 40"	107° 04' 18"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Cổ Mỹ	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 21"	107° 05' 03"					E-48-71-C-c
thôn Di Loan	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 44"	107° 05' 31"					E-48-71-C-c
thôn Tân An	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 01' 03"	107° 05' 32"					E-48-71-C-c
thôn Tân Mỹ	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 24"	107° 04' 43"					E-48-71-C-c
thôn Tân Trại 1	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 56"	107° 04' 29"					E-48-71-C-c
thôn Tân Trại 2	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 42"	107° 04' 39"					E-48-71-C-c
mương Thanh Niên	TV	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh			17° 01' 11"	107° 02' 57"	17° 00' 52"	107° 04' 02"	E-48-71-C-c
thôn Tùng Luật	DC	xã Vĩnh Giang	H. Vĩnh Linh	17° 00' 07"	107° 05' 33"					E-48-71-C-c
đường tỉnh 571	KX	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			17° 05' 19"	106° 59' 10"	16° 54' 05"	106° 49' 09"	E-48-82-B
bản Ba Buôi	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 01' 13"	106° 52' 28"					E-48-70-D-c
thôn Bãi Hà	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 00' 49"	106° 52' 22"					E-48-82-B
sông Bến Hải	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-82-B
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 32"	107° 00' 17"	E-48-82-B
bản Khe Ó	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 00' 32"	106° 51' 32"					E-48-82-B
bản Khe Tiên	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 00' 51"	106° 51' 57"					E-48-70-D-c
bản Khe Trù	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 00' 24"	106° 51' 51"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ La Ngà	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 01' 23"	106° 56' 46"					E-48-70-D-d
khe Lai Hai	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			17° 00' 56"	106° 54' 17"	17° 00' 56"	106° 54' 17"	E-48-82-B
bản Lâm trường	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 00' 59"	106° 52' 06"					E-48-82-B
Bản Mới	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	16° 58' 39"	106° 52' 03"					E-48-82-B
Khe Nà	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			16° 54' 27"	106° 49' 26"	16° 54' 03"	106° 49' 41"	E-48-82-B
hồ Quyết Thắng	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 00' 45"	106° 54' 45"					E-48-70-D-d
suối Rào Quang	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			16° 55' 59"	106° 46' 59"	16° 58' 27"	106° 49' 38"	E-48-82-B
thôn Rào Trường	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	16° 59' 07"	106° 55' 17"					E-48-82-B
khe Rào Trường	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			16° 57' 43"	106° 54' 48"	16° 59' 54"	106° 55' 51"	E-48-82-B
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-70-D-c
bản Thủ Công	DC	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh	17° 01' 09"	106° 52' 21"					E-48-82-B
Khe Tiên	TV	xã Vĩnh Hà	H. Vĩnh Linh			17° 01' 02"	106° 50' 57"	17° 01' 03"	106° 52' 24"	E-48-70-D-c
đường tỉnh 572	KX	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh			17° 03' 38"	107° 00' 48"	17° 04' 33"	107° 06' 40"	E-48-71-C-c
thôn Nông trường	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 03' 56"	107° 04' 16"					E-48-71-C-c
rừng Rú Lịnh	SV	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 03' 38"	107° 04' 13"					E-48-71-C-c
khe Rú Lịnh	TV	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh			17° 03' 20"	107° 03' 52"	17° 01' 49"	107° 03' 14"	E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân An	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 03' 15"	107° 04' 27"					E-48-71-C-c
thôn Tân Bình	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 02' 43"	107° 04' 00"					E-48-71-C-c
thôn Tân Đức	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 02' 24"	107° 04' 00"					E-48-71-C-c
thôn Tân Hoà	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 02' 52"	107° 03' 47"					E-48-71-C-c
thôn Tân Ninh	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 03' 43"	107° 04' 25"					E-48-71-C-c
thôn Tân Phúc	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 02' 21"	107° 03' 50"					E-48-71-C-c
thôn Thái Mỹ	DC	xã Vĩnh Hiền	H. Vĩnh Linh	17° 03' 11"	107° 04' 55"					E-48-71-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-71-C-c
đường tỉnh 572	KX	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Linh			17° 03' 38"	107° 00' 48"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c
đường tỉnh 574	KX	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Linh			17° 01' 03"	107° 02' 47"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c
kênh Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Linh			17° 03' 34"	106° 55' 31"	17° 00' 29"	107° 04' 16"	E-48-71-C-c
thôn Đơn Duệ	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Linh	17° 02' 37"	107° 01' 56"					E-48-71-C-c
thôn Hiền Dũng	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Linh	17° 03' 47"	107° 03' 22"					E-48-71-C-c
thôn Hoà Bình	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Linh	17° 03' 06"	107° 03' 01"					E-48-71-C-c
thôn Linh Đơn	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Linh	17° 02' 24"	107° 02' 32"					E-48-71-C-c
rừng Rú Lịnh	SV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Linh	17° 03' 38"	107° 04' 13"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khe Rú Lịnh	TV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Linh			17° 03' 20"	107° 03' 52"	17° 01' 49"	107° 03' 14"	E-48-71-C-c
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-71-C-c
Khe Su	TV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Linh			17° 03' 55"	107° 02' 51"	17° 02' 57"	107° 01' 17"	E-48-71-C-c
khe Troong Cát	TV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Linh			17° 04' 19"	107° 03' 43"	17° 07' 34"	107° 02' 31"	E-48-71-C-c
hồ Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 03' 43"	106° 55' 13"					E-48-70-D-d
thôn Bến Mừng	DC	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 02' 19"	106° 52' 40"					E-48-70-D-d
thôn Đá Moọc	DC	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 04' 34"	106° 51' 43"					E-48-70-D-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 32"	107° 00' 17"	E-48-70-D-d
thôn Khe Cát	DC	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 04' 27"	106° 51' 56"					E-48-70-D-c
suối Khe Cây	TV	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh			17° 01' 56"	106° 53' 21"	17° 02' 03"	106° 54' 53"	E-48-70-D-d
thôn Khe Lương	DC	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 02' 19"	106° 52' 14"					E-48-70-D-d
thôn Khe Trầm	DC	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 04' 16"	106° 51' 30"					E-48-70-D-c
thôn Xung Phong	DC	xã Vĩnh Khê	H. Vĩnh Linh	17° 03' 07"	106° 54' 14"					E-48-70-D-d
Xóm Bầu	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 48"	107° 04' 42"					E-48-71-C-c
Thôn Đông	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 05' 14"	107° 06' 00"					E-48-71-C-c
đồi Động Đỏ	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 06' 17"	107° 04' 39"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khe Giếng Voi	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh			17° 04' 24"	107° 04' 05"	17° 06' 36"	107° 04' 17"	E-48-71-C-c
khe Giếng Vọt	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh			17° 05' 26"	107° 06' 05"	17° 04' 28"	107° 06' 12"	E-48-71-C-c
thôn Hương Bắc	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 59"	107° 05' 01"					E-48-71-C-c
thôn Hương Nam	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 05' 27"	107° 04' 53"					E-48-71-C-c
xóm Nô Ông	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 40"	107° 04' 43"					E-48-71-C-c
đường Quốc Phòng	KX	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh			17° 03' 46"	107° 03' 14"	17° 06' 12"	107° 03' 22"	E-48-71-C-c
Mũi Rồng	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 06' 04"	107° 05' 37"					E-48-71-C-c
Xóm Roọc	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 53"	107° 04' 55"					E-48-71-C-c
Bàu Săng	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 05' 51"	107° 05' 22"					E-48-71-C-c
Xóm Sẻ	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 05' 06"	107° 05' 09"					E-48-71-C-c
Thôn Tây	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 05' 23"	107° 05' 32"					E-48-71-C-c
thôn Thủy Bắc	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 54"	107° 05' 52"					E-48-71-C-c
thôn Thủy Nam	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 22"	107° 05' 27"					E-48-71-C-c
thôn Thủy Trung	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 04' 37"	107° 06' 05"					E-48-71-C-c
Xóm Xuân	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Linh	17° 05' 43"	107° 04' 58"					E-48-71-C-c
bàu Bàu Mùi	TV	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 01' 41"	107° 00' 41"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Bến Tám	TV	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh			17° 01' 11"	107° 00' 29"	17° 00' 52"	107° 02' 36"	E-48-71-C-c
thôn Đặng Xá	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 02' 25"	107° 00' 54"					E-48-71-C-c
thôn Duy Viên	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 02' 27"	107° 00' 22"					E-48-71-C-c
thôn Lâm Cao	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 02' 05"	107° 01' 07"					E-48-71-C-c
thôn Mỹ Điền	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 00' 47"	107° 01' 16"					E-48-71-C-c
thôn Quảng Xá	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 01' 45"	107° 01' 36"					E-48-71-C-c
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-71-C-c
thôn Tiên Lai	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 01' 23"	107° 00' 55"					E-48-71-C-c
cầu Tiên Lai	KX	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 01' 09"	107° 00' 45"					E-48-71-C-c
thôn Tiên Mỹ 1	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	16° 59' 50"	107° 00' 33"					E-48-71-C-c
thôn Tiên Mỹ 2	DC	xã Vĩnh Lâm	H. Vĩnh Linh	17° 00' 13"	107° 00' 16"					E-48-71-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-71-C-c
đường tỉnh 571	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh			17° 05' 19"	106° 59' 10"	16° 54' 05"	106° 49' 09"	E-48-71-C-c
cầu Bảo Đài	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 30"	106° 57' 34"					E-48-70-D-d
hồ Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 43"	106° 55' 13"					E-48-70-D-d
kênh Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh			17° 03' 34"	106° 55' 31"	17° 00' 29"	107° 04' 16"	E-48-70-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Cầu Điện	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 46"	106° 58' 45"					E-48-70-D-d
thôn Cây Sy	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 12"	106° 58' 20"					E-48-71-C-c
Cầu Điện	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 29"	106° 58' 30"					E-48-70-D-d
thôn Gia Lâm	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 02' 44"	107° 00' 49"					E-48-71-C-c
sông Hồ Xá	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh			17° 03' 16"	107° 01' 05"	17° 02' 19"	107° 01' 17"	E-48-71-C-c
thôn Hoà Lộ	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 30"	106° 59' 44"					E-48-71-C-c
thôn Hoà Nam	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 37"	106° 58' 56"					E-48-71-C-c
cầu Khe Cáy	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 02' 02"	106° 54' 48"					E-48-70-D-d
suối Khe Cáy	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh			17° 01' 56"	106° 53' 21"	17° 02' 03"	106° 54' 53"	E-48-70-D-d
thôn Nhà Tài	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 35"	106° 59' 10"					E-48-70-D-d
thôn Phúc Lâm	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 02' 49"	107° 00' 08"					E-48-71-C-c
thôn Quảng Xá	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 29"	106° 56' 38"					E-48-70-D-d
thôn Sa Bắc	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 20"	106° 58' 54"					E-48-70-D-d
cầu Sa Lung	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 23"	106° 58' 08"					E-48-70-D-d
ga Sa Lung	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 35"	106° 57' 44"					E-48-70-D-d
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-70-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Sa Nam	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 02' 51"	106° 59' 09"					E-48-70-D-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 03' 37"	106° 58' 05"					E-48-71-C-c
thôn Trà Triện	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 41"	106° 59' 35"					E-48-71-C-c
thôn Trung Lập	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 02"	106° 58' 42"					E-48-71-C-c
thôn Xóm Mội	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Linh	17° 04' 20"	106° 59' 41"					E-48-71-C-c
đường tỉnh 572	KX	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh			17° 03' 38"	107° 00' 48"	17° 04' 33"	107° 06' 40"	E-48-71-C-c
thôn Nam Cường	DC	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh	17° 04' 16"	107° 02' 21"					E-48-71-C-c
thôn Nam Hùng	DC	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh	17° 05' 00"	107° 02' 09"					E-48-71-C-c
thôn Nam Phú	DC	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh	17° 04' 33"	107° 01' 36"					E-48-71-C-c
đồi Rờm Trai	SV	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh	17° 04' 26"	107° 02' 40"					E-48-71-C-c
Khe Su	TV	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh			17° 03' 55"	107° 02' 51"	17° 02' 57"	107° 01' 17"	E-48-71-C-c
khe Troong Cát	TV	xã Vĩnh Nam	H. Vĩnh Linh			17° 04' 19"	107° 03' 43"	17° 07' 34"	107° 02' 31"	E-48-71-C-c
đường tỉnh 571	KX	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			17° 05' 19"	106° 59' 10"	16° 54' 05"	106° 49' 09"	E-48-82-B
Núi Cam	SV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 54' 23"	106° 48' 19"					E-48-82-B
bản Cây Tắm	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 54"	106° 48' 51"					E-48-82-B
núi Đồng Chặt	SV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 56' 13"	106° 49' 56"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Đồng Nóc	SV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 55' 31"	106° 48' 17"					E-48-82-B
núi Đông Châu	SV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 56' 32"	106° 42' 02"					E-48-82-A
suối La Va	TV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			16° 55' 08"	106° 42' 34"	16° 54' 04"	106° 42' 23"	E-48-82-A
Bản Lèn	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 47"	106° 46' 48"					E-48-82-B
khe Ma Si	TV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			16° 54' 29"	106° 47' 30"	16° 53' 43"	106° 47' 46"	E-48-82-B
Bản Mích	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 54' 09"	106° 42' 36"					E-48-82-A
xóm Mới 1	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 38"	106° 47' 35"					E-48-82-B
xóm Mới 2	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 37"	106° 47' 15"					E-48-82-B
Khe Nài	TV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			16° 54' 27"	106° 49' 26"	16° 54' 03"	106° 49' 40"	E-48-82-B
Khe Pia	TV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			16° 54' 31"	106° 48' 29"	16° 54' 00"	106° 49' 14"	E-48-82-B
suối Rào Quang	TV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			16° 56' 40"	106° 47' 26"	16° 58' 27"	106° 49' 38"	E-48-82-B
Rào Thanh	TV	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh			16° 54' 03"	106° 44' 40"	16° 54' 17"	106° 52' 51"	E-48-82-B
Thôn Thúc	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 52"	106° 48' 01"					E-48-82-B
bản Xà Lôi	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 55"	106° 45' 60"					E-48-82-B
bản Xà Ninh	DC	xã Vĩnh Ô	H. Vĩnh Linh	16° 53' 56"	106° 44' 02"					E-48-82-B
đồi 15	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 59' 42"	106° 59' 28"					E-48-82-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đồi 17	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 56' 58"	106° 58' 55"					E-48-82-B
đồi 27	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 59' 16"	106° 59' 25"					E-48-82-B
sông Bến Hải	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-82-B
sông Bến Tám	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh			17° 01' 11"	107° 00' 29"	17° 00' 52"	107° 02' 36"	E-48-71-C-c
thôn Dục Đức	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 59' 00"	106° 59' 50"					E-48-82-B
hồ Dục Đức	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 58' 48"	106° 59' 24"					E-48-82-B
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 32"	107° 00' 17"	E-48-82-B
thôn Huỳnh Xá Hạ	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 59' 45"	107° 02' 45"					E-48-83-A-a
thôn Huỳnh Xá Thượng	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 58' 42"	107° 02' 07"					E-48-83-A-a
thôn Lê Xá	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 59' 31"	107° 01' 02"					E-48-83-A-a
thôn Nam Sơn	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 58' 50"	107° 01' 18"					E-48-83-A-a
thôn Phan Hiền	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 59' 51"	107° 01' 56"					E-48-83-A-a
khe Rào Trường	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh			16° 57' 43"	106° 54' 48"	16° 59' 54"	106° 55' 51"	E-48-82-B
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-71-C-c
thôn Tây Sơn	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 58' 36"	106° 58' 28"					E-48-82-B
thôn Tiên An	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 58' 32"	107° 02' 02"					E-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
ga Tiên An	KX	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Linh	16° 58' 44"	107° 01' 49"					E-48-83-A-a
đường tỉnh 574	KX	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh			17° 01' 03"	107° 02' 47"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c
thôn An Du Đông 1	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 01' 05"	107° 05' 00"					E-48-71-C-c
thôn An Du Đông 2	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 01' 04"	107° 05' 13"					E-48-71-C-c
thôn An Du Nam 1	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 01' 33"	107° 04' 46"					E-48-71-C-c
thôn An Du Nam 2	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 01' 25"	107° 04' 58"					E-48-71-C-c
thôn An Du Nam 3	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 05' 07"	107° 05' 07"					E-48-71-C-c
Thôn Cát	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 01' 45"	107° 05' 34"					E-48-71-C-c
Chợ Do	KX	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Linh	17° 01' 07"	107° 05' 27"					E-48-71-C-c
đường tỉnh 572	KX	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh			17° 03' 38"	107° 00' 48"	17° 04' 33"	107° 06' 40"	E-48-71-C-c
đường tỉnh 574	KX	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh			17° 01' 03"	107° 02' 47"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c
thôn An Cổ	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 03' 56"	107° 05' 57"					E-48-71-C-c
thôn An Đông	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 03' 50"	107° 06' 09"					E-48-71-C-c
thôn An Lễ	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 02' 38"	107° 05' 41"					E-48-71-C-c
Mũi Bang	TV	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 04' 36"	107° 06' 54"					E-48-71-C-c
thôn Bực	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 03' 29"	107° 05' 53"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Động Sỏi	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 02' 59"	107° 05' 09"					E-48-71-C-c
thôn Hắc Hiền	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 02' 06"	107° 05' 04"					E-48-71-C-c
thôn Khe Ba	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 03' 55"	107° 05' 25"					E-48-71-C-c
Mũi Lay	SV	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 05' 07"	107° 06' 52"					E-48-71-C-c
mũi Lò Vôi	SV	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 03' 32"	107° 06' 46"					E-48-71-C-c
thôn Sơn Hạ	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 04' 46"	107° 06' 24"					E-48-71-C-c
thôn Sơn Thượng	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 03' 57"	107° 06' 12"					E-48-71-C-c
thôn Vịnh Mốc	DC	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 04' 52"	107° 06' 36"					E-48-71-C-c
địa đạo Vịnh Mốc	SV	xã Vĩnh Thạch	H. Vĩnh Linh	17° 04' 32"	107° 06' 40"					E-48-71-C-c
thôn Đông Luật	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 07' 11"	107° 03' 09"					E-48-71-C-c
khe Giếng Voi	SV	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh			17° 04' 24"	107° 04' 05"	17° 06' 36"	107° 04' 17"	E-48-71-C-c
thôn Mạch Nước	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 09' 22"	107° 00' 00"					E-48-71-C-a
thôn Tân Hoà	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 06' 48"	107° 03' 49"					E-48-71-C-c
thôn Tân Mạch	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 08' 18"	107° 01' 27"					E-48-71-C-a
thôn Tân Thuận	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 06' 25"	107° 04' 30"					E-48-71-C-c
thôn Thái Lai	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 08' 56"	107° 00' 35"					E-48-71-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thử Luật	DC	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh	17° 07' 28"	107° 02' 12"					E-48-71-C-a
khe Troong Cát	SV	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh			17° 04' 19"	107° 03' 43"	17° 07' 34"	107° 02' 31"	E-48-71-C-a
khe Troong Đình	SV	xã Vĩnh Thái	H. Vĩnh Linh			17° 07' 06"	107° 01' 04"	17° 07' 36"	107° 02' 48"	E-48-71-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-71-C-c
đường tỉnh 574	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			17° 01' 03"	107° 02' 47"	17° 03' 59"	107° 05' 31"	E-48-71-C-c
kênh Bảo Đài	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			17° 03' 34"	106° 55' 31"	17° 00' 29"	107° 04' 16"	E-48-71-C-c
sông Bến Hải	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			16° 54' 17"	106° 52' 51"	17° 01' 00"	107° 06' 38"	E-48-82-B
thôn Hiền Lương	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh	17° 00' 28"	107° 02' 45"					E-48-71-C-c
cầu Hiền Lương	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh	17° 00' 18"	107° 02' 58"					E-48-71-C-c
thôn Liêm Công Đông	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh	17° 02' 03"	107° 03' 51"					E-48-71-C-c
thôn Liêm Công Phường	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh	17° 01' 56"	107° 03' 08"					E-48-71-C-c
thôn Liêm Công Tây	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh	17° 01' 57"	107° 03' 22"					E-48-71-C-c
khe Rú Lịnh	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			17° 03' 20"	107° 03' 52"	17° 01' 49"	107° 03' 14"	E-48-71-C-c
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-71-C-c
thôn Tân Trại Thượng	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh	17° 01' 41"	107° 04' 23"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
mương Thanh Niên	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Linh			17° 01' 11"	107° 02' 57"	17° 00' 52"	107° 04' 02"	E-48-71-C-c
thôn 26/3	DC	xã Vĩnh Thuỷ	H. Vĩnh Linh	17° 01' 02"	106° 58' 25"					E-48-70-D-d
Suối Đào	TV	xã Vĩnh Thuỷ	H. Vĩnh Linh			16° 59' 38"	106° 57' 24"	17° 00' 45"	106° 58' 42"	E-48-70-D-d
thôn Đức Xá	DC	xã Vĩnh Thuỷ	H. Vĩnh Linh	17° 02' 31"	106° 59' 16"					E-48-70-D-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Vĩnh Thuỷ	H. Vĩnh Linh			17° 03' 06"	106° 52' 12"	16° 48' 32"	107° 00' 17"	E-48-70-D-d
thôn Kinh Tế Mới	DC	xã Vĩnh Thuỷ	H. Vĩnh Linh	17° 00' 19"	106° 57' 16"					E-48-70-D-d
hồ La Ngà	TV	xã Vĩnh Thuỷ	H. Vĩnh Linh	17° 01' 23"	106° 56' 46"					E-48-70-D-d
thôn Linh Hải	DC	xã Vĩnh Thuỷ	H. Vĩnh Linh	17° 02' 48"	106° 57' 37"					E-48-70-D-d
khe Rào Trường	TV	xã Vĩnh Thuỷ	H. Vĩnh Linh			16° 57' 43"	106° 54' 48"	16° 59' 55"	106° 55' 52"	E-48-82-B
sông Sa Lung	TV	xã Vĩnh Thuỷ	H. Vĩnh Linh			16° 58' 27"	106° 49' 38"	17° 00' 16"	107° 02' 56"	E-48-70-D-d
thôn Thuỷ Ba Đông	DC	xã Vĩnh Thuỷ	H. Vĩnh Linh	17° 02' 00"	106° 59' 16"					E-48-70-D-d
thôn Thuỷ Ba Hạ	DC	xã Vĩnh Thuỷ	H. Vĩnh Linh	17° 00' 25"	106° 59' 50"					E-48-70-D-d
thôn Thuỷ Ba Tây	DC	xã Vĩnh Thuỷ	H. Vĩnh Linh	17° 01' 13"	106° 59' 07"					E-48-70-D-d
đồi Ba Cao	SV	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 06' 25"	107° 03' 02"					E-48-71-C-c
Nông trường Bến Hải	KX	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 04' 41"	107° 03' 21"					E-48-71-C-c
xóm Cồn Vải	DC	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 06' 06"	107° 03' 45"					E-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khe Giếng Voi	TV	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh			17° 04' 24"	107° 04' 05"	17° 06' 36"	107° 04' 17"	E-48-71-C-c
thôn Huỳnh Công Đông	DC	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 05' 45"	107° 02' 09"					E-48-71-C-c
thôn Mỹ Hội	DC	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 05' 55"	107° 04' 06"					E-48-71-C-c
bàu Nhà Trợn	TV	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 05' 18"	107° 02' 25"					E-48-71-C-c
Bàu Sen	TV	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 05' 51"	107° 02' 54"					E-48-71-C-c
thôn Thủy Trung	DC	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh	17° 05' 30"	107° 03' 20"					E-48-71-C-c
khe Troong Cát	TV	xã Vĩnh Trung	H. Vĩnh Linh			17° 04' 19"	107° 03' 43"	17° 07' 34"	107° 02' 31"	E-48-71-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh			17° 07' 44"	106° 57' 21"	16° 36' 19"	107° 19' 26"	E-48-70-D-d
thôn Đông Trường	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 06' 15"	106° 59' 27"					E-48-70-D-d
thôn Hạ Kè	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 05' 36"	106° 59' 12"					E-48-70-D-d
thôn Mỹ Duyệt	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 07' 20"	106° 59' 43"					E-48-70-D-d
Bàu Sậm	TV	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 09' 04"	106° 59' 24"					E-48-70-B-d; E-48-70-D-b
thôn Tây 1	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 05' 54"	107° 01' 25"					E-48-71-C-c
thôn Tây 2	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 06' 08"	107° 01' 11"					E-48-71-C-c
thôn Tây 3	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 06' 23"	107° 01' 02"					E-48-70-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thủy Tú 1	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 06' 50"	107° 00' 34"					E-48-70-D-d
thôn Thủy Tú 2	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 06' 59"	107° 00' 20"					E-48-70-D-d
thôn Thủy Tú Phường	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 07' 07"	107° 00' 09"					E-48-71-C-c
bàu Thủy Ứ	TV	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 06' 54"	107° 00' 52"					E-48-71-C-c
Bàu Trạng	TV	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 07' 49"	107° 00' 42"					E-48-71-C-a
khe Troong Đình	TV	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh			17° 07' 06"	107° 01' 04"	17° 07' 36"	107° 02' 48"	E-48-71-C-c
thôn Từ Chính	DC	xã Vĩnh Tú	H. Vĩnh Linh	17° 05' 08"	106° 59' 33"					E-48-70-D-d

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc